

Phát triển bền vững



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Niên độ tài chính 2011 - 2012

Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi	03
Những con số nổi bật NĐTC 2011 - 2012	06
<hr/>	
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	08
11 năm xây dựng và phát triển	10
Mô hình Công ty Tập đoàn Hoa Sen	12
Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Tập đoàn Hoa Sen	13
Năng lực sản xuất	16
Danh mục sản phẩm	18
5 Lợi thế cạnh tranh cốt lõi	20
<hr/>	
Hội đồng Quản trị	32
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	34
Ban Tổng Giám Đốc	40
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	42
Ban Kiểm Soát	50
Quản trị doanh nghiệp	52
Quản lý rủi ro	56
Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	58
<hr/>	
Các công ty con	
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	60
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	62
Công ty TNHH MTV Vận tải & Cơ khí Hoa Sen	65
Nguồn nhân lực	66
Thông tin cổ phần	70
Hệ thống chi nhánh	74
<hr/>	

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012 CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐÃ KIỂM TOÁN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN
VÀ CÁC CÔNG TY CON ĐÃ KIỂM TOÁN**

Tầm nhìn, sứ mệnh Giá trị cốt lõi



Sen vàng - Chất lượng vàng

Tầm nhìn

Trở thành một tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực vật liệu xây dựng bằng chiến lược phát triển bền vững, trong đó tập trung vào các sản phẩm truyền thống: tôn, thép, nhựa trên cơ sở xây dựng và phát triển chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi: quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.

Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm mang thương hiệu Hoa Sen với chất lượng quốc tế và giá hợp lý nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc đất nước và phát triển cộng đồng.

Giá trị cốt lõi

Trung thực - Cộng đồng - Phát triển

Triết lý kinh doanh

Chất lượng sản phẩm là trọng tâm
Lợi ích khách hàng là then chốt
Thu nhập nhân viên là trách nhiệm
Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ





Trung Thực

Trung Thành

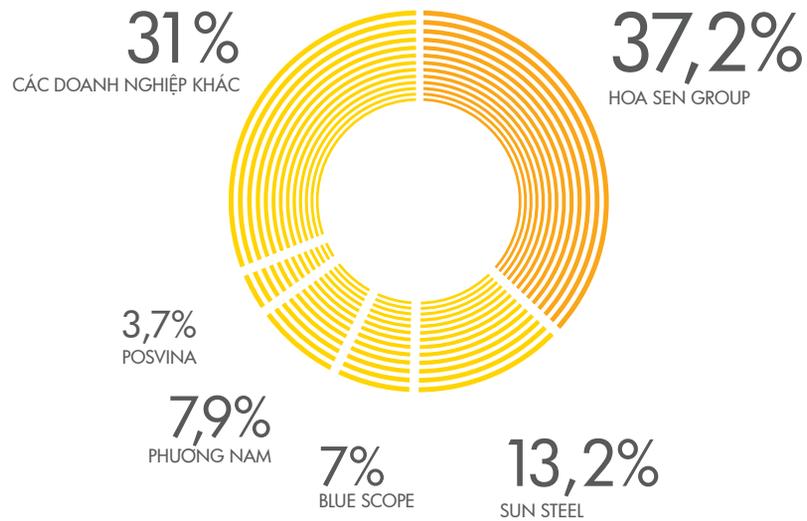
Tận Tụy

Trí Tuệ

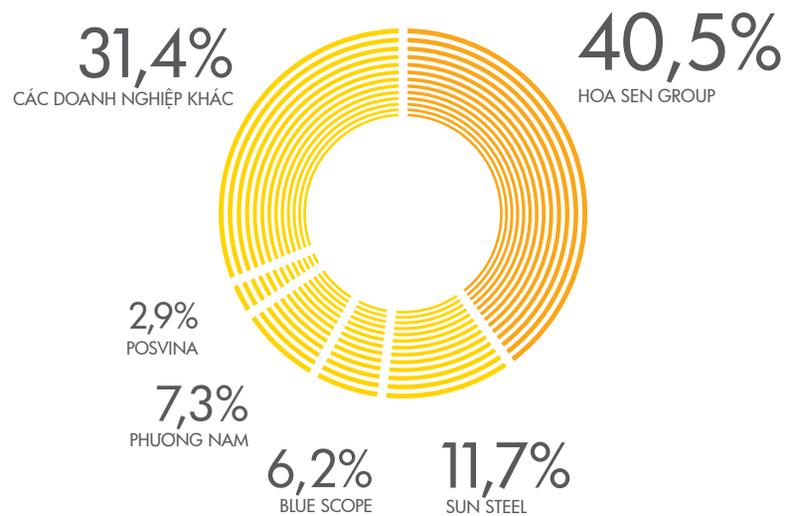
Thân Thiện

Những con số nổi bật NĐTC 2011 - 2012

Biểu đồ thị phần tôn mạ năm 2011



Biểu đồ thị phần tôn mạ ước năm 2012



Ghi chú: Bản tin nội bộ Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2011 và tháng 11/2012, Không tính sản lượng bán của Công ty Perstima Việt Nam do tôn mạ thiếc không phục vụ công nghiệp xây dựng

1

Trong niên độ tài chính năm 2011 - 2012, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tôn mạ số 1 Việt Nam và là 1 trong những doanh nghiệp xuất khẩu tôn mạ hàng đầu Đông Nam Á.

3

Ngày 24/06/2012, Ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng, nhằm ghi nhận những đóng góp của cá nhân Ông cho nền kinh tế và xã hội trong suốt hơn mười năm qua.



108

Tháng 05/2012, Tập đoàn Hoa Sen khai trương chi nhánh phân phối - bán lẻ thứ 108 tại Tây Ninh, góp phần gia tăng năng lực bán hàng và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Tập đoàn.



130

Trong điều kiện kinh tế vĩ mô còn nhiều khó khăn, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 130% so với niên độ trước.

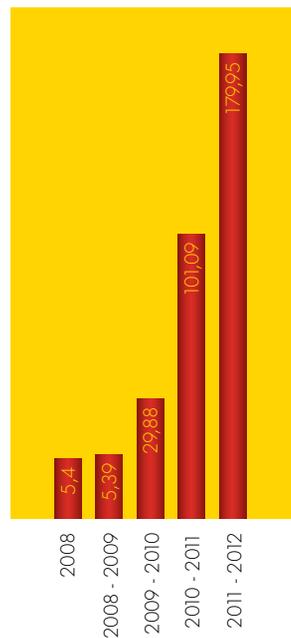
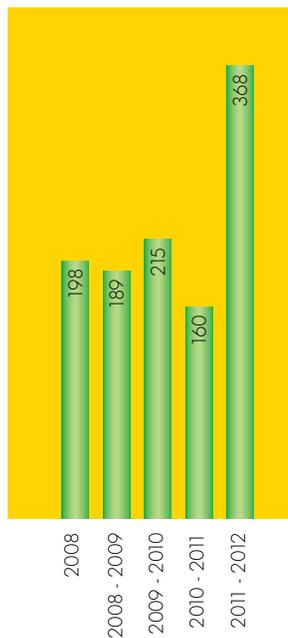
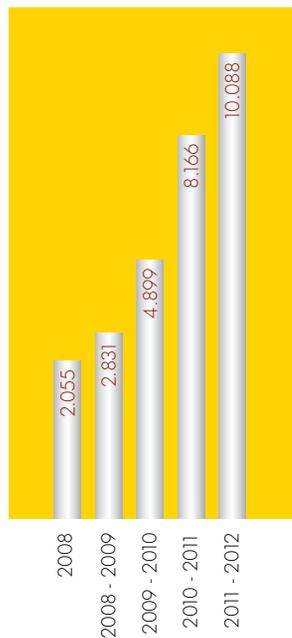
180

Doanh thu xuất khẩu niên độ tài chính 2011 - 2012 xấp xỉ 180 triệu USD, tăng trưởng hơn 78% so với niên độ trước.



2012

Tôn Hoa Sen vinh dự đạt Thương Hiệu Quốc Gia 2012. Đây là niềm tự hào của Tập đoàn Hoa Sen, khẳng định chất lượng sản phẩm Tôn Hoa Sen trên thị trường trong và ngoài nước, đồng thời góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Việt Nam.



■ Doanh thu (Tỷ đồng)

■ Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)

■ Doanh thu xuất khẩu (Triệu USD)

Thông điệp của Chủ Tịch Hội đồng Quản trị

“Năm 2012, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, Tập đoàn Hoa Sen là một trong số ít doanh nghiệp vẫn tiếp tục tăng trưởng về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận”



Kính thưa Quý vị cổ đông,

Năm 2012 đã qua đi trong bối cảnh bức tranh kinh tế thế giới đang bị phủ bóng đen bởi cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu và cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Đối với kinh tế vĩ mô trong nước, mặc dù đã có những biện pháp điều chỉnh về lãi suất kết hợp với những chính sách hỗ trợ của chính phủ, tuy nhiên năm 2012 cũng đánh dấu sự đuối sức của các doanh nghiệp sau gần một nửa thập niên ngưng lặn trong cơn bão khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Vượt qua những khó khăn đó, niên độ tài chính 2011 - 2012 Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định sự phát triển mạnh mẽ nhờ chuỗi lợi thế kinh doanh cốt lõi đã được xây dựng trong suốt quá trình phát triển, sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng Quản trị, sự điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc và nỗ lực của gần 3.000 cán bộ, nhân viên Tập đoàn.

Với sản lượng tiêu thụ đạt trên 453.000 tấn, chiếm trên 40% thị phần tôn mạ của cả nước, doanh thu vượt mốc 10.000 tỷ đồng, Tập đoàn Hoa Sen đã cơ bản hoàn thành kế hoạch về sản lượng, doanh thu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đặc biệt, với lợi nhuận sau thuế đạt 368 tỷ đồng vượt 53% kế hoạch đã cho thấy hoạt động Tập đoàn Hoa Sen đang đi vào chiều sâu, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

Niên độ tài chính 2011 - 2012 cũng đánh dấu bước đột phá trong công tác xuất khẩu với sản lượng xuất khẩu đạt gần 180.000 tấn, doanh thu đạt gần 180 triệu USD. Bên cạnh việc phát triển hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ, xuất khẩu đã trở thành kênh bán hàng chủ lực với việc đóng góp 37% trong cơ cấu doanh thu, tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp xuất khẩu tôn mạ hàng đầu Đông Nam Á. Đây là thành quả của những quyết sách đúng đắn trong việc đa dạng hóa kênh bán hàng nhằm thích nghi với sự giảm sút nhu cầu tiêu thụ trong nước, ổn định được một phần nguồn ngoại tệ phục vụ nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, giúp Tập đoàn giảm thiểu rủi ro chênh lệch tỷ giá, tạo cơ sở để Tập đoàn huy động nguồn vốn bằng ngoại tệ với lãi suất thấp.

Cùng với việc phát triển mạng lưới tiêu thụ, việc đầu tư nghiên cứu để cho ra những sản phẩm mới, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng cũng được chú trọng. Trong niên độ vừa qua, Tập đoàn đã nghiên cứu thành công và giới thiệu ra thị trường dòng sản phẩm tôn Metallic với những đặc điểm nổi bật là bề mặt có ánh kim, có tính thẩm mỹ cao. Việc cho ra sản phẩm này hứa hẹn sẽ tạo ra bước đột phá trong việc định hướng thị hiếu của người tiêu dùng và tạo ra giá trị gia tăng cao hơn cho Tập đoàn.

Với bước phát triển mạnh mẽ và những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước, Tập đoàn Hoa Sen đã vinh dự nhận nhiều giải thưởng cao quý: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Tài chính về chấp hành tốt nghĩa vụ thuế. Đặc biệt, Tôn Hoa Sen vinh dự đạt Thương hiệu Quốc gia 2012. Đây là niềm tự hào của Tập đoàn Hoa Sen, khẳng định chất lượng sản phẩm Tôn Hoa Sen trên thị trường trong và ngoài nước, đồng thời góp phần

nâng cao giá trị thương hiệu Việt Nam.

Những kết quả nêu trên một lần nữa là minh chứng khẳng định Tập đoàn Hoa Sen đang bước những bước đi vững chắc trên con đường trở thành tập đoàn sản xuất và kinh doanh tôn mạ hàng đầu khu vực Đông Nam Á, khẳng định cam kết của một thương hiệu luôn hướng tới mục đích tạo ra những giá trị cao nhất cho người tiêu dùng và toàn xã hội.

Bước sang năm 2013, khi công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế mới chỉ ở giai đoạn bắt đầu với mục tiêu ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô, dự báo nhu cầu tiêu thụ trong nước sẽ tăng trưởng chậm, đối với ngành thép sẽ chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt hơn tại thị trường trong nước, đồng thời một số dấu hiệu cho thấy các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á có thể sẽ sử dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch, đó sẽ là thách thức vô cùng lớn đối với mục tiêu tăng trưởng mà Tập đoàn phải vượt qua.

Những thách thức trên đòi hỏi Tập đoàn Hoa Sen phải linh hoạt đưa ra nhiều kịch bản kinh doanh để ứng phó với những biến động của thị trường. Bên cạnh đó, công tác quản trị phải đi vào chiều sâu, minh bạch, gắn hiệu quả kinh doanh với thu nhập của người lao động; không ngừng cải tiến kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống định mức sản xuất nhằm tiết giảm tối đa chi phí; nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng thông qua việc chuyên nghiệp hóa hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ, tìm kiếm các thị trường xuất khẩu mới, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các thị trường xuất khẩu truyền thống nhằm hạn chế các rủi ro về chính sách; đẩy mạnh công tác tiếp thị nhằm tăng cường mật độ hiện diện của thương hiệu trong tâm trí người tiêu dùng.

Tôi tin tưởng rằng, với tiền đề là chuỗi lợi thế kinh doanh cốt lõi mà chúng ta đã xây dựng, những thành quả to lớn đã đạt được trong niên độ tài chính 2011 - 2012, với đội ngũ nhân sự trẻ, đầy nhiệt huyết, thấm nhuần triết lý văn hóa Tập đoàn, đã được tôi luyện qua khủng hoảng và đặc biệt, với sự ủng hộ của quý cổ đông, quý đối tác, khách hàng, chúng ta sẽ cùng nhau đạt được những thành quả to lớn hơn để khẳng định thương hiệu và vị thế của Tập đoàn Hoa Sen.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Tập đoàn Hoa Sen, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị và hy vọng rằng Quý vị luôn đồng hành cùng Tập đoàn trên chặng đường phát triển mới.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.
Trân trọng cảm ơn./.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Lê Phước Vũ

11 năm xây dựng và phát triển

Ngày 08/8/2012, Tập đoàn Hoa Sen chính thức tròn 11 năm ngày thành lập.

Dấu ấn 11 năm, Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng thành công hệ thống nhà máy sản xuất có công nghệ hiện đại, tạo được chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, khẳng định vị thế số 1 về thị phần tôn mạ trong nước và là một trong những doanh nghiệp hàng đầu về xuất khẩu tôn mạ tại Đông Nam Á. Với chiến lược kinh doanh bền vững và sáng tạo, Tập đoàn Hoa Sen sẽ tiếp tục phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

2001 - 2003

Ngày 08/8/2001, Công ty Cổ phần Hoa Sen, tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (Tập đoàn Hoa Sen) được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu 30 tỷ đồng, 22 nhân viên và 3 chi nhánh phân phối - bán lẻ trực thuộc. Đến cuối năm 2003, Tập đoàn sở hữu 34 chi nhánh phân phối - bán lẻ.

2004

Thành lập thêm 15 chi nhánh, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 49.

Khai trương và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu I, công suất 45.000 tấn/năm; đồng thời khánh thành Trụ sở Tập đoàn tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

2005

Thành lập thêm 7 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 56.

2006

Thành lập thêm 3 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 59.

Khởi công xây dựng Nhà máy Thép cán nguội 180.000 tấn/năm tại KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Tham gia thành lập Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen.

2007

Thành lập thêm 16 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 75.

Tham gia thành lập Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hoa Sen và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Hoa Sen.

Khánh thành Nhà máy Thép cán nguội Hoa Sen, công suất 180.000 tấn/năm, đồng thời khởi công xây dựng dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng) công suất 150.000 tấn/năm.

Khởi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa và Vật liệu Xây dựng Hoa Sen tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tháng 12/2007, Công ty Cổ phần Hoa Sen đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và tiến hành nhận sáp nhập 3 công ty: Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Hoa Sen.

2008

Thành lập thêm 4 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 79.

Hợp tác với Công ty Cổ phần Gemadept thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept với vốn điều lệ 39 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Hoa Sen là 45%.

Khánh thành giai đoạn I Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa và Vật liệu Xây dựng Hoa Sen tại KCN Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Khánh thành dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng) công suất 150.000 tấn/năm và dây chuyền mạ màu II, công suất 45.000 tấn/năm.

2008 - 2009

Thành lập thêm 3 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 82.

Ngày 05/12/2008, niêm yết 57.038.500 cổ phiếu của Tập đoàn Hoa Sen tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM với mã chứng khoán HSG.

Khởi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



2009 - 2010

Thành lập thêm 11 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 93.
Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn và cán bộ công nhân viên, tăng vốn điều lệ từ 570 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.

Khai trương và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày), công suất 450.000 tấn/năm và dây chuyền mạ màu công suất 180.000 tấn/năm thuộc Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Phát hành cổ phiếu thưởng và cổ phiếu trả cổ tức NĐTC 2008 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 839,960 tỷ đồng.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức NĐTC 2008 - 2009 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 839,960 tỷ đồng lên 1.007,907 tỷ đồng.

2010 - 2011

Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Tập đoàn Hoa Sen.

Khánh thành giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Thành lập thêm 13 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 106.

Doanh thu xuất khẩu đạt 101 triệu USD.

2011 - 2012

Doanh thu xuất khẩu đạt 180 triệu USD, trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu tôn mạ hàng đầu Đông Nam Á.

Triển khai đầu tư bổ sung dây chuyền mạ kẽm/hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF công suất 120.000 tấn/năm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.

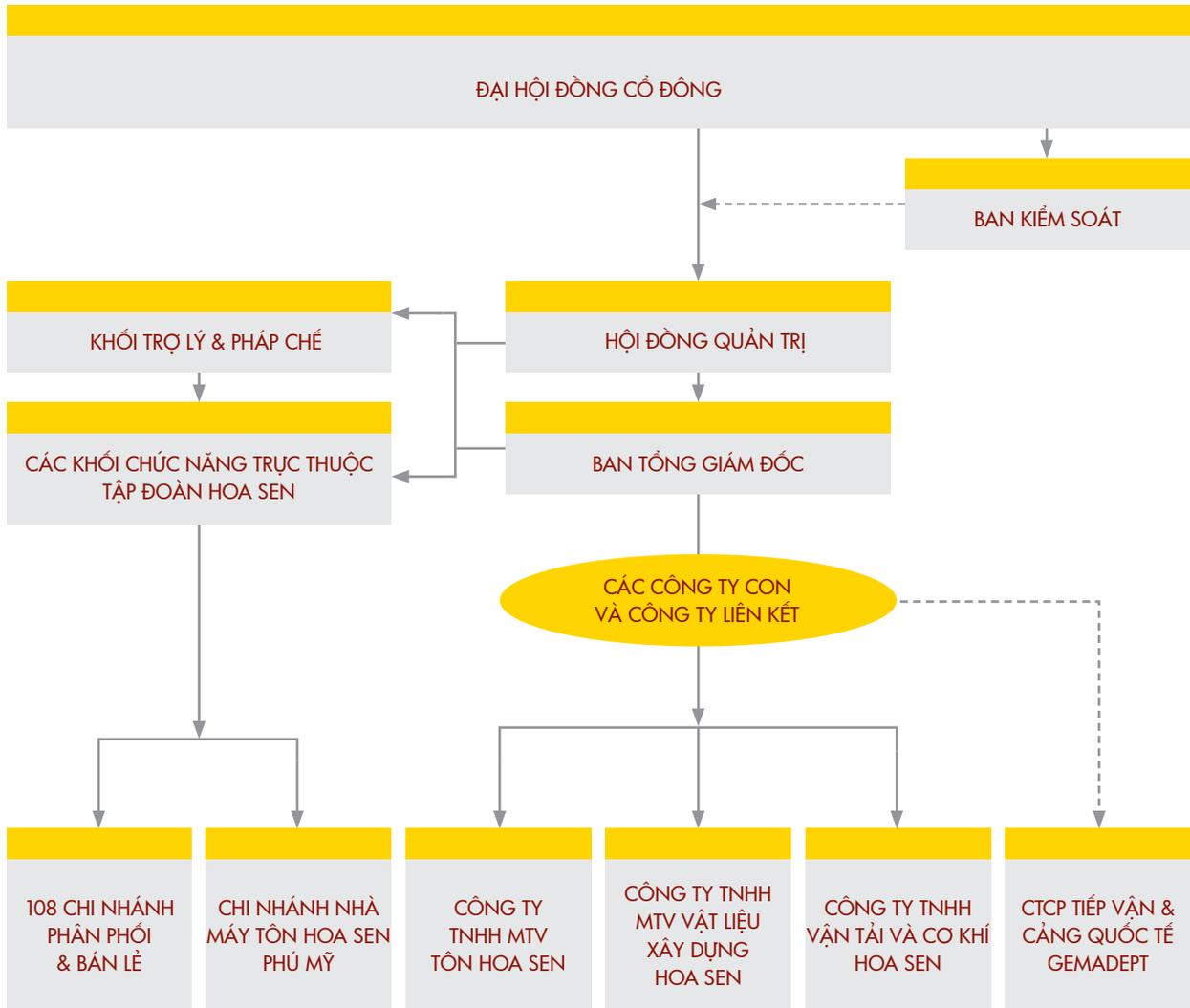
Công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới.

Tôn Hoa Sen vinh dự đạt Thương Hiệu Quốc Gia 2012

Thành lập thêm 02 chi nhánh phân phối - bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối - bán lẻ lên 108.

Khai trương đại lý nhượng quyền thương mại đầu tiên tại Đắk Nông vào ngày 12/08/2012.

Mô hình Tập Đoàn Hoa Sen

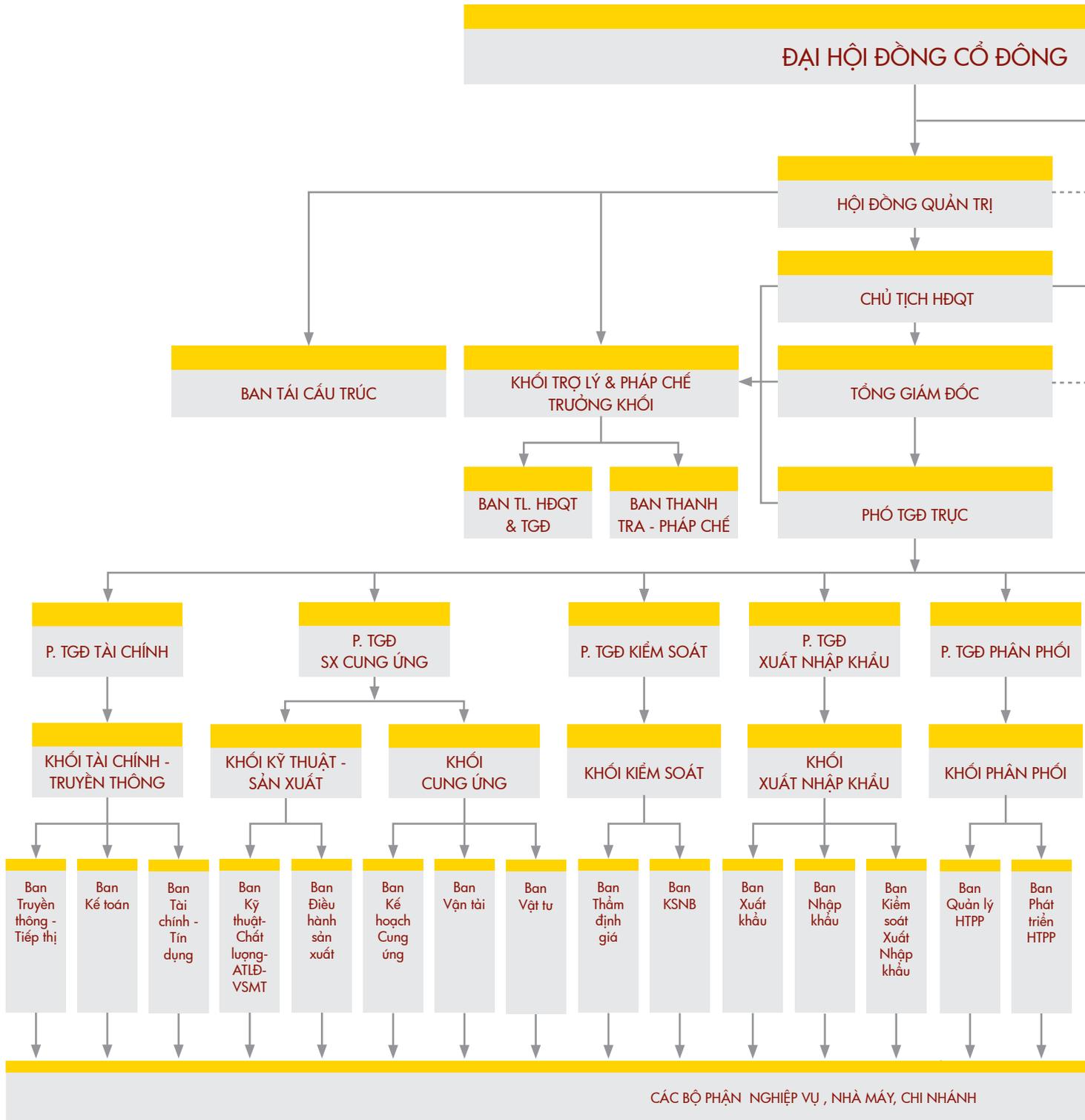


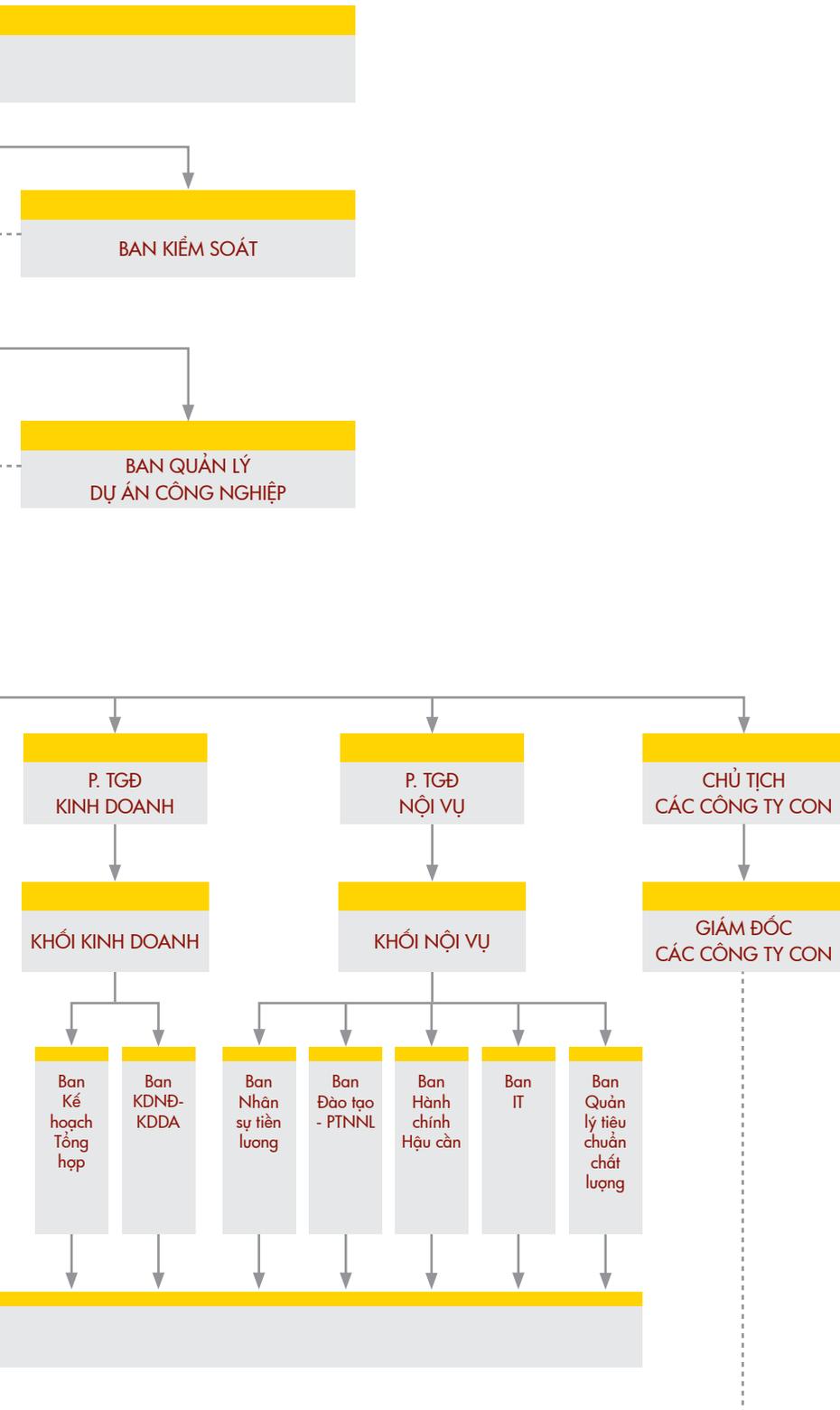
Ghi chú:

————— Quản lý trực tiếp

----- Phối hợp kiểm tra

Cơ cấu tổ chức Tập đoàn Hoa Sen







Năng lực sản xuất



Tập đoàn Hoa Sen đã đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong các ngành tôn, thép, nhựa tại Việt Nam hiện nay.

Đơn vị quản lý	Dây chuyền sản xuất chính	Số lượng	Tổng công suất thiết kế (Tấn/năm)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng)	1	150.000
	Dây chuyền mạ màu	2	90.000
	Cụm lò ủ	1	42.000
Chi nhánh Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày)	1	450.000
	Dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng)	1	100.000
	Dây chuyền mạ màu	1	180.000
	Cụm lò ủ	2	142.000
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Dây chuyền cán nguội	3	580.000
	Dây chuyền tẩy rỉ	2	950.000
	Dây chuyền tái sinh axit	1	5.000 lít/giờ
Công ty TNHH MTV Vật liệu - Xây dựng Hoa Sen KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Dây chuyền thép hộp và ống thép	17	150.000
	Dây chuyền ống nhựa	12	30.000



Danh mục sản phẩm

Thép cán nguội

Với công nghệ cán 6 trục đảo chiều tiên tiến, sản phẩm thép cán nguội tại Tập đoàn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng.

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh)

Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn ASTM A792M của Hoa Kỳ, AS 1397 (G550) - AS 1365 (G300) của Úc và JIS G3321 của Nhật Bản. Bề mặt sản phẩm bóng đẹp, màu ánh bạc, khả năng chống ăn mòn vượt trội, kháng nhiệt hiệu quả, linh hoạt trong thiết kế và có tuổi thọ gấp 4 lần so với tôn kẽm thông thường.

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ màu (Tôn lạnh màu)

Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền hợp kim nhôm kẽm, tạo cho sản phẩm độ bền vượt trội, độ thẩm mỹ cao.

Tôn mạ kẽm

Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại, sản phẩm đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất đối với thép lá mạ kẽm theo tiêu chuẩn Nhật Bản (JIS G3302). Khả năng chống ăn mòn tốt, bề mặt lớp mạ nhẵn mịn, sản phẩm tôn mạ kẽm Hoa Sen là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng.

Tôn mạ kẽm phủ màu

Sự đa dạng về màu sắc và quy cách của tôn mạ kẽm phủ màu Hoa Sen luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.

Tôn Metallic

Vừa được Tập đoàn Hoa Sen nghiên cứu sản xuất và giới thiệu ra thị trường, sản phẩm tôn Metallic có đặc điểm nổi bật là bề mặt có ánh kim nên tính thẩm mỹ rất cao, được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng. Bên cạnh việc sử dụng để lợp mái nhà, tôn metallic còn được ứng dụng nhiều trong lĩnh vực trang trí nội thất mang lại sự sang trọng, tinh tế cho ngôi nhà.



2



3



1

Thép dày mạ kẽm

Với nguồn nguyên liệu đầu vào là thép cán nguội chất lượng cao của Tập đoàn Hoa Sen, cùng với công nghệ mạ NOF hiện đại, sản phẩm thép dày mạ kẽm Hoa Sen, đáp ứng được các yêu cầu đa dạng trong xây dựng công nghiệp, dân dụng.

Thép hộp và Ống thép

Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép Hoa Sen có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn: JIS G3344:2004 (Nhật Bản), JIS G3466:2006 (Nhật Bản), ASTM A53/A53M-07 (Hoa Kỳ); ASTM A500/A 500M-07 (Hoa Kỳ).

Ống nhựa và phụ kiện

Được sản xuất trên dây chuyền hiện đại theo công nghệ Châu Âu với hệ thống trộn trung tâm cho ra sản phẩm đồng nhất và chất lượng cao theo tiêu chuẩn: BS

Công nghệ tiên tiến tạo ra sản phẩm đa dạng với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế

3505: 1968/BS EN 1452-2: 2009 (Anh); AS/NZS 1477: 2006 (Úc), TCVN 6151-2: 2002 (Việt Nam). Áp dụng công nghệ chính tâm nhiệt hiện đại, Tập đoàn Hoa Sen đã sản xuất được ống nhựa uPVC đường kính 630 mm, dày 30 mm, áp suất 12,5 bar lớn nhất trên thế giới hiện nay. Ống nhựa Hoa Sen được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như: cấp thoát nước dân dụng và công cộng, các công trình điện lực, viễn thông, bơm cát...



4



7



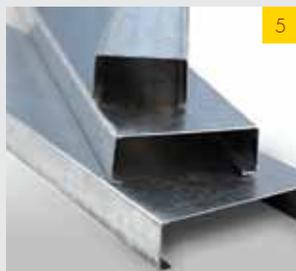
8



9



10



5



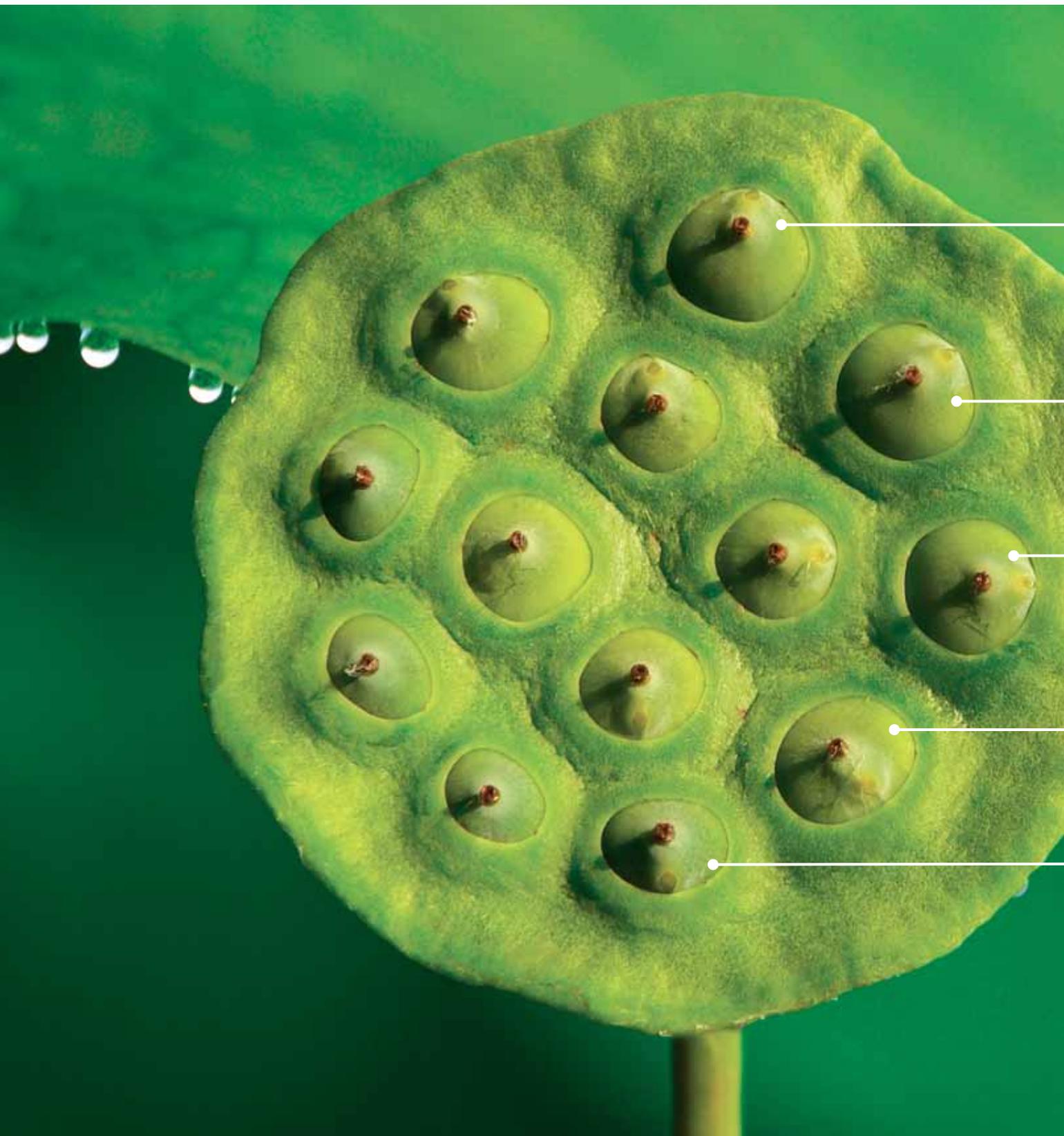
6

1. Thép cán nguội
2. Tôn lạnh
3. Tôn lạnh màu
4. Ứng dụng sản phẩm Tập đoàn Hoa Sen
5. Xà gồ

6. Ống thép
7. Tôn kẽm màu
8. Thép dày mạ kẽm
9. Thép hộp
10. Ống nhựa

5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





1 Quy trình sản xuất kinh doanh khép kín

2 Sở hữu hệ thống 108 chi nhánh phân phối - bán lẻ và mô hình đại lý nhượng quyền thương mại

3 Thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng

4 Hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp đặc thù

5 Tiên phong đầu tư công nghệ mới

5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

QUY TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH KHÉP KÍN

- Quy trình sản xuất tôn - thép của Tập đoàn Hoa Sen bắt đầu từ dây chuyền sản xuất thép cán nguội. Thép cán nóng nhập khẩu đi qua dây chuyền này sẽ tạo ra thép cán nguội dạng cuộn.

- Sản phẩm thép cán nguội tiếp tục là nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền mạ để cho ra sản phẩm cuối cùng là tôn mạ.

- Đặc biệt, ở từng giai đoạn của quy trình sản xuất này, các thành phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đều đáp ứng được những tiêu chuẩn chất lượng quốc tế của Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản. Do đó, những sản phẩm này đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường đối với các sản phẩm thép cán nguội và tôn mạ.

- Thông qua hệ thống hơn 108 chi nhánh phân phối - bán lẻ trên toàn quốc và mô hình đại lý nhượng quyền thương mại, các sản phẩm chất lượng cao của Hoa Sen được đưa đến tận tay người tiêu dùng.

- Tập đoàn Hoa Sen bắt đầu xuất khẩu sản phẩm từ năm 2008, sản phẩm của Tập đoàn đã và đang xuất khẩu hơn 26 quốc gia, vùng lãnh thổ trên toàn thế giới như Đông Nam Á, Tây Á, Trung Đông, Đông Phi, Tây Phi, Nam Mỹ, Úc ... Hiện tại, Tập đoàn Hoa Sen trở thành một trong những nhà xuất khẩu tôn mạ hàng đầu Đông Nam Á.

Với quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, Tập đoàn Hoa Sen chủ động và kiểm soát chặt chẽ chi phí từng khâu trong quá trình sản xuất. Điều này giúp tối thiểu hóa chi phí và đạt được hiệu quả kinh tế theo phạm vi. Đây là cơ sở để Tập đoàn Hoa Sen thực thi chiến lược dẫn đầu thị trường dựa vào chi phí sản xuất kinh doanh thấp nhất.



Thực thi chiến lược dẫn đầu về chi phí thấp



5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

SỞ HỮU HỆ THỐNG 108 CHI NHÁNH PHÂN PHỐI - BÁN LẺ VÀ MÔ HÌNH ĐẠI LÝ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

Không ngừng phát triển,
tăng trưởng thị phần



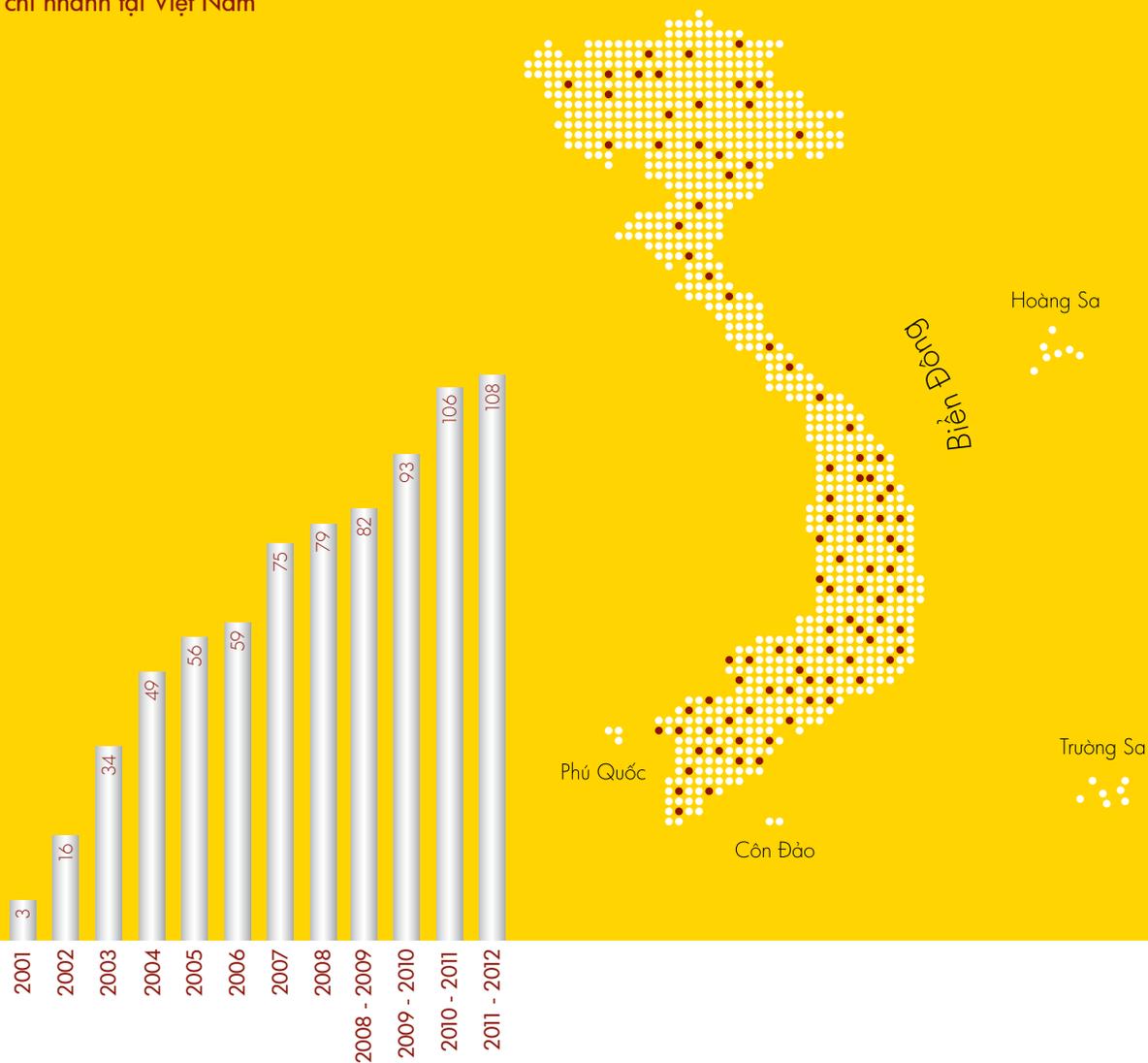
Ngay từ những ngày đầu thành lập, Tập đoàn Hoa Sen đã thực hiện chiến lược “mua tận gốc, bán tận ngọn” thông qua hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ. Từ năm 2012, Tập đoàn bắt đầu triển khai mô hình đại lý nhượng quyền thương mại. Với việc quản lý tập trung và thống nhất theo các chính sách chung, thông qua hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ, mô hình đại lý nhượng quyền thương mại, Tập đoàn Hoa Sen đã kiểm soát chặt chẽ chất lượng các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng. Điều này đã tạo dựng niềm tin vững chắc của người tiêu dùng đối với các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen.

Qua 11 năm phát triển, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ bao phủ toàn quốc đã trở thành một ưu thế lớn của Tập đoàn trong việc tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới của Tập đoàn đến với thị trường. Trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ càng phát huy vai trò chiến lược khi Tập đoàn có thể linh hoạt trong các chính sách bán hàng để tạo ra dòng tiền ổn định, duy trì tính thanh khoản. Đặc điểm này là cơ sở để Tập đoàn nhanh chóng ổn định tình hình sản xuất kinh doanh khi gặp điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi và tiếp tục khẳng định vị thế số 01 đối với các sản phẩm tôn mạ tại Việt Nam.

Kênh phân phối các nước trên thế giới



Biểu đồ phát triển hệ thống chi nhánh tại Việt Nam



5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

THƯƠNG HIỆU MẠNH, THÂN THIỆN VÀ HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

Ý thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, Tập đoàn Hoa Sen không chỉ tập trung tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn luôn chú trọng thực hiện các hoạt động xã hội đa dạng và thiết thực, dành cho nhiều đối tượng khác nhau. Trong nhiều năm liền, bằng các chương trình tiếp thị đa dạng và sáng tạo thông qua việc tài trợ các hoạt động cộng đồng và từ thiện xã hội, thương hiệu Hoa Sen đã thấm sâu vào trái tim người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

Đặc biệt, Tôn Hoa Sen vinh dự đạt Thương hiệu Quốc gia 2012. Đây là niềm tự hào của Tập đoàn Hoa Sen, khẳng định chất lượng sản phẩm Tôn Hoa Sen trên thị trường trong và ngoài nước, đồng thời góp phần nâng cao giá trị thương hiệu Việt Nam.



DIỆN MẠO MỚI, TẦM CAO MỚI



Chiến lược xây dựng thương hiệu độc đáo

“Với logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới, Tập đoàn Hoa Sen sẽ bước vào thời kỳ phát triển mới với những mục tiêu cao hơn, thử thách khắc nghiệt hơn nhưng cũng hứa hẹn những mùa gặt bội thu” - Lê Phước Vũ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen chính thức thay đổi logo mới và toàn bộ hệ thống nhận diện thương hiệu. Đây là một sự kiện thể hiện khát khao không ngừng vươn lên tầm cao mới, hoàn mỹ hơn của Tập đoàn Hoa Sen trên thương trường vốn đang cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Logo gồm hai phần: phần biểu tượng và phần chữ bên dưới. Biểu tượng hoa sen được cách điệu thành tám cánh tượng trưng cho “bát chánh đạo” và sự vươn lên mạnh mẽ trong thời đại mới, những cánh hoa sử dụng hiệu ứng 3D như chồng xếp lên nhau. Màu vàng của biểu tượng trên nền nâu đỏ là 2 màu đặc trưng của Phật giáo cũng là màu truyền thống của Tập đoàn Hoa Sen trong 10 năm qua.



Về thông điệp màu sắc, theo ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị, màu vàng và màu nâu đỏ được giữ nguyên từ logo cũ. Màu vàng luôn dẫn lối trên con đường chính nghĩa, sự đúng đắn và trung thực, thể hiện sự ấm áp, thân thiện và vui vẻ, gắn liền với văn hóa của Tập đoàn.

Màu nâu đỏ là màu của sự giản dị, chân chất, bền bỉ nhưng vẫn thể hiện được sự mạnh mẽ và bền vững. Qua đó logo mới muốn chuyển tải thông điệp Tập đoàn Hoa Sen luôn phát triển vững mạnh, bền bỉ qua thời gian để đem đến cho khách hàng, xã hội những giá trị tốt đẹp. Tập đoàn Hoa Sen sử dụng biểu tượng hoa sen theo tinh thần Phật giáo, hàm ý sự vô nhiễm, trù phú, kiên nhẫn, viên dung, thanh lương, hành trực, ngẫu không và bồ đề thực của những con người trong ngôi nhà chung Hoa Sen đang ngày ngày dày công vun đắp những giá trị lớn lao cho xã hội.

5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP ĐẶC THÙ



Văn hóa doanh nghiệp

Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng hệ thống quản trị dựa trên nền tảng văn hoá doanh nghiệp 10 chữ T: Trung thực - Trung thành - Tận tụy - Trí tuệ - Thân thiện. Đây là yếu tố quan trọng góp phần vào quá trình phát triển nhanh và bền vững của Tập đoàn Hoa Sen trong 10 năm qua.

Trung thực

Trung thực và minh bạch trong mọi hoạt động.

Cộng đồng

Luôn chia sẻ với cộng đồng những thành quả của mình là nét đẹp rất nhân bản của Tập đoàn Hoa Sen đã đi sâu vào tâm trí của nhiều người Việt Nam.

Phát triển

Liên tục phát triển, đưa thương hiệu Hoa Sen vươn đến những tầm cao mới.

Phát triển vì cộng đồng



5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi

TIÊN PHONG ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MỚI

Tại Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen luôn đi tiên phong trong đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ mới.

- Năm 2006, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp ngoài quốc doanh đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất thép cán nguội.
- Năm 2007, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên đầu tư dây chuyền mạ kẽm/ hợp kim nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng) để sản xuất tôn mạ tại Việt Nam.



Vững bước cùng công nghệ tiên tiến

- Năm 2009, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư dây chuyền mạ kẽm/ hợp kim nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày) tại Đông Nam Á.
- Năm 2010, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống trộn trung tâm, hệ thống dây chuyền sản xuất ống nhựa của hãng Battenfeld - Cincinatti công nghệ Châu Âu và phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm mang đến người tiêu dùng sản phẩm ống nhựa chất lượng cao với giá cả cạnh tranh.



- Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đầu tư hai dây chuyền cán nguội và khánh thành giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ. Đây là nhà máy sản xuất tôn mạ với hệ thống dây chuyền, thiết bị đồng bộ, hiện đại, có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại.
- Tháng 6/2012, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục triển khai lắp đặt thêm 01 dây chuyền mạ kẽm/ hợp kim nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng), công suất thiết kế 120.000 tấn/ năm dự kiến đến tháng 3/2013 sẽ đưa vào sản xuất.
- Để bảo đảm chất lượng sản phẩm và thể hiện trách nhiệm xã hội, Tập đoàn đã áp dụng và duy trì bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về Hệ thống quản lý chất lượng; thực hiện nghiêm ngặt bộ tiêu chuẩn ISO 14000 về Hệ thống quản lý môi trường; thực hiện bộ tiêu chuẩn OHSAS 18000 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Hội Đồng Quản Trị



Từ trái sang phải: Ông Lý Duy Hoàng, Ông Trần Ngọc Chu, Ông Lê Phước Vũ, Ông Phạm Gia Tuấn, Ông Lê Phụng Hào

Ông Lê Phước Vũ Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Phước Vũ khởi nghiệp từ một cơ sở bán lẻ tôn vào năm 1994. Sau 7 năm tích lũy vốn và kinh nghiệm, đến năm 2001 Ông sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen với số vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng. Đến nay, qua hơn 11 năm dày công xây dựng và phát triển, bằng những kinh nghiệm đã tích lũy được kết hợp với tư duy lãnh đạo sáng suốt linh hoạt, Ông đã đưa Công ty Cổ phần Hoa Sen từ một công ty nhỏ chuyên doanh tôn vươn lên trở thành Tập đoàn Hoa Sen, tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam hiện nay. Với tâm huyết và những đóng góp to lớn cho sự phát triển của Tập đoàn, Ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị liên tục nhiều nhiệm kỳ.



Ông Trần Ngọc Chu
Phó chủ tịch HĐQT

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu mới thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, Ông được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời được giao nhiều trọng trách tại Tập đoàn. Hiện Ông đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn và chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen. Ông tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán TP. HCM.



Ông Phạm Gia Tuấn
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Gia Tuấn hiện là thành viên Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc. Với hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu như VinaCapital, Dutch Lady Vietnam, PricewaterhouseCoopers, hiện ông đang giữ cương vị Giám đốc điều hành Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (VCHF), trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Tại Tập đoàn Hoa Sen, Ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, chuyên trách quan hệ cổ đông, tài chính kế toán. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Sydney University of Technology, Úc.



Ông Lý Duy Hoàng
Thành viên HĐQT

Ông Lý Duy Hoàng tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính tại Canada. Ông là một chuyên gia tài chính trẻ, nhiều kinh nghiệm với gần 10 năm làm việc tại các tổ chức tài chính lớn đa quốc gia. Hiện nay Ông đại diện cho STIC Investments, một quỹ đầu tư lớn của Hàn Quốc và SSF Capital, một quỹ đầu tư của Malaysia. Ông Lý Duy Hoàng là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, phụ trách tài chính, chứng khoán, quan hệ cổ đông và đối ngoại của Tập đoàn Hoa Sen.



Ông Lê Phụng Hào
Thành viên HĐQT

Ông Lê Phụng Hào tốt nghiệp cử nhân 2 chuyên ngành Kinh tế và Luật, hoàn thành chương trình cao học về Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Tư vấn Quản trị tại Đại học Ludwigshafen (Đức), là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh với gần 20 năm kinh nghiệm. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng ở các tập đoàn kinh tế lớn như Phó Tổng Giám đốc Công ty Sản xuất Hàng tiêu dùng Bình Tiên (BITI'S), Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh Đô, ... Ông đồng thời đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội Marketing Việt Nam, Ủy viên Ban chấp hành Hội Sò hũu trí tuệ TP. Hồ Chí Minh. Ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, chuyên trách hệ thống quản trị và đầu tư.



Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2012, kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và cú sốc khủng hoảng nợ công năm 2010 tại Châu Âu. Trong nước, tình hình cũng không khả quan hơn khi các yếu tố tiềm ẩn đe dọa gây bất ổn cho nền kinh tế vẫn còn hiện hữu. Các chính sách tài khóa và tiền tệ chặt chẽ của Chính phủ trong nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô được thực thi từ năm 2011 đã tác động mạnh đến tổng cầu trong nước, làm cho sức tiêu thụ của thị trường nội địa sụt giảm. Bên cạnh đó, khó khăn của các doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn để duy trì, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đã góp phần đẩy nhiều doanh nghiệp Việt Nam rơi vào tình cảnh khốn đốn.

Trong bối cảnh chung đó, ngành tôn thép cũng không phải là ngoại lệ khi các kết quả thống kê gần đây của Hiệp hội Thép Việt Nam cho thấy sức tiêu thụ trong nước đối với mặt hàng tôn thép đang giảm mạnh. Thêm vào đó, việc thép nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc ồ ạt tràn vào thị trường Việt Nam đã tạo ra áp lực cạnh tranh không nhỏ đến các doanh nghiệp trong nước. Tại thị trường xuất khẩu, các doanh nghiệp thép cũng đang đối mặt với khó khăn tiềm ẩn, khi gần đây có dấu hiệu cho thấy một vài thị trường xuất khẩu trong khu vực ASEAN có thể sẽ áp dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch đối với mặt hàng thép xuất khẩu của Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thị trường đang diễn biến phức tạp như hiện nay, làm thế nào để tiếp tục tăng trưởng trong giai đoạn này là mục tiêu đầy thách thức đặt ra cho Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hoa Sen.

Trước tình hình trên, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hoa Sen đã đề ra những quyết sách đúng đắn, đồng thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện những giải pháp điều hành linh hoạt nhằm ứng phó kịp thời những diễn biến phức tạp của nền kinh tế, đảm bảo hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Kết thúc niên độ tài chính 2011 - 2012, Tập đoàn Hoa Sen một lần nữa hoàn thành xuất sắc mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra, tiếp tục khẳng định một thương hiệu Hoa Sen phát triển mạnh và bền vững.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĐTC 2011 - 2012

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2011 - 2012 với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch NĐTC 2011 - 2012	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	So sánh kết quả thực hiện với kế hoạch (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3* 100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	460.000	453.252	98,5%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.126	10.088	99,6%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	240	368	153,3%

Kết quả kinh doanh niên độ 2011 - 2012, Tập đoàn Hoa Sen đã xem như hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ và doanh thu, theo đó các chỉ tiêu trên lần lượt đạt 98,5% và 99,6%. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, niên độ vừa qua Tập đoàn đã xuất sắc vượt kế hoạch với con số 368 tỷ đồng, đạt 153,3% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Trong tình hình nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn như hiện nay, kết quả trên là rất đáng tự hào.

2. So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2011 - 2012 với kết quả kinh doanh NĐTC 2010 - 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	NĐTC 2011 - 2012 so với NĐTC 2010 - 2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3* 100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	381.999	453.252	118,6%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.166	10.088	123,5%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	160	368	230%

So với NĐTC 2010 - 2011, các chỉ tiêu kinh doanh của Tập đoàn trong NĐTC 2011 - 2012 đều tăng mạnh. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ và doanh thu của niên độ vừa qua lần lượt tăng 18,6% và 23,5% so với thực hiện của niên độ 2011 - 2012. Đặc biệt, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đã có bước tăng trưởng đột phá với con số 368 tỷ đồng, tăng 130% so với niên độ trước, qua đó khẳng định sự phát triển mạnh mẽ và vững chắc của Tập đoàn.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ

Chính thức khánh thành giai đoạn 1 vào ngày 08/08/2011, Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ là một trong những dự án đầu tư có quy mô lớn nhất Đông Nam Á trong lĩnh vực tôn thép. Đây là công trình ghi nhận nhiều kỷ lục ấn tượng: nhà máy có quy mô lớn nhất Đông Nam Á; thời gian thi công nhanh nhất; công nghệ hiện đại nhất; chi phí đầu tư thấp nhất.

Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ giai đoạn 1 đã ký kết 217 hợp đồng các loại, với tổng giá trị trên 1.828 tỷ đồng. Tính đến ngày 30/09/2012, Dự án đã hoàn thành và thanh lý 198 hợp đồng, còn lại 19 hợp đồng đang trong giai đoạn hoàn thiện và quyết toán với tổng giá trị đã giải ngân là 1.776 tỷ đồng, còn lại 52 tỷ đồng đang trong quá trình giải ngân.

Ngoài ra, ngày 05/06/2012 Tập đoàn đã tiến hành đầu tư bổ sung dây chuyền mạ kẽm/hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF, công suất thiết kế 120.000 tấn/năm tại Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ với tổng dự toán 214 tỷ đồng. Tính đến 30/09/2012 dự án đã giải ngân trên 48 tỷ đồng, còn lại 166 tỷ đồng đang trong quá trình giải ngân. Theo kế hoạch, dây chuyền này sẽ đi vào hoạt động và cho ra sản phẩm vào tháng 03/2013.

Dự án mở rộng mạng lưới phân phối

Với chủ trương mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối nhằm đưa sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đến tận tay người tiêu dùng, trong niên độ vừa qua Tập đoàn đã thành lập thêm một số chi nhánh phân phối bán lẻ tại các tỉnh, nâng tổng số chi nhánh phân phối của Tập đoàn hiện nay lên con số 108.

Niên độ 2011 - 2012 cũng đánh dấu một hướng đi mới của Tập đoàn Hoa Sen trong kế hoạch phát triển mạng lưới phân phối, với việc thành lập đại lý nhượng quyền thương mại đầu tiên tại Đắk Nông. Đây là viên gạch đầu tiên trong việc xây dựng hệ thống đại lý nhượng quyền thương mại, một trong những chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn Hoa Sen nhằm xây dựng mạng lưới phân phối rộng khắp để đưa sản phẩm của Hoa Sen đến tận tay người tiêu dùng.

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

Các dự án bất động sản

Tên dự án	Tiến độ dự án	Đã giải ngân đến 30/09/2012	Tiến độ chuyển nhượng
1. Dự án Văn phòng Trụ sở Tập đoàn Hoa Sen • Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen • Địa chỉ: 123 Trần Nào, P. Bình An, Quận 2 TP. HCM • Diện tích: 969 m ²	- Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 969 m ² từ người bán. - Đang tiến hành thiết kế xây dựng.	52,26 (tỷ đồng)	Đang xúc tiến thực hiện chuyển nhượng
2. Dự án căn hộ Hoa Sen Phước Long B • Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen • Địa chỉ: Phường Phước Long B, Q. 9, TP. HCM • Diện tích: 8.016 • Quy mô: cao ốc 19 tầng, 44.000 m ² sàn, 400 căn hộ • Hệ số sử dụng đất 5,5 lần	- Được UBND TP. HCM đồng ý chủ trương đầu tư - Đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất 7.856 m ² - Đã có công văn đồng ý chỉ tiêu quy hoạch của Sở Quy Hoạch - Kiến Trúc, UBND TP. HCM	45,85 (tỷ đồng)	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
3. Dự án căn hộ Hoa Sen Riverview • Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen • Địa chỉ: Mặt tiền đường Bung Ông Thoàn, P. Phú Hữu, Quận 9 - TP. HCM • Diện tích: 15.076,4 m ²	- UBND TP. HCM đã phê duyệt nhiệm vụ qui hoạch - Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 15.076,4 m ² đất từ người bán - Đang xúc tiến thủ tục đầu tư	45,46 (tỷ đồng)	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
4. Dự án Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept • Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept • Tập đoàn Hoa Sen góp 45% vốn • Địa chỉ: Khu CN Cái Mép, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu • Diện tích: 7 ha	- Đã hoàn thành phần thiết kế dự án và bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục xây dựng cảng. - Hoàn thành cấp phối đá dăm đường vào cảng.	44,45 (tỷ đồng)	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
Tổng cộng		188,02 (tỷ đồng)	

NHÂN SỰ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Nhân sự của Hội đồng Quản trị

Tại Hội nghị thường niên ngày 22/03/2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi nhân sự Hội đồng Quản trị, theo đó Ông Nguyễn Văn Quý từ nhiệm vai trò thành viên Hội đồng Quản trị, Ông Lý Duy Hoàng được bầu thay thế.

Cơ cấu nhân sự hiện tại của Hội đồng Quản trị:

- Ông **Lê Phước Vũ** : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Trần Ngọc Chu** : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Phạm Gia Tuấn** : Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
- Ông **Lý Duy Hoàng** : Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
- Ông **Lê Phụng Hòa** : Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Nhân sự của Ban Tổng giám đốc

Trong niên độ vừa qua, Hội đồng Quản trị đã thực hiện thay đổi nhân sự của Ban Tổng Giám đốc như sau: thôi nhiệm Ông Vũ Văn Bình - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất Nhập khẩu và bổ nhiệm Ông Hồ Thanh Hiếu đảm nhiệm chức vụ Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh.

Cơ cấu nhân sự hiện tại của Ban Tổng Giám đốc:

- Ông **Trần Ngọc Chu** : Tổng Giám đốc
- Ông **Trần Quốc Trí** : Phó Tổng Giám đốc Trực
- Ông **Hoàng Đức Huy** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát
- Ông **Nguyễn Minh Khoa** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất - Cung ứng
- Ông **Vũ Văn Thanh** : Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
- Ông **Hồ Thanh Hiếu** : Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2012 của Đại hội đồng cổ đông tại Hội nghị thường niên ngày 22/03/2012:

STT	Nội dung chính	Kế hoạch thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2011 - 2012	Đã báo cáo ở trên
2	Tiến độ thực hiện chi trả cổ tức theo phương án góp phần cổ tức chưa thực hiện của hai NĐTC 2009 - 2010 và 2010 - 2011.	Đã thực hiện 4 đợt chi trả cổ tức vào các ngày 12/04/2012, 12/07/2012, 18/10/2012 và 20/12/2012 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả 5% mệnh giá cổ phiếu mỗi đợt. Tổng cộng đã thực hiện chi trả 20% mệnh giá cổ phiếu.
3	Lựa chọn công ty kiểm toán cho niên độ tài chính 2011 - 2012.	Đã chọn Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho niên độ tài chính 2011 - 2012 của Công ty.
4	Sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Công ty	Đã thực hiện sửa đổi Điều lệ theo Nghị quyết.

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị

KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2012 - 2013

Căn cứ vào dự báo tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của tập đoàn, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2012 - 2013 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	Kế hoạch NĐTC 2012 - 2013	So với thực hiện NĐTC 2011 - 2012	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4-3)	(6=4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	453.252	500.000	46.748	110,3%
Doanh thu	Tỷ đồng	10.088	10.191	103	101,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	411	423	12	102,9%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	368	370	2	100,5%

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ 2012 - 2013 VÀ CÁC NIÊN ĐỘ TIẾP THEO

Dự đoán tình hình kinh tế chưa thể có chuyển biến tích cực trong giai đoạn tới, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và chuẩn bị cho các mục tiêu dài hạn của Tập đoàn, HĐQT định hướng thực hiện các chủ trương sau:

Về công tác sản xuất:

- Kiện toàn hệ thống sản xuất, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động các dây chuyền, tiết giảm tối đa chi phí tiêu hao nguyên vật liệu và chi phí vận hành máy móc thiết bị, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, thuê chuyên gia nước ngoài làm Giám đốc chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm liên tục được cải thiện.
- Tiếp tục thực hiện các công tác kiểm soát chi phí, theo dõi chặt chẽ những biến động về giá nguyên liệu trên thị trường, tính toán nhu cầu và thời điểm mua nguyên vật liệu thích hợp để chọn được giá mua tốt nhất, đảm bảo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Về công tác kinh doanh

- Tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu, phấn đấu tăng tỷ trọng xuất khẩu lên 40% - 50% tổng doanh thu, linh hoạt điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu phù hợp diễn biến thị trường nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành các bước chuẩn bị cần thiết nhằm chủ động ứng phó với khả năng bị kiện chống bán phá giá tại một số thị trường xuất khẩu, bao gồm việc lập tổ công tác chống kiện bán phá giá, mời chuyên gia về lĩnh vực chống kiện bán phá giá làm cố vấn cao cấp cho Tập đoàn, đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư tại nước ngoài trong trường hợp bị áp thuế chống bán phá giá.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ bằng việc hoàn thiện cơ chế điều hành thông qua các chính sách và cơ chế giám sát, kiểm soát chặt chẽ.
- Tiếp tục phát triển hệ thống chi nhánh phân phối, mục tiêu trong niên độ 2012 - 2013 sẽ thành lập thêm từ 15 đến 20 chi nhánh phân phối bán lẻ.
- Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, tiếp tục thực hiện các chương trình tiếp thị sáng tạo, đa dạng, hiệu quả để xây dựng chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

Về công tác đầu tư

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF công suất thiết kế 120.000 tấn/năm, đảm bảo tháng 03/2013 đi vào hoạt động.
- Nghiên cứu triển khai Dự án Nhà máy Ống thép miền Bắc, công suất thiết kế 40.000-50.000 tấn/năm nhằm khai thác thị trường miền Bắc.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ khi tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc nghiên cứu xây dựng các phương án đầu tư tại nước ngoài trong thời gian tới.

Về công tác phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, quản trị viên dự nguồn, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng quản lý của cán bộ công nhân viên, tăng cường hợp tác với Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh để tìm kiếm và chuẩn bị nguồn nhân lực trẻ, có chất lượng cho Tập đoàn.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO trong toàn Tập đoàn, chuẩn bị triển khai áp dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP).



Ban Tổng Giám Đốc



Từ trái sang phải: Ông Nguyễn Minh Khoa, Ông Hồ Thanh Hiếu, Ông Hoàng Đức Huy, Ông Trần Ngọc Chu, Ông Vũ Văn Thanh, Ông Trần Quốc Trí

Ông Trần Ngọc Chu Tổng Giám đốc

Gắn bó với Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những ngày đầu mới thành lập, ông Trần Ngọc Chu đã tạo được những dấu ấn đậm nét trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, Ông được Đại hội đồng cổ đông tin nhiệm bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời được giao nhiều trọng trách tại Tập đoàn. Hiện Ông đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tập đoàn và chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen. Ông tốt nghiệp Đại học Tài chính Kế toán TP. HCM.



Ông Trần Quốc Trí Phó Tổng Giám đốc Trực

Ông Trần Quốc Trí tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán kiểm toán tại Đại học Kinh tế TP. HCM. Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2004, đến nay sau khoảng thời gian hơn 8 năm, Ông đã rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm và đã chứng tỏ được năng lực của mình qua nhiều vị trí như Trưởng Bộ phận Tổng hợp Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh. Hiện Ông đang đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc Trực của Tập đoàn.



Ông Hoàng Đức Huy

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát

Ông Hoàng Đức Huy có gần 25 năm kinh nghiệm về kiểm soát hoạt động doanh nghiệp. Trước khi gia nhập Tập đoàn Hoa Sen ông đã công tác 13 năm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, kiểm soát nội bộ tại các công ty lớn thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh. Năm 2001 ông tham gia thành lập Công ty Cổ phần Hoa Sen, tiền thân của Tập đoàn Hoa Sen hiện nay. Trên cương vị Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát, ông đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của Tập đoàn.



Ông Nguyễn Minh Khoa

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất và Cung ứng

Ông Nguyễn Minh Khoa có bằng Kỹ sư xây dựng tại Đại học Kiến trúc TP. HCM và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Khoa Quản lý Công nghiệp Đại học Bách Khoa TP. HCM. Gia nhập Tập đoàn từ đầu năm 2008, Ông hiện đang đảm nhận các chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất và Cung ứng, Chủ tịch Hội thành viên Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen, Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen.



Ông Vũ Văn Thanh

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2008 trong vai trò Giám đốc Tài chính, với kiến thức và kinh nghiệm điều hành tại các doanh nghiệp trước đó của mình, Ông đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của Tập đoàn. Tháng 04/2011, Ông được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính. Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển và là Giảng viên thỉnh giảng tại một số trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông Hồ Thanh Hiếu

Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh

Ông Hồ Thanh Hiếu tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán kiểm toán tại Đại học Kinh tế TP. HCM. Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2002, đến nay sau khoảng thời gian 10 năm, Ông đã rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm và chứng tỏ được năng lực của mình qua các vị trí: Phó Ban Quản lý Hệ thống Phân phối, Phó Giám đốc Hệ thống Phân phối, Giám đốc Hệ thống Phân phối, Giám đốc Kinh doanh Tập đoàn Hoa Sen. Tháng 06/2012, Ông được bổ nhiệm chức danh Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh.



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012

Năm 2012 là một năm đầy khó khăn đối với khối doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Dưới tác động của khủng hoảng tài chính thế giới và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhiều doanh nghiệp đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc phải tạm ngừng hoạt động. Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô còn nhiều bất lợi đó, Tập đoàn Hoa Sen là một trong số ít các doanh nghiệp vẫn tiếp tục tăng trưởng sản lượng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận. Đó là nhờ những chủ trương đúng đắn của Hội đồng Quản trị, giải pháp điều hành linh hoạt của Ban Tổng Giám đốc và sự nỗ lực lao động cần cù của gần 3.000 cán bộ công nhân viên.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

So sánh kết quả kinh doanh NĐTC 2011 - 2012 với kế hoạch và với kết quả NĐTC 2010 - 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch NĐTC 2011 - 2012	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	So sánh kết quả thực hiện với kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3* 100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	460.000	453.252	98,5%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.126	10.088	99,6%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	240	368	153,3%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	NĐTC 2011 - 2012 so với NĐTC 2010 - 2011
(1)	(2)	(3)	(4)	(5 = 4/3* 100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	381.999	453.252	118,7%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.166	10.088	123,5%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	160	368	230%

NĐTC 2011 - 2012, các chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Tập đoàn về cơ bản đều đã hoàn thành so với kế hoạch. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đã có bước đột phá ấn tượng với con số 368 tỷ đồng, đạt 153,3% kế hoạch. So sánh với kết quả kinh doanh NĐTC 2010 - 2011, có thể thấy các chỉ tiêu trên trong NĐTC 2011 - 2012 đều có sự tăng trưởng vượt bậc, với mức tăng sản lượng tiêu thụ là 18,6%, doanh thu tăng 23,5%, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế có sự nhảy vọt với mức tăng 130%. Trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi như năm 2012 thì đây là tốc độ tăng trưởng rất đáng tự hào.

Để đạt được bước tăng trưởng mạnh về sản lượng tiêu thụ và doanh thu như trên, trong niên độ vừa qua Tập đoàn đã hết sức chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng nhằm tăng cường đầu ra cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như hạn chế ảnh hưởng của việc sụt giảm nhu cầu tiêu thụ trong nước. Kết quả cho thấy Tập đoàn đã thực hiện tốt chủ trương này khi niên độ 2011 - 2012 vừa qua, mặc dù nhu cầu trong nước giảm mạnh nhưng các kênh bán hàng nội địa của Tập đoàn vẫn giữ được mức sản lượng tiêu thụ ổn định. Bên cạnh đó, công tác phát triển hệ thống chi nhánh phân phối tiếp tục được thực hiện với việc số lượng chi nhánh thuộc hệ thống phân phối được nâng lên con số 108, cùng với việc tăng cường quảng bá thương hiệu cũng góp phần giúp Tập đoàn giữ vững mức sản lượng tiêu thụ trong nước.

Trong khi các kênh nội địa vẫn ổn định được sản lượng thì trong niên độ vừa qua, kênh xuất khẩu đã có bước phát triển vượt bậc, mang về cho Tập đoàn gần 180 triệu USD doanh thu, chiếm 37,2% tổng doanh thu của Tập đoàn, cùng với hệ thống chi nhánh phân phối với 40% doanh thu trở thành hai kênh tiêu thụ chủ lực của Tập đoàn Hoa Sen. Việc kênh xuất khẩu phát triển mạnh đã giúp ổn định một phần nhu cầu ngoại tệ phục vụ nhập khẩu nguyên vật liệu của Tập đoàn, giảm thiểu được rủi ro biến động tỷ giá.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường, niên độ vừa qua các dây chuyền của Tập đoàn đều được vận hành tối đa công suất với độ ổn định cao. Bên cạnh đó là những định hướng mới trong công tác điều hành nhằm đưa hoạt động của Tập đoàn dần đi vào chiều sâu, chú trọng tính hiệu quả và minh bạch. Các công tác nhằm hoàn thiện hệ thống định mức sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh bán hàng, tăng cường kiểm tra, kiểm soát chi nhánh cũng như các công tác liên quan đến tiết giảm chi phí bao gồm rà soát quy trình sản xuất, công tác đấu thầu, chào giá cạnh tranh, mua nguyên vật liệu đúng thời điểm, xử lý nhanh hàng tồn kho chậm luân chuyển, v.v... luôn được nhấn mạnh và thực hiện có hiệu quả. Chính những yếu tố trên đã góp phần giúp Tập đoàn hoàn thành được chỉ tiêu sản lượng tiêu thụ và doanh thu, đồng thời tạo tiền đề cho bước đột phá về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế.

Niên độ 2011 - 2012, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đã có bước tăng trưởng ấn tượng với con số 368 tỷ đồng, vượt xa con số 160 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của niên độ 2010 - 2011 cũng như con số 240 tỷ đồng theo kế hoạch NĐTC 2011 - 2012. Có được bước tăng trưởng đột phá như trên, ngoài việc Tập đoàn đã hoàn thành được kế hoạch sản lượng tiêu thụ và doanh thu, còn xuất phát từ các yếu tố:

- Chi phí tài chính của Tập đoàn đã giảm đáng kể so với niên độ trước, trong đó chủ yếu là giảm chi phí chênh lệch tỷ giá nhờ những nỗ lực bình ổn tỷ giá của Chính phủ thời gian qua nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Ngoài ra, trong niên độ vừa qua Tập đoàn đã thực hiện tốt công tác xử lý hàng tồn kho chậm luân chuyển nên tổng dư nợ vay cũng như tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu đã giảm so với niên độ trước, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn vay đã được nâng cao.

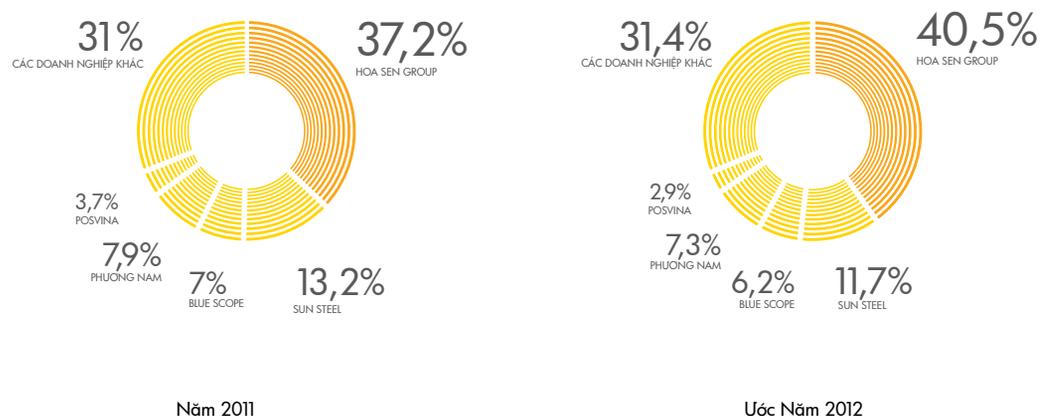
- Bên cạnh đó, tỷ suất lãi gộp trên doanh thu của Tập đoàn trong niên độ vừa qua đã tăng đáng kể so với niên độ 2010 - 2011 (từ 12,9% lên 13,9%). Trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào biến động hết sức phức tạp dưới tác động của tình hình kinh tế thế giới thời gian qua, Tập đoàn đã tận dụng được những lợi thế cạnh tranh cũng như uy tín thương hiệu để ổn định giá bán, đảm bảo mức lợi nhuận của Tập đoàn. Ngoài ra, việc thay đổi cơ cấu tiêu thụ sản phẩm theo hướng tăng tỷ trọng các mặt hàng có mức lợi nhuận cao cũng góp phần nâng cao tỷ suất lãi gộp trên doanh thu của Tập đoàn, qua đó giúp Tập đoàn Hoa Sen đạt mức lợi nhuận sau thuế ấn tượng như trên.

Thị phần của Tập đoàn Hoa Sen trong niên độ 2011 - 2012

• Thị phần tôn mạ

Trong năm 2012, Tập đoàn Hoa Sen vẫn duy trì vị thế dẫn đầu thị phần tôn mạ trong nước với việc chiếm lĩnh 40,5% thị phần, tăng 3,3% so với năm 2011.

Biểu đồ thị phần tôn mạ năm 2011 và ước năm 2012



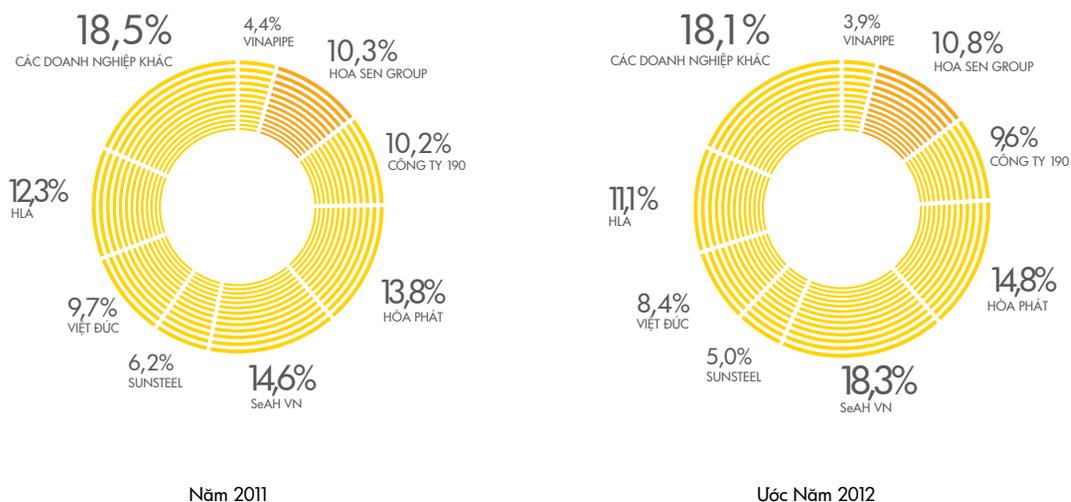
* Ghi chú: Bản tin Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2011 và tháng 12/2012, không tính sản lượng bán của Công ty Perstima Vietnam do tôn mạ thiếc không phục vụ công nghiệp xây dựng.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

• Thị phần ống thép

Thị phần Ống thép của Hoa Sen trong năm 2012 chiếm 10,8% (tăng 0,5% so với năm 2011), giúp Tập đoàn duy trì vị thế là một trong bốn doanh nghiệp dẫn đầu thị phần ống thép trong nước.

Biểu đồ thị phần ống thép năm 2011 và ước năm 2012

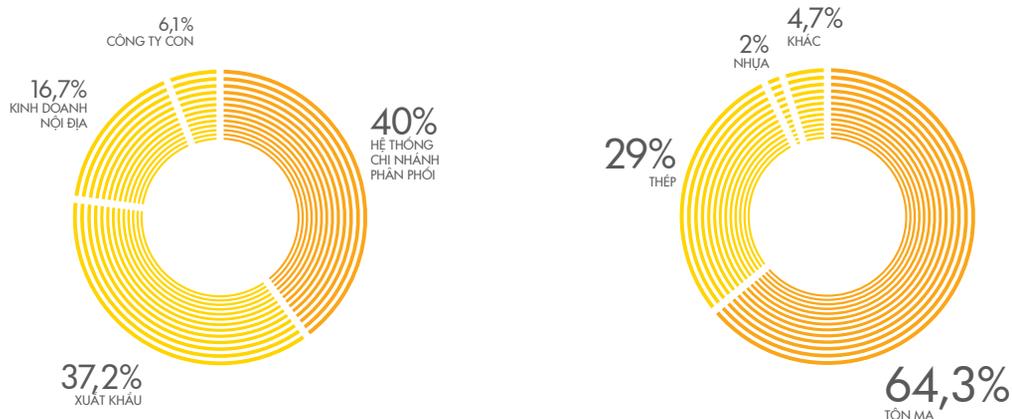


Nguồn: Bản tin Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2011 và tháng 12/2012

• Cơ cấu doanh thu của Tập đoàn niên độ tài chính 2011 - 2012

• Cơ cấu doanh thu theo kênh bán hàng

Niên độ tài chính 2011 - 2012, Hệ thống chi nhánh phân phối bán lẻ vẫn giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu các kênh tiêu thụ của Tập đoàn với 40% doanh thu. Bên cạnh đó, kênh xuất khẩu đã có sự tăng trưởng vượt bậc so với niên độ trước, đạt gần 180 triệu USD doanh thu tương ứng 37,2% tổng doanh thu Tập đoàn, qua đó cùng với Hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ trở thành kênh bán hàng chủ lực của Tập đoàn trong niên độ vừa qua.



Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo kênh bán hàng

Biểu đồ cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm

• **Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm**

Nhóm sản phẩm tôn mạ bao gồm các mặt hàng tôn kẽm, tôn lạnh, tôn kẽm màu, tôn lạnh màu, tôn đen màu, tôn lá quy cách tiếp tục là nhóm sản phẩm chủ lực, đóng góp 64,3% doanh thu Tập đoàn. Tiếp theo đó là nhóm sản phẩm thép bao gồm các sản phẩm thép dày mạ kẽm, ống thép mạ kẽm, ống thép đen, xà gồ mạ kẽm, xà gồ đen đóng góp 29,0% doanh thu.

Tỷ trọng các loại chi phí trên doanh thu thuần theo báo cáo tài chính hợp nhất

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĐTC 2010 - 2011	NĐTC 2011 - 2012
1	Sản lượng bán	Tấn	381.999	453.252
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	8.166	10.088
3	Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần	%	12,9	13,9
4	Chi phí hoạt động tài chính / Doanh thu thuần	%	5,6	4,1
5	Chi phí lãi vay / Doanh thu thuần	%	3,5	3,4
6	Chi phí bán hàng / Doanh thu thuần	%	3,8	3,8
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp / Doanh thu thuần	%	2,3	2,6

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĐTC 2010 - 2011	NĐTC 2011 - 2012
Tỷ số Thanh toán				
1	Thanh toán hiện tại	Lần	0,9	1,0
	Thanh toán nhanh	Lần	0,3	0,4
2	Tỷ số hoạt động			
	Số vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,1	4,9
Tỷ số đòn bẩy tài chính				
3	Nợ phải trả/ tổng tài sản	%	70	62
	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	%	232	164
	Tổng tài sản/ vốn chủ sở hữu	%	332	264
Tỷ số sinh lợi				
	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,1	6,6
4	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,0	3,7
	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	9,2	19,4
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cp	1.622	3.761

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012

Các giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh

- Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo từng tháng cho từng đơn vị sản xuất kinh doanh. Đầu đặn hàng tuần giám sát và đánh giá việc thực hiện.
- Tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu, phân chia thị trường thành 3 khu vực, phân công nhân sự phụ trách từng khu vực.
- Nắm bắt nhu cầu, thị hiếu của thị trường; theo dõi sản lượng tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng tại mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa, đảm bảo đáp ứng kịp thời và đúng quy cách, chủng loại cho nhu cầu bán hàng của các kênh bán hàng với giá bán phù hợp.
- Phân chia thị trường và khách hàng, bảo đảm phối hợp giữa các đơn vị bán hàng trong hệ thống để không bỏ sót thị trường và khách hàng.
- Áp dụng linh hoạt chính sách lương kinh doanh dựa trên doanh thu, lợi nhuận gộp theo biến động của thị trường; áp dụng chính sách thưởng tăng sản lượng đối với phần sản lượng vượt chỉ tiêu.
- Nâng tầm thương hiệu bằng việc tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước về vật liệu xây dựng; tài trợ giải bóng đá hạng nhất Quốc gia - Cúp Tôn Hoa Sen 2012, giải bóng đá Cúp Quốc gia - Nhựa Hoa Sen 2012; đồng hành cùng các chương trình của Đài truyền hình TP. HCM như "Vượt lên chính mình", "Thay lời muốn nói", "Chuyện không của riêng ai", chương trình "Vui sống mỗi ngày" của Đài truyền hình Việt Nam; đồng đối tác chính chương trình diễu hành xe ASEAN - Ấn Độ năm 2012; lắp đặt các bảng quảng cáo lớn ngoài trời tại các vị trí có mật độ giao thông cao; tài trợ bảng hiệu cho các cửa hàng vật liệu xây dựng, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông.
- Tăng cường tỷ trọng mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao dựa trên ưu thế quy trình sản xuất kinh doanh khép kín và uy tín thương hiệu.
- Định kỳ thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về Hệ thống quản lý chất lượng; thực hành nghiêm ngặt bộ tiêu chuẩn ISO 14000 về hệ thống quản lý môi trường; thực hiện bộ tiêu chuẩn OHSAS 18000 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp, tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, quy chế, quy trình.

Các giải pháp về hoạt động đầu tư

- Đầu tư thêm dây chuyền mạ kẽm mỏng công nghệ NOF trị giá 214 tỷ đồng, công suất thiết kế 120.000 tấn/năm tại dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ nhằm nâng cao hơn nữa năng lực sản xuất, tạo điều kiện để tăng sản lượng bán hàng.
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh phân phối bán lẻ với việc nâng số lượng chi nhánh phân phối của Tập đoàn lên con số 108. Bên cạnh đó chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối thông qua việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát chi nhánh, xây dựng và hoàn thiện chính sách lương thưởng, gắn hiệu quả kinh doanh với thu nhập của người lao động.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác chuyển nhượng các dự án bất động sản theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

Các giải pháp về kiểm soát và tiết giảm chi phí

- Cân đối định mức hàng tồn kho hợp lý để tối ưu hoá nhu cầu vay ngắn hạn; cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND theo từng thời kỳ để hạn chế chi phí lãi vay cũng như giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá.
- Thành lập Bộ phận Vận tài, Ban Vật tư và Ban Thảm định giá thực hiện các công tác đầu thầu, chào giá cạnh tranh, kiểm soát giá nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, dịch vụ mua ngoài nhằm tiết giảm chi phí đầu vào cho doanh nghiệp.
- Tăng cường hoạt động xuất khẩu nhằm ổn định một phần nguồn ngoại tệ phục vụ nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá.
- Rà soát lại định mức sản xuất và kiểm tra việc thực hiện định mức hàng tháng, quý, bán niên để hoàn thiện định mức. Xây dựng các cơ chế khen thưởng phù hợp nhằm khuyến khích các đơn vị, cá nhân nỗ lực tìm tòi, đưa ra những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hạ giá thành.
- Theo dõi và dự báo các diễn biến về giá nguyên vật liệu để từ đó quyết định số lượng và thời điểm mua nguyên liệu hợp lý, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh với giá mua tốt nhất và chất lượng phù hợp, hạn chế tối đa ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí sản xuất.
- Giám sát chặt chẽ và có phương án xử lý kịp thời hàng tồn kho chậm luân chuyển nhằm giảm chi phí lãi vay, đảm bảo sự ổn định của dòng tiền, bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên đánh giá hạn mức công nợ, tuổi nợ, phân loại nợ; theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ để hạn chế tối đa nợ phải thu quá hạn và giảm thiểu rủi ro nợ phải thu.
- Thực hiện đa dạng hóa thị trường, vận dụng triệt để chiến lược “Dẫn đầu chi phí thấp”, “Mua tận gốc, bán tận ngọn” dựa trên các lợi thế cạnh tranh sẵn có.

Các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tập đoàn Hoa Sen thực hiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm các mục tiêu sau:

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên đáp ứng tiêu chí năng lực 3 chữ “K” (Kiến thức, Kỹ năng, Kinh nghiệm) và thẩm nhuần văn hóa 10 chữ “T” (Trung thực - Trung thành - Tận tụy - Trí tuệ - Thân thiện) nhằm phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn.
- Chuẩn bị đội ngũ kế thừa, dự nguồn có năng lực, đảm bảo sự tiếp nối vững chắc giữa các thế hệ cán bộ công nhân viên nói chung và các cấp quản trị nói riêng.

Tập đoàn Hoa Sen có bộ phận chuyên trách đào tạo phát triển nguồn nhân lực để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển trình độ chuyên môn, tay nghề cán bộ công nhân viên đảm bảo nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của tập đoàn:

- Đào tạo tại doanh nghiệp: Thực hiện các chương trình đào tạo hội nhập cho các nhân viên mới và các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng mềm.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

- Đào tạo bên ngoài doanh nghiệp: Cử nhân viên đi học hoặc hợp đồng các đơn vị đào tạo các kỹ năng quản trị cho các cấp quản lý, các khóa huấn luyện về nghiệp vụ, chuyên môn.
- Hợp tác với các đơn vị đào tạo nguồn nhân lực: Tập đoàn Hoa Sen đã ký kết hợp tác chiến lược với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, các trường đại học, cao đẳng khu vực Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm tạo nguồn lao động trẻ có năng lực và phẩm chất phù hợp.

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2012 - 2013

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế, Hội đồng Quản trị giao kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2012 - 2013 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	Kế hoạch NĐTC 2012 - 2013	So với thực hiện NĐTC 2011 - 2012	
				Tuyệt đối	Tương đối
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=4-3)	(6=4/3*100)
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	453.252	500.000	46.748	110,3%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	10.088	10.191	103	101,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	411	423	12	102,9%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ đồng	368	370	2	100,5%

Để thực hiện các mục tiêu của NĐTC 2012 - 2013, theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề ra các giải pháp điều hành như sau:

- Chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh linh hoạt, chủ động nhằm ứng phó kịp thời các diễn biến của thị trường; tập trung phát triển các ngành kinh doanh mũi nhọn của Tập đoàn là tôn, thép, nhựa.
- Tiếp tục hoàn thiện hơn nữa công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm soát quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí, thực hiện cơ cấu dự nợ hợp lý như đã thực hiện trong niên độ trước.
- Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục chiếm lĩnh các thị trường xuất khẩu truyền thống và mở rộng thị phần sang các thị trường giàu tiềm năng; tùy tình hình thị trường linh hoạt điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối, mục tiêu trong niên độ tới sẽ thành lập thêm từ 15 đến 20 chi nhánh; nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối bán lẻ bằng cách xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý cũng như chính sách lương thưởng phù hợp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của kênh tiêu thụ chủ lực này.
- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện dây chuyền mạ kẽm/hợp kim nhôm kẽm công nghệ NOF tại Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ nhằm đưa vào hoạt động trong tháng 03/2013 đúng tiến độ.
- Triển khai Dự án Nhà máy Ống thép miền Bắc, công suất thiết kế 40.000 - 50.000 tấn/năm nhằm khai thác thị trường miền Bắc.

- Chuẩn bị các điều kiện để tiến hành triển khai giai đoạn 2 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ khi tình hình kinh tế có chuyển biến tích cực.
- Đẩy mạnh hơn nữa các chương trình tiếp thị, quảng bá thương hiệu nhằm tăng cường sự hiện diện của thương hiệu Hoa Sen trong tâm thức người tiêu dùng.
- Phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ kế thừa và quản trị viên dự nguồn; tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho cán bộ công nhân viên.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư tại nước ngoài trong giai đoạn tới.



Ban Kiểm Soát



Từ trái sang phải: Ông Lý Văn Xuân, Ông Lê Vũ Nam, Ông Lê Đình Hạnh

Ông Lý Văn Xuân

Thành viên

Ông Lý Văn Xuân là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Y khoa. Ông là một cổ đông trung thành của Tập đoàn Hoa Sen. Ông hiện là Trưởng phòng Đào tạo, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Với uy tín cá nhân và tâm huyết đối với Tập đoàn, tại Hội nghị thường niên ngày 27/3/2010, Ông được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Vũ Nam

Trưởng Ban

Ông Lê Vũ Nam là Tiến sĩ Luật học, chuyên ngành Luật kinh tế. Ông bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ ở nước ngoài với đề tài “Pháp luật điều chỉnh hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán”. Hiện nay ông là Trưởng Khoa Luật kiêm Trưởng Bộ môn Luật Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. HCM. Lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu của ông là: Luật Chứng khoán, Luật Ngân hàng, Luật Doanh nghiệp và Quản trị công ty. Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển thị trường, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (nay là Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM).

Ông Lê Đình Hạnh

Thành viên

Ông Lê Đình Hạnh tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP. HCM chuyên ngành Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng. Ông có kinh nghiệm chuyên sâu trong công tác kiểm soát, kiểm toán tại Tập đoàn thông qua các vị trí: Chuyên viên Kiểm toán Nội Bộ, Giám đốc Khối Kiểm soát, Phó Giám đốc Khối Kiểm soát. Ông được ĐHĐCĐ tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát tại Hội nghị thường niên ngày 22/3/2012

Báo cáo của Ban Kiểm Soát

BÁO CÁO VỀ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012

1. Công tác quản lý của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có 5 thành viên, trong đó có 2 thành viên điều hành, 2 thành viên độc lập và 1 thành viên không điều hành phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

Tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị đều mở rộng do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì và có Ban Kiểm soát tham dự. Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp đều thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc đã được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Việc thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp được tiến hành công khai, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

2. Công tác điều hành của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

Để kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, trong niên độ tài chính vừa qua, Tổng Giám đốc đã xây dựng, thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung trình Hội đồng Quản trị ban hành một số quy chế, quy trình quản lý nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 – 2012

1. Tổ chức công tác tài chính - kế toán

Tập đoàn Hoa Sen đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành của Việt Nam trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính.

2. Công tác chứng từ kế toán

Phiếu thu, phiếu chi, sổ phụ ngân hàng và các chứng từ liên quan khác được Tập đoàn Hoa Sen quản lý chặt chẽ và đưa vào lưu trữ có hệ thống theo quy định đáp ứng tốt cho việc kiểm tra.

3. Công tác quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Định kỳ Tập đoàn Hoa Sen có kiểm quỹ, biên bản kiểm quỹ được lập theo quy định. Việc thu chi tiền mặt và tiền gửi được thực hiện theo đúng quy định. Tập đoàn Hoa Sen đã mở sổ kế toán và sổ quỹ theo đúng quy định hiện hành, ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ/báo có của ngân hàng hàng ngày.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2011 - 2012

Theo các báo cáo được Phó Tổng Giám đốc trực trình bày tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Ban Kiểm soát cho rằng tình hình tài chính của Tập đoàn Hoa Sen ở trạng thái lành mạnh.

Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao.

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2010 - 2011 cho thấy doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt là 10.088 tỷ đồng và 368 tỷ, lần lượt đạt 99,6% và 153,5% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2011 - 2012 đã thông qua.

KIẾN NGHỊ

Tập đoàn Hoa Sen cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật. Đẩy mạnh việc giám sát hoạt động công bố thông tin nhằm đảm bảo thông tin công bố kịp thời, chính xác và trung thực. Có chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực hiện tại nhằm ổn định nhân lực mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Họp Hội đồng Quản trị

Trong niên độ tài chính 2011 - 2012, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 69 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, bao gồm:

- Tập trung phát triển xuất khẩu, tăng cường mở rộng thị phần ra nhiều nước và khu vực.
- Tiến hành hoàn thiện giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ và dây chuyền mạ NOF công suất 120.000 tấn/ năm nhằm nâng cao năng lực sản xuất, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống phân phối, chú trọng mở rộng ra thị trường miền Bắc.
- Chủ trương cân đối cơ cấu nợ vay phù hợp với những biến động của tỷ giá và lãi suất nhằm tối thiểu hóa chi phí lãi vay.
- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát công nợ tại các đơn vị kinh doanh trực thuộc.
- Tiếp tục nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ các công đoạn sản xuất nhằm tiết giảm chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.
- Tiếp tục thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, tuyển chọn và đào tạo đội ngũ quản trị viên dự nguồn có trình độ chuyên môn cao.
- Thực hiện các chương trình tiếp thị sáng tạo, đa dạng nhằm tiếp tục khẳng định một thương hiệu Hoa Sen mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần cùng với Ban Tổng Giám đốc để bám sát tình hình sản xuất kinh doanh cũng như kịp thời chỉ đạo thực hiện các quyết sách và định hướng của Hội đồng Quản trị.

THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT

Tại Hội nghị thường niên 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi nhân sự Hội đồng Quản trị như sau:

Thời gian	Nội dung
22/03/2012	Ông Nguyễn Văn Quý từ nhiệm. Ông Lý Duy Hoàng được bầu chọn thay thế.

Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị hiện tại:

- Ông Lê Phước Vũ : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Trần Ngọc Chu : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Phạm Gia Tuấn : Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
- Ông Lý Duy Hoàng : Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
- Ông Lê Phụng Hòa : Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các khoản thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch (đồng)
1	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	20.000.000	1.800.000.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	13.000.000	1.300.000.000
3	Thành viên Hội đồng Quản trị	11.000.000	600.000.000

2. Các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị:

Stt	Họ và tên	Tiền lương (đồng/tháng)	Thù lao tại Công ty con	Thưởng vượt kế hoạch (đồng)
1	Lê Phước Vũ Trưởng Ban Quản lý dự án	75.000.000 (từ 01/10/2011 đến 30/11/2011)		500.000.000
		100.000.000 (từ 01/12/2011 đến 30/9/2012)		
2	Trần Ngọc Chu Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	60.000.000 (từ 01/10/2011 đến 30/11/2011)	8.000.000 (đồng/tháng)	400.000.000
		90.000.000 (từ 01/12/2011 đến 30/05/2012)		
		100.000.000 (từ 01/06/2012 đến 30/09/2012)		
3	Nguyễn Văn Quý Giám đốc DACN	41.000.000 (từ 01/10/2011 đến 30/11/2011)		50.000.000
		43.000.000 (từ 01/12/2011 đến 30/09/2012)		

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong niên độ tài chính 2011 - 2012, Ban Kiểm soát tiếp hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông. Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tham gia đầy đủ và tích cực các cuộc họp Hội đồng Quản trị thông qua các hoạt động như đặt câu hỏi chất vấn, yêu cầu giải trình đối với các thành viên HĐQT và Ban điều hành. Đồng thời đưa ra những ý kiến đóng góp và đề xuất trong việc hoàn thiện công tác quản trị, điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả tốt nhất, qua đó quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư được đảm bảo.
- Xem xét và thẩm tra các báo cáo tài chính của Tập đoàn bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất bán niên và cả niên độ, báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con, kiểm tra và xác nhận các khoản công nợ, hàng tồn kho, chứng từ thu - chi, xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Phối hợp cùng Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện các đợt kiểm tra hoạt động của các chi nhánh, thẩm định và tham gia xác nhận các chứng từ hoàn công và thanh toán các dự án, giám sát việc khai và tính hiệu quả của các dự án để có kiến nghị điều chỉnh kịp thời.

1. Các khoản thù lao và thưởng hoàn thành vượt kế hoạch của Thành viên Ban Kiểm soát

Stt	Chức vụ	Thù lao (đồng/tháng)	Thưởng vượt kế hoạch (đồng)
1	Trưởng Ban Kiểm soát	9.000.000	300.000.000
2	Thành viên Ban Kiểm soát	7.000.000	250.000.000

2. Các khoản thu nhập khác của thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Tiền lương (đồng/tháng)	Thù lao tại Công ty con	Ghi chú
1	Lê Đình Hạnh Giám đốc Kiểm soát nội bộ kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen	13.000.000 (từ 01/10/2011 đến 29/02/2012)	2.000.000 (đồng/tháng)	Kể từ ngày 01/03/2012 thời nhiệm chức danh Phó Giám đốc kiểm soát nội bộ và bổ nhiệm chức danh Giám đốc Kiểm soát nội bộ
		20.000.000 (từ 01/03/2012 đến 30/09/2012)		
2	Huỳnh Thị Hồng Vy Phó Giám đốc Kiểm soát nội bộ kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	18.000.000	2.000.000 (đồng/tháng)	Kể từ ngày 01/03/2012 thời nhiệm chức danh Giám đốc Kiểm soát nội bộ và bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc kiểm soát nội bộ

Ghi chú: Tiền thù lao, lương, thưởng, các khoản thu nhập khác của các chức danh thuộc Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chưa trừ thuế thu nhập cá nhân.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ

- Tổ chức thành công Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông HĐQT 2011 - 2012.
- Thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định của thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 10/01/2010 và thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.
- Thực hiện Bản tin Hoa Sen Group định kỳ mỗi quý nhằm cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư.
- Thực hiện chi trả cổ tức của hai niên độ tài chính 2009-2010 và niên độ tài chính 2010 - 2011 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 22/03/2012.
- Tham dự Hội nghị Vietnam Access Day do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tổ chức tại TP. HCM ngày 23 và 24/10/2012.



QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

- Tài trợ giải bóng đá hạng nhất Quốc gia - Cúp Tôn Hoa Sen, giải bóng đá Cúp Quốc gia - Nhựa Hoa Sen
- Tài trợ các Quỹ khuyến học, Quỹ từ thiện.
- Tài trợ các chương trình truyền hình: Vượt lên chính mình, Thay lời muốn nói, Vui sống mỗi ngày, Chuyện không của riêng ai...
- Tài trợ chương trình Mái ấm gia đình Việt cho trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn vào đêm giao thừa.
- Đồng đối tác chính chương trình diễu hành xe ASEAN - Ấn Độ 2012.



Quản lý rủi ro

Để giảm thiểu các rủi ro có thể gặp, Tập đoàn đã xây dựng một chiến lược quản lý rủi ro, vừa đảm bảo mục tiêu kinh doanh, tạo ra lợi thế cạnh tranh nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất. Việc thành lập các bộ phận chức năng: Kiểm soát nội bộ, Pháp chế, Thảm định giá, Ban Vật tư để kiểm soát những rủi ro có thể xảy ra đã đem lại những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh và kiểm soát toàn bộ Tập đoàn.

Quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng, trong đó có sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen, sẽ tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế suy giảm thì nhu cầu sử dụng các sản phẩm tôn thép, vật liệu xây dựng cũng sẽ sụt giảm. Do đó, Tập đoàn luôn chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành để chủ động ứng phó với mọi tình huống nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh hiệu quả nhất.

Tập đoàn nhập khẩu phần lớn thép cán nóng (nguyên liệu chính) từ nước ngoài, nên việc cập nhật, phân tích giá thép cán nóng trong và ngoài nước, chọn lựa thời điểm thích hợp để mua với giá tốt nhất, hạn chế mọi rủi ro về nguyên liệu luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quan tâm chú trọng.

Sự biến động giá bán sản phẩm trên thị trường tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen. Do đó, chính sách giá bán linh hoạt theo biến động giá cả thị trường luôn được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét điều chỉnh tùy theo tình hình thị trường ở từng thời điểm.

Quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất

Trong hoạt động sản xuất, Tập đoàn Hoa Sen luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu để giảm giá thành sản phẩm. Bộ phận Thảm định giá và Bộ phận Vật tư phối hợp xem xét lựa chọn những nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phù hợp với giá cả hợp lý nhằm giảm thiểu những rủi ro về nguyên vật liệu. Đồng thời, Bộ phận Kiểm soát Nội bộ sẽ kiểm tra lại tất cả các khoản chi phí mua hàng để đảm bảo tính trung thực, chính xác và minh bạch.

Tập đoàn luôn có những kế hoạch bảo trì sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhằm đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt nhất, bảo đảm vận hành an toàn và hiệu quả.

Quản lý rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn có thể chịu rủi ro rủi ro biến động tỷ giá, rủi ro biến động lãi suất, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro thanh khoản.

Căn cứ vào doanh thu xuất khẩu, Ban Tổng Giám đốc cân đối cơ cấu dư nợ vay giữa VND và USD để bảo đảm có lãi suất vay bình quân thấp nhất nhưng có sẵn đủ nguồn USD để trả nợ vay ngoại tệ để giảm thiểu tác động của rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá trình Hội đồng Quản trị xem xét và đưa ra định hướng cơ cấu vay hàng tháng.

Đối với các khách hàng mới, Tập đoàn yêu cầu có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng thì mới giao hàng. Đối với các khách hàng truyền thống, căn cứ tình hình tài chính, tài sản bảo đảm, uy tín giao dịch của từng khách hàng và đề xuất của các đơn vị bán hàng, Tập đoàn cấp hạn mức nợ cho từng khách hàng trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng tháng, Ban Tổng Giám đốc xem xét lại các hạn mức nợ này. Các đơn vị bán hàng chịu trách nhiệm thu hồi công nợ đúng hạn. Bộ phận Kiểm soát Nội bộ giám sát, kiểm tra và báo cáo Ban Tổng giám đốc tình hình nợ phải thu hàng ngày. Nếu phát sinh nợ phải thu khó đòi, Bộ phận Pháp chế sẽ thực hiện các biện pháp thu hồi nợ kể cả đưa vụ việc ra cơ quan pháp luật giải quyết.

Bộ phận Tài chính lập và báo cáo kế hoạch dòng tiền hàng tuần để Ban Tổng Giám đốc có những biện pháp điều hành kinh doanh linh hoạt, bảo đảm không có khoản phải trả quá hạn.

Quản lý rủi ro thay đổi chính sách

Văn bản pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn Hoa Sen. Ban Trọ lý giữ vai trò quan trọng trong việc cập nhật và tư vấn những văn bản pháp luật mới ban hành để giảm thiểu rủi ro về thay đổi chính sách có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Quản lý rủi ro khác

Để giảm thiểu những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, ... Tập đoàn luôn dành một khoản chi phí không nhỏ cho việc mua bảo hiểm mọi rủi ro tai nạn 24/24 giờ cho mọi CBCNV và bảo hiểm mọi rủi ro tài sản của Tập đoàn.



Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ

Địa chỉ trụ sở: Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: 064 3924790 - Fax: 064 3924796

Giấy chứng nhận ĐKKD: 3700381324-095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 19 tháng 7 năm 2010.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đức Hoàng - Giám đốc Nhà máy
Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hộp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hộp kim khác. Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn, sản xuất thép cán nóng dạng cuộn.

Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%



QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Tập đoàn đã xây dựng thành công nhà máy sản xuất tôn mạ có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại trên diện tích 16,7 hecta bao gồm: 87.542 mét vuông nhà xưởng, 690 mét vuông văn phòng làm việc, trạm biến thế 110 Kv, hệ thống xử lý nước thải và tái sinh nước, hệ thống sản xuất tôn mạ khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong ngành tại Việt Nam; được đầu tư với chi phí thấp nhất và thi công trong thời gian nhanh nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình.

Hiện tại, nhà máy đang lắp đặt 1 dây chuyền mạ kẽm/ hợp kim nhôm kẽm công suất thiết kế 120.000 tấn/ năm. Dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động vào tháng 03/2013.



Các công ty con

CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN

Địa chỉ trụ sở: Số 09 Đại lộ Thống nhất, KCN Sóng Thần II, P.Đĩ An, TX.Đĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 06503.737.200
Fax: 06503.737.904
Vốn điều lệ: 280.000.000.000 đồng (hai trăm tám mươi tỷ đồng).

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 3700763651 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 6 năm 2011.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh Khoa - Chủ tịch HĐQT
Giám đốc điều hành: Ông Nguyễn Tấn Hòa

Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%



Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen (tiền thân là Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen) hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất thép cán nguội. Ngày 06 tháng 4 năm 2007, Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động dây chuyền thép cán nguội công suất 180.000 tấn/năm. Đây là dây chuyền cán nguội đầu tiên thuộc sở hữu doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Việt Nam vào thời điểm đó. Việc đưa dây chuyền thép cán nguội vào hoạt động đã tạo nên mắt xích quan trọng trong chuỗi lợi thế cạnh tranh của Tập Đoàn, cung cấp phần lớn nguồn nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền mạ và dây chuyền sản xuất ống thép của Tập đoàn.

Ngày 24/12/2007, sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã thành lập Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen với số vốn điều lệ là 280 tỷ đồng trên cơ sở kế thừa toàn bộ cơ sở vật chất và bộ máy nhân sự của Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen.

Kết quả và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	Kế hoạch NĐTC 2012 - 2013	So với kết quả thực hiện NĐTC 2011 - 2012	
					Tuyệt đối	Tương đối(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6 = 5 - 4)	(7 = (6/4)*100)
1	Sản lượng tiêu thụ thép cán nguội	Tấn	133.372	460.000	326.628	245%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.348	7.500	5.152	219%
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	73,7	92	18,3	25%



Kể từ niên độ tài chính 2012 - 2013, Tập đoàn chuyển 2 máy cán nguội thuộc Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ cho Công ty Tôn Hoa Sen quản lý và vận hành để chuyên môn hóa sản xuất nên các chỉ tiêu kế hoạch niên độ tài chính 2012 - 2013 có sự tăng trưởng vượt trội so với niên độ trước.

Các công ty con

CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN

Địa chỉ trụ sở chính:	KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, H.Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại:	064.3923231 - Fax: 064.3923230
Vốn điều lệ:	150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng).
Giấy chứng nhận ĐKKD:	Số 3500786179 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 18/12/2007.
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Trần Ngọc Chu - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
Giám đốc điều hành:	Ông Bùi Thanh Tâm.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng bao gồm: Ống thép, ống thép mạ kẽm; ống nhựa và phụ kiện ống nhựa. Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%



Trụ sở và nhà máy của Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen

Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen là một trong những công ty con trực thuộc Tập đoàn Hoa Sen, được thành lập ngày 18 tháng 02 năm 2007, với vốn điều lệ ban đầu 150 tỷ đồng, trụ sở và nhà máy chính tọa lạc trong khuôn viên 11 hecta, tại đường 2B, KCN Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2007, Công ty đã khánh thành và đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất ống thép số 1, công suất 84.000 tấn/năm, tại Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2010, Công ty tiếp tục đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất ống thép số 2, công suất 66.000 tấn/năm tại KCN Sóng Thần, TX. Dĩ An, Bình Dương và Nhà máy sản xuất ống nhựa uPVC Hoa Sen, công suất 30.000 tấn/năm tại KCN Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đáp ứng cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

Với hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, có nguồn gốc chủ yếu từ các nước hàng đầu Châu Âu và Đông Á. Công ty đã cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước các dòng sản phẩm chủ lực: ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống nhựa và phụ kiện ống nhựa mang thương hiệu Hoa Sen dùng trong các lĩnh vực: dân dụng, cấp thoát nước, ngành điện, xây lắp công trình,... đạt chất lượng cao, kiểu dáng đa dạng và thân thiện với người tiêu dùng.

Bằng chính sách kinh doanh linh hoạt, các dòng sản phẩm: ống thép, ống thép mạ kẽm, ống nhựa và phụ kiện ống nhựa Hoa Sen được giới thiệu và bán đến người tiêu dùng thông qua hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ của công ty mẹ trải dài rộng khắp cả nước, chuỗi các showroom và mạng lưới các nhà phân phối, đại lý của Công ty nhằm đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các dịch vụ tốt nhất cho mọi đối tượng khách hàng trong cả nước.



Hệ thống các dây chuyền sản xuất ống thép Hoa Sen

Thương hiệu phát triển vì cộng đồng

Ngoài các hoạt động sản xuất - kinh doanh, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện như: tài trợ Giải bóng đá Cúp Quốc gia - Nhựa Hoa Sen 03 năm liền (2010 - 2012), chương trình Vượt lên chính mình, Giải bóng đá Futsal - trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (2007 - 2012); hỗ trợ các chương trình hội nghị kinh tế, hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao của các tổ chức địa phương và trung ương.

Bên cạnh đó, các dòng sản phẩm Ống Nhựa Hoa Sen còn đạt được các danh vị và giải thưởng cao quý như: Thương hiệu mạnh Việt Nam 2007, Huy Chương Vàng tại các kỳ hội chợ VIETBUILD 2008, 2009, 2011 và VTop Build 2012.

Ngoài ra, với thế mạnh vượt trội về chất lượng và công nghệ, ống nhựa Hoa Sen còn được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Trung tâm Chứng nhận phù hợp - QUACERT cấp Chứng nhận cho các sản phẩm hiện có phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế trong ngành như ISO 4422-1996, TCVN 6151-2:2002, BS 3505:1968 và AS/NZS 1477:2006. Đồng thời Công ty đã được Viện Khoa Học Vật Liệu Ứng Dụng cấp Chứng nhận "Công nghệ tự động hóa - Quy trình sản xuất khép kín cho các dây chuyền sản xuất ống nhựa - phụ kiện ống nhựa uPVC Hoa Sen".

Đến nay, các dòng sản phẩm của Công ty đã từng bước được khách hàng trong và ngoài nước tin nhiệm, sử dụng một cách rộng khắp thông qua các công trình xây lắp trọng điểm của quốc gia và dân dụng.

Với những thành quả đạt được, Công ty cam kết không ngừng nỗ lực nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng về chất lượng, hợp lý về giá cả, phong phú trong các dịch vụ hậu mãi và phấn đấu trở thành một trong những nhà cung cấp hàng đầu về các sản phẩm: ống thép, ống thép mạ kẽm, ống nhựa - phụ kiện ống nhựa trên thị trường trong nước và khu vực ASEAN.

Các công ty con

- Showroom Long An:
368 QL1, P6, TP. Tân An, Long An
Điện thoại: 0723 821 563
- Showroom Tân Thành:
QL51, Tổ 2, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại: 064 626 3135
- Showroom Đồng Nai:
Quốc lộ 1A, 539 Ấp Ngũ Phúc, Hố Nai 3,
Trảng Bom, Đồng Nai
Điện thoại: 0613 982 141
- Showroom Thủ Đức:
689 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức,
TP. HCM
Điện thoại: 0837 273 817
- Showroom Trung Chánh:
21/7 Quốc Lộ 22, Xã Trung Chánh, H. Hóc Môn
Điện thoại: 0838 839 805
- Showroom Tân Thới Hiệp:
1770 Quốc Lộ 1A, KP. 3, P. Tân Thới Hiệp,
Q. 12 (Ngã tư ga)
Điện thoại: 0837 020 308
- Showroom An Lạc:
1244 Quốc Lộ 1A, P. Tân Tạo, Q. Bình Tân
Điện thoại: 0837 594 907
- Showroom Quận 7:
Số 877 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận,
Q. 7, TP. HCM
- Showroom Bình Chánh:
D26/29E, Ấp 4, QL 1A, Xã Tân Túc,
H. Bình Chánh, TP. HCM
Điện thoại: 08 37 59 4907
- Showroom Bình Dương:
1/109 KP. Hòa Lân 1, P. Thuận Giao,
Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: 0650 3636 284
- Showroom Nha Trang:
Lô 16 Đường 23/10 - Vĩnh Diêm Thượng - Vĩnh Hiệp
- Nha Trang - Khánh Hòa
Điện thoại: 0583 890 366
- Showroom Tây Ninh:
169 Tọa Hai, KP. 3, Phường 1, TX. Tây Ninh
Điện thoại: 0663 811 365



KẾT QUẢ & KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2011 - 2012	Kế hoạch NĐTC 2012 - 2013	So với kết quả thực hiện NĐTC 2011 - 2012	
					Tuyệt đối	Tương đối(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6 = 5 - 4)	(7 = (6/4)*100)
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	73.261	78.820	5.559	8%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.365	1.434	69	5%
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	92,5	98,4	5,9	6%

CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN

Địa chỉ trụ sở: Số 09 Đại lộ Thống nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0650.3737999
Fax: 0650.3737999

Vốn điều lệ: 16.276.000.000 đồng (mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 3700785528 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Thanh - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ, đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Cho thuê phương tiện vận tải, sửa chữa xe ô tô, mua bán vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô.

Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%



Niên độ tài chính 2011 - 2012 vừa qua, Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen đã vận chuyển 161.765 tấn, đạt 148% kế hoạch; Doanh thu đạt được 11,6 tỷ đồng.

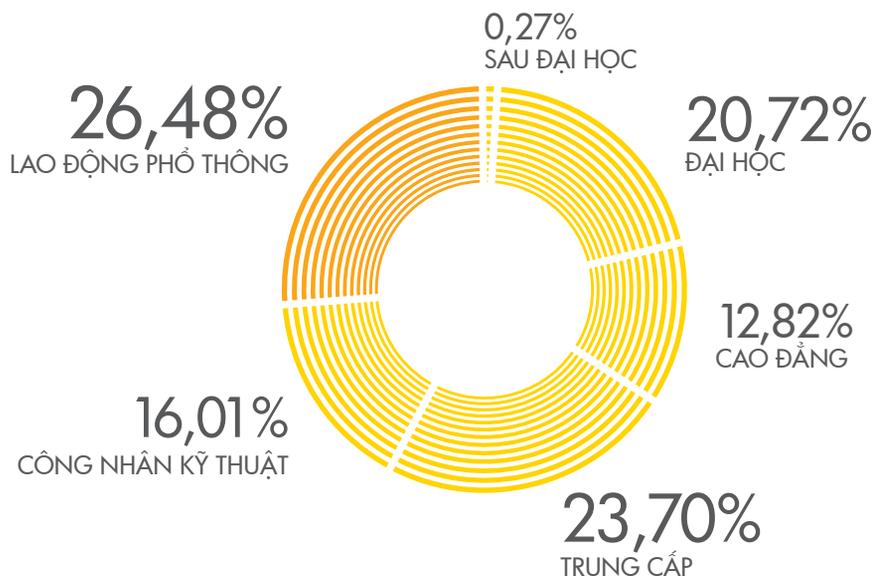
Dự kiến trong niên độ tài chính 2012 - 2013 này, Công ty sẽ vận chuyển 170.000 tấn, doanh thu đạt 12,0 tỷ đồng.

Nguồn nhân lực

Số lượng cán bộ công nhân viên

Tính đến ngày 30/09/2012, tổng số cán bộ công nhân viên của Tập đoàn Hoa Sen là 2.949 người.

Cơ cấu trình độ cán bộ nhân viên NĐTC 2011 - 2012



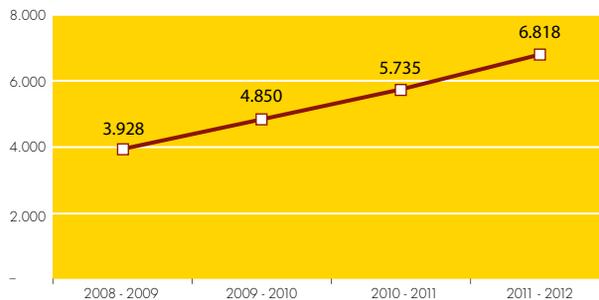


Thu nhập bình quân của CBCNV qua các niên độ

Tháng 12/2011 và tháng 1/2012 mức thu nhập bình quân của Ban TGD tăng cao do điều chỉnh mức lương của Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối theo tờ trình số: 59/Ttr/KNV/2012 áp dụng từ tháng 12/2011.

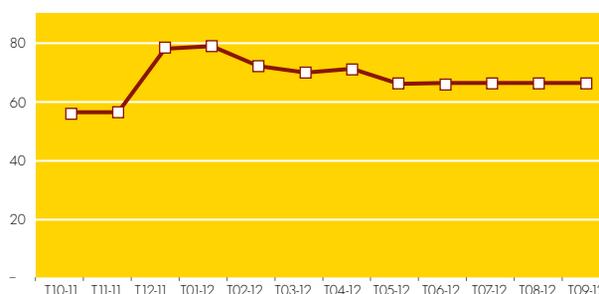
Thu nhập bình quân của CBCNV qua các niên độ

Ngìn đồng / người / tháng



Mức thu nhập bình quân của Ban TGD

Triệu đồng / người / tháng



Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Trong niên độ 2011 - 2012, Tập đoàn tiếp tục triển khai chương trình "Quản trị viên dự nguồn", tuyển dụng sinh viên khá, giỏi của các trường đại học uy tín trong cả nước (ĐH Bách Khoa TP. HCM, ĐH Kinh tế - Luật TP. HCM - ĐH QG TP. HCM, Đại học Kinh tế TP. HCM, Đại học Ngoại thương TP. HCM) và đặc biệt cả du học sinh tại Úc, Thái Lan, Mỹ, Singapore đưa vào chương trình, đào tạo, theo dõi, định hướng và phát triển thành những cán bộ quản lý nòng cốt trong tương lai.

Tập đoàn tiếp tục duy trì việc hợp tác với các trường thành viên của Đại học Quốc gia TP. HCM, các trường đại học, cao đẳng khu vực Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm...

Tập đoàn duy trì đào tạo hội nhập cho các nhân viên mới và một số chương trình đào tạo bên ngoài nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho CBCNV.

Nguồn nhân lực

Chế độ chính sách đối với người lao động

Chính sách lương và phụ cấp

Niên độ tài chính 2011 - 2012, tình hình kinh tế chung của thế giới và các doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn nhưng Tập đoàn vẫn đạt được kết quả lợi nhuận vượt kế hoạch. Tập đoàn đã điều chỉnh mức lương tối thiểu cho CBCNV theo quy định của Chính phủ vào tháng 10/2011 đồng thời điều chỉnh lương cho CBCNV nhằm bù đắp lạm phát, đảm bảo thu nhập và phù hợp với mặt bằng chung của thị trường lao động. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng ban hành, sửa đổi một số chính sách lương kinh doanh để phù hợp với tình hình kinh doanh từng thời điểm nhằm tạo động lực khuyến khích đội ngũ kinh doanh làm việc tích cực hơn.

Chính sách phụ cấp vẫn được kế thừa như niên độ trước bao gồm: phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp dự nguồn, phụ cấp điện thoại, phụ cấp công tác, phụ cấp thâm niên... Các khoản phụ cấp này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, giúp người lao động yên tâm làm việc.

Chế độ bảo hiểm

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn thực hiện theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền Tập đoàn thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận bằng khen của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương. Trong niên độ 2011 - 2012, Tập đoàn đã điều chỉnh mức đóng Bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của Chính phủ vào tháng 10/2011.



Chính sách khen thưởng

Chính sách khen thưởng được áp dụng nhằm tạo động lực trong công tác cho CBCNV gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tập đoàn áp dụng các chính sách thưởng như: thưởng thành tích, hiệu quả công việc hàng tháng, thưởng kinh doanh theo quý và năm, thưởng hoàn thành dự án trước tiến độ, thưởng tháng lương 13, thưởng CBCNV xuất sắc, thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giảm giá thành, ...

Chế độ chính sách khác

Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo qui định pháp luật, còn áp dụng các chế độ phúc lợi như: thưởng vào các ngày lễ lớn: Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, ngày 30/04 - 1/5, nghỉ mát hàng năm...; duy trì và đảm bảo các chế độ khác như: hỗ trợ suất ăn trưa, ăn giữa ca, cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn 24/24, hỗ trợ CBCNV khi có tang chế... Ngoài ra, CBCNV nữ được hỗ trợ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ thai sản.

Các hoạt động cho CBCNV

Trong niên độ tài chính 2011 - 2012, Công đoàn cơ sở đã có những hoạt động góp phần cùng Tập đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV như:

- Thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đoàn viên khi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hiếu, hỷ.
- Tổ chức hoạt động vui chơi, tặng quà cho CBCNV nữ nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.



- Tặng quà cho con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi.
- Tổ chức họp mặt tặng quà mừng năm mới.

Nhân kỷ niệm 11 năm ngày thành lập Tập đoàn, Công đoàn phối hợp với Công ty tổ chức hoạt động văn nghệ "Tiếng hát Sen vàng 2012" nhằm tạo sân chơi giao lưu tiếng hát giữa các CBCNV và tìm kiếm những giọng ca vàng của Tập đoàn.

Thông tin cổ phần

Thông tin về cổ phiếu

Vốn điều lệ: 1.007.907.900.000 đồng
 Mã chứng khoán: HSG
 Sàn niêm yết cổ phiếu: HOSE
 Ngày bắt đầu niêm yết: 05/12/2008
 Số lượng cổ phiếu niêm yết: 100.790.790
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 3.859.212
 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 96.931.578
 Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu tại ngày 30/9/2012: 20.824 đồng/cp

Biến động giá và khối lượng giao dịch cổ phiếu Hoa Sen Group từ 01/10/2011 đến 30/9/2012



Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Thông tin về cổ tức:

Trong các năm qua, Hoa Sen Group luôn đạt mức lợi nhuận cao và có mức trả cổ tức ổn định cho cổ đông. Tỷ lệ cổ tức chi trả cho Cổ đông qua các năm như sau:

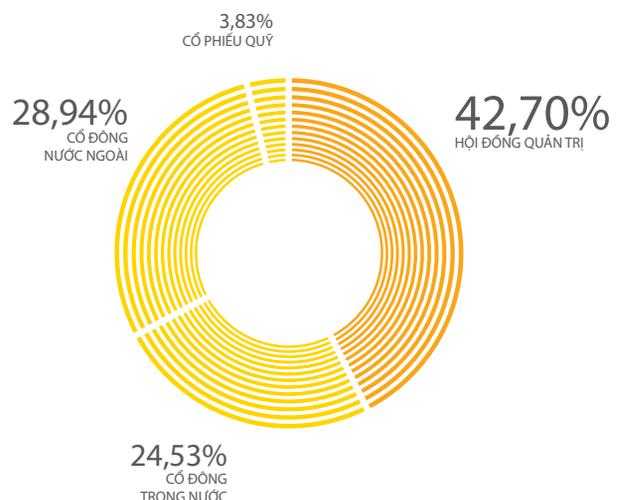
Niên độ tài chính	Tỷ lệ cổ tức /mệnh giá	Ghi chú
2008	30%	20% cổ tức bằng tiền 10% bằng cổ phần
2008 - 2009	20%	- Cổ tức bằng cổ phiếu
2009 - 2010	Không quá 15%	- Đã trả cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt. - Đã trả phần cổ tức còn lại với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt theo phương án gộp phần cổ tức chưa thực hiện của 2 NĐTC 2009 - 2010 và NĐTC 2010 - 2011 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại Hội nghị thường niên ngày 22/03/2012.
2010 - 2011	Không quá 10%	- Đã trả cổ tức với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt theo phương án gộp phần cổ tức chưa thực hiện của 2 NĐTC 2009 - 2010 và NĐTC 2010 - 2011 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại Hội nghị thường niên ngày 22/03/2012.

Các dữ liệu thống kê về cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 28 tháng 11 năm 2012, cơ cấu cổ đông của Hoa Sen Group như sau:

Stt	Thành phần Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Hội đồng Quản trị	43.037.952	42,70%
2	Cổ đông trong nước	24.727.215	24,53%
	Cá nhân	22.246.436	22,07%
	Tổ chức	2.480.779	2,46%
3	Cổ đông nước ngoài	29.166.411	28,94%
	Cá nhân	290.464	0,29%
	Tổ chức	28.875.947	28,65%
4	Cổ phiếu quỹ	3.859.212	3,83%
	Tổng cộng	100.790.790	100,00%



Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 28/11/2012

Sth	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Phước Vũ	Số 19 Giang Văn Minh, KP. 4, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM	42.867.152	42,53%
2	Red River Holding	Số 9A, Tú Xương, P. 7, Q. 3, TP. HCM	16.463.959	16,33%
3	Hoàng Thị Xuân Hương	Số 19 Đường Giang Văn Minh, P. An Phú, Q. 2 TP. HCM	6.717.940	6,67%

Danh sách cổ đông sáng lập tại ngày 28/11/2012

Sth	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Phước Vũ	Số 19 Giang Văn Minh, KP. 4, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM	42.867.152	42,53%
2	Hồ Văn Hoàng	Xã Định Trung, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre	1.007.199	1,00%
3	Hoàng Đức Huy	37/260L, Quang Trung, P. 12, Q. Gò Vấp, TP. HCM	86.400	0,09%

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị tại ngày 28/11/2012

Sth	Chức danh	Họ tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Chủ tịch	Lê Phước Vũ	Số 19 Giang Văn Minh, Kp. 4, An Phú, Q. 2, TP. HCM	42.867.152	42,53%
2	Phó Chủ tịch	Trần Ngọc Chu	285/7/10A CMT.8, P. 12, Q. 10, TP. HCM	86.400	0,09%
3	Thành viên	Lê Phụng Hòa	120/17 Trần Đình Xu, Q.1, TP. HCM	5.200	0,01%
4	Thành viên	Phạm Gia Tuấn	12/18 Phan Kế Bính, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM	79.200	0,08%
5	Thành viên	Lý Duy Hoàng	Lầu 09 Toà nhà Sunwah, Nguyễn Huệ, Q. 1, TP. HCM	-	0,00%

Thông tin cổ phần

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng tại ngày 28/11/2012

Stt	Chức danh	Họ tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	TGD	Trần Ngọc Chu	285/7/10A CMT8, P. 12, Q. 10, TP. HCM	86.400	0,09%
2	PTGD	Hoàng Đức Huy	37/260L Quang Trung, P. 12, Q. Gò Vấp, TP. HCM	86.400	0,09%
3	PTGD	Trần Quốc Trí	Tổ 7, An Sơn, Thanh An, Bình Long, Bình Phước	34.368	0,03%
4	PTGD	Vũ Văn Thanh	140/2 Nguyễn Ảnh Thủ, Xã Trung Chánh, Hóc Môn, TP. HCM	15.552	0,02%
5	PTGD	Nguyễn Minh Khoa	54 Đường 5, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, TP. HCM	6.100	0,01%
6	PTGD	Hồ Thanh Hiếu	1/10 khu phố 1, P. Hiệp Thành, Q. 12, TP. HCM	-	0,00%
7	KTT	Nguyễn Thị Ngọc Lan	860/60X/39 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. 25, Bình Thạnh, TP. HCM	23.184	0,02%

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Kiểm Soát tại ngày 28/11/2012

Stt	Chức danh	Họ tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Trưởng ban	Lê Vũ Nam	9/1 Phan Tôn, P. Đakao, Q. 1, TP. HCM	9.000	0,01%
2	Thành viên	Lý Văn Xuân	8 - CX V. Chung Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM	86.400	0,09%
3	Thành viên	Lê Đình Hạnh	113 Nguyễn Văn Đậu, P.5, Bình Thạnh, TP. HCM	2.138	0,00%

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Cổ đông có liên quan đến Cổ đông nội bộ tại ngày 28/11/2012

Stt	Họ tên Cổ đông nội bộ	Họ tên Cổ đông có liên quan	Quan hệ với Cổ đông nội bộ	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Phước Vũ	Hoàng Thị Xuân Hương	Vợ	Số 19 Giang Văn Minh, KP. 4, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM	6.717.940	6,67%
		Lê Hoàng Vũ Trí	Con	Số 19 Giang Văn Minh, KP. 4, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM	72.000	0,07%
2	Hoàng Đức Huy	Hoàng Đức Hoàng	Em	200 Trần Hưng Đạo, P. 1, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh	15.552	0,02%
		Hoàng Thị Xuân Hương	Em	Số 19 Giang Văn Minh, KP. 4, P. An Phú, Q. 2, TP. HCM	6.717.940	6,67%
		Hoàng Đức Cảnh	Em	37/260P Quang Trung, P. 12, Q. Gò Vấp, TP. HCM	10.454	0,01%
3	Lý Văn Xuân	Võ Thị Sơn Ca	Vợ	5/1 Quang Trung, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM	18.000	0,02%
		Lý Khánh Vân	Con	08 C/X Văn Chung Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM	9.000	0,01%
4	Nguyễn Minh Khoa	Nguyễn Thị Minh Thu	Em	70/13 Đường 339 KP. 25, P. Phước Long B, Q. 9, TP. HCM	9	0,00%



Hệ thống chi nhánh

STT	Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
KHU VỰC TÂY NAM BỘ			
1	Năm Căn	Khóm Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	0780.3876703
2	Cà Mau	39 Lý Thường Kiệt, Khóm 7, Phường 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	0780.3826699
3	Bạc Liêu	D01/10 QL1A, Trà Kha, Phường 8, Tp. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	0781.3829843
4	Sóc Trăng	QL1A, Phường 2, Tp. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	079.3611212
5	Phụng Hiệp	Khu Vực 3, Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	0711.3867887
6	Vị Thanh	Trần Hưng Đạo, khu vực 3, Phường 5, Tp. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	0711.3870137
7	Vĩnh Thuận	Tổ 39, Ấp Vĩnh Đông 2, TT. Vĩnh Thuận, Huyện Vĩnh Thuận, Tỉnh Kiên Giang	077.3561336
8	An Biên	Tổ 17, Ấp Đông Thành, Xã Đông Thái, Huyện An Biên, Tỉnh Kiên Giang	077.3524259
9	Kiên Lương	Tổ 13, khu phố Tám Thuộc, TT Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	077.3765055
10	Rạch Giá	67 CMT8, Phường Vĩnh Lợi, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	077.3912450
11	Lộ Tê	Số 454, tổ 16, Khu Vực Thới Hoà, P. Thới Thuận, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ	076.3831844
12	Cần Thơ	143 KV5, CMT8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	0710.3887581
13	Vĩnh Thạnh	Ấp Vĩnh Tiến, Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, Tp. Cần Thơ	0710.3641828
14	Cái Răng	Quốc lộ 1A, Khu vực 2, Phường Ba Láng, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ	0710.3910001
15	Tri Tôn	Khóm 1, Thị trấn Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	076.3772949
16	Châu Đốc	QL 91, Khóm Hoà Bình, Phường Vĩnh Mỹ, Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang	076.3560510
17	Phú Tân	Khóm Long Hưng 2, P. Long Sơn, Thị xã Tân Châu, Tỉnh An Giang	076.3533435
18	Long Xuyên	Tổ 12, Khóm Bình Đức 5, Phường Bình Đức, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	076.3650738
19	Chợ Mới	Ấp Mỹ Hòa, Thị trấn Mỹ Lương, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang	076.3626376
20	Hồng Ngự	QL 30, Phường An Lộc, Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp	067.3836771
21	Tam Nông	Thị trấn Trâm Chim, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	067.3829658
22	Cao Lãnh	QL 30, Phường Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	067.3857316
23	Châu Thành - Đồng Tháp	Ấp An Hòa, Xã Tân Bình, Huyện Châu Thành, Đồng Tháp	067.3868156
24	Mỹ Hòa	Khóm Tây Huề 1, Phường Mỹ Hòa, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	076.3949952
25	Bình Minh	622A, Ấp Thuận Tiến B, Xã Thuận An, Huyện Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long	070.3750711
26	Vũng Liêm	Ấp Trung Xuân, Xã Trung Thành, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long	070.3976283
27	Trà Vinh	QL 60, Khóm 6, Phường 8. Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	074.3842546
28	Vĩnh Long	333 Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	070.3816434

STT	Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
29	Cái Bè	QL 1A, Ấp An Thái, Xã An Cư, Huyện Cái Bè, Tỉnh Tiền Giang	073.3923409
30	Châu Thành - Bến Tre	Ấp 5, Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.	075.3612698
31	Bến Tre	109D Nguyễn Đình Chiểu, Khu phố 3, Phường 8, Tp. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	075.3811794
32	Thủ Thừa	Ấp Bình Cang 1, Xã Bình Thạnh, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	072.3820522
33	Tân Thạnh	Khu phố 3, Thị trấn Tân Thạnh, Huyện Tân Thạnh, Tỉnh Long An	072.3941013
34	Bến Lức	Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	072.3647779
KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ			
35	Bình Chánh	D1/29 QL 1A, khu phố 4, TT. Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Tp. HCM	083.759.4250 083.759.4251
36	Trảng Bàng	Tổ 6, Ấp An Bình, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh	066.3896733
37	Tây Ninh	371 Phạm Hùng, Ấp Long Chí, Xã Long Thành Trung, H. Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh	066 3837 123
38	Gò Dầu	Ấp Phước Đức B, Xã Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh	066.3533838
39	Thống Nhất	65 QL 1A, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai	061.3768503
40	Long Khánh	Khu 9, Ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	061.3721266
41	Định Quán	Lô SKK 97A, KCN Định Quán, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai	061.3633855 061.3633858
42	Ngãi Giao	QL 56, Thôn Tân Phú, Xã Bàu Chinh, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3962358
43	Tân Thành	Ấp Bến Đình, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3931828
44	Xuân Mộc	QL 55, ấp Thạnh Sơn, xã Phước Thuận, huyện Xuân Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3782888 064.3782999
45	Tân Phú	142, ấp Thọ Lâm 3, QL20, xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai	061.3696629
46	Đức Linh	Thôn 4, Xã Đức Chính, Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận	062.3887898
47	Hàm Tân	Thôn Đá Mài, Xã Tân Xuân, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận	062.3872888
48	Phan Thiết	lô 4/1 KCN Phan Thiết Giai đoạn 1, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	062.3829124
49	Phan Rí	Thôn Bình Liêm, Xã Phan Rí Thành, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	062.3862151
50	Hàm Thuận Nam	QL 1A, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận	062.3899559
51	Trảng Bom	834 B, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0613.981.701
52	Phú Giáo	Đường DT741, Tổ 5, Ấp Vĩnh An, Xã Vĩnh Hòa, Phú Giáo, Bình Dương	0650.3695113 0650.3695114
53	Quận 9	28 đường số 400, KP. 3, Phường Tân Phú, Q. 9, Tp. HCM	083 7251 296
54	Phước Long	Tổ 01, KP 09, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Bình Phước	0651.3713006 0651.3713007
55	Bình Dương	612 Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	0650.3824495
56	Bến Cát	Đại lộ Bình Dương, Ấp 3B, Xã Thới Hòa, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	0650.3577112 0650.3577113

STT	Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
57	Chon Thành	Số 31, tổ 1, ấp 1, xã Thành Tâm, huyện Chon Thành, tỉnh Bình Phước	0651.3668494

58	Đồng Xoài	Số 602, Đường Phú Riềng Đỏ, KP Tân Trà, P. Tân Xuân, Tx Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	0651.3883196
----	-----------	--	--------------

KHU VỰC MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN

59	Đức Trọng	413 QL20, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	063.3646229
----	-----------	---	-------------

60	Phan Rang	KP6, P. Phú Hòa, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	068.3833845 068.3833846
----	-----------	---	----------------------------

61	Cam Ranh	Tổ Phúc Ninh, Phường Cam Phúc Nam, Tp. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	058.3976402 058.3976403
----	----------	---	----------------------------

62	Gia Nghĩa	Đường Tống Duy Tân, tổ 9, P. Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	0501.3545016
----	-----------	---	--------------

63	Đak Mil	Thôn 1, Xã Đức Mạnh, Huyện Đak Mil, Tỉnh Đắk Nông	0501.3750878 0501.3870888
----	---------	---	------------------------------

64	Cư Jút	QL 14, Xã Tâm Thắng, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	0501.3692567 0501.3692568
----	--------	--	------------------------------

65	Đắk Lắk	566 Lê Duẩn, P. Eatam, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	0500.3954056 0500.3954057
----	---------	---	------------------------------

66	Eakar	Thôn An Cư, xã Cư Huệ, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk	0500.3627064 0500.3627065
----	-------	---	------------------------------

67	Krông Păk	Thị trấn Phước An, Huyện Krông Păk, Tỉnh Đắk Lắk	0500.3519743 0500.3519744
----	-----------	--	------------------------------

68	Buôn Hồ	517 Hùng Vương, Phường Thiện An, Thị xã Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk	0500.3870010
----	---------	---	--------------

69	Pleiku	174 Trường Chinh, Tổ 4, Phường Trà Bá, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	059.3747170
----	--------	---	-------------

70	Chư Sê	Thôn 7, Xã La Blang, Huyện Chư Sê, Gia Lai	059.3768778
----	--------	--	-------------

71	Kon Tum	239 Phan Đình Phùng, Tp. KonTum, Tỉnh KonTum	060.3856372
----	---------	--	-------------

72	Ngọc Hồi	Tổ dân phố 3, Thị trấn Plei Kăn, Huyện Ngọc Hồi, Kon Tum	060.3832772
----	----------	--	-------------

73	Nha Trang	Thôn Phú Khánh, Xã Diên Thạnh, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	058.3750526 058.3750527
----	-----------	---	----------------------------

74	Sơn Hòa	Thôn Tân Thành, Xã Suối Bạc, Huyện Sơn Hòa, Phú Yên	057.3640427 057.3640428
----	---------	---	----------------------------

75	Tuy Hòa	229 Nguyễn Tất Thành, P.8, Tp. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	057.3820586 057.3820361
----	---------	--	----------------------------

76	Tuy An	Thôn Chí Đức, Thị trấn Chí Thạnh, Huyện Tuy An, Tỉnh Phú Yên	057.3767477 057.3767478
----	--------	--	----------------------------

77	Tuy Phước	Thôn Mỹ Điền, Thị trấn Tuy Phước, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định	056.3833008 056.3833009
----	-----------	---	----------------------------

78	An Khê	Tổ 3, Phường Ngô Mây, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai	059.3533511 059.3533512
----	--------	---	----------------------------

79	Phù Cát	Thôn Hòa Đông, Xã Cát Tân, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định	056.3538178
----	---------	--	-------------

80	Phù Mỹ	Thôn Diêm Tiêu, Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định	056.3755089
----	--------	---	-------------

81	Bồng Sơn	Thôn Thiết Đính, Thị trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định	056.3761841
----	----------	---	-------------

82	Sơn Tịnh	Thôn Trường Thọ Đông, TT. Sơn Tịnh, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	055.3670097 055.3670098
----	----------	---	----------------------------

83	Tam Kỳ	Lô A49 Phan Bội Châu, P. Hòa Thuận, Tp. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	0510.3810842 0510.3810843
----	--------	--	------------------------------

84	Đà Nẵng	281A Trường Chinh, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	0511.3721101 0511.3721102
----	---------	---	------------------------------

STT	Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ			

85	Huế	QL 1A, Phường Hương Văn, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	054.3777156 054.3777157
----	-----	--	----------------------------

86	Quảng Trị	Thôn An Bình, Xã Cam Thanh, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị	053.3565221 053.3565222
----	-----------	--	----------------------------

87	Quảng Bình	Đường F325, TK 12, Phường Bắc Lý, Tp. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	052.3859356 052.3859357
----	------------	---	----------------------------

88	Hà Tĩnh	Xóm Tân Phú, Xã Thạch Trung, Tp. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	039.3690617 039.3690618
----	---------	--	----------------------------

89	Nghệ An	Xóm 14, Xã Nghi Kim, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An	038.3516469
----	---------	---	-------------

90	Thanh Hoá	QL 1A, Thôn Quyết Thắng, xã Quảng Thịnh, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hoá	037.8755667 037.8755668
----	-----------	--	----------------------------

91	Bim Sơn	Khu 6, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	037.3763996 037.3763997
----	---------	---	----------------------------

92	Diễn Châu	Khu công nghiệp Nhò, Xã Diễn Hồng, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	038.3620685 038.3620686
----	-----------	--	----------------------------

KHU VỰC BẮC BỘ

93	Hà Nội	Lô A6 - 2, KCN Hà Nội - Đai Tu, 386 Nguyễn Văn Linh, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội	04.36559905 04.36559906
----	--------	---	----------------------------

94	Sơn La	KCN Chiềng Sinh, Phường Chiềng Sinh, Tp. Sơn La, Tỉnh Sơn La	022.3774.280
----	--------	--	--------------

95	Ninh Bình	Quốc lộ 1A, Thị trấn Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình	030.3626668 030.3626667
----	-----------	--	----------------------------

96	Hòa Bình	Xóm Trung, Xã Trung Minh, Tp. Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	0218.3843737 0218.3843738
----	----------	---	------------------------------

97	Quảng Ninh	Thôn Trại Thành 1, Phường Đông Mai, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh	033.3553768 033.3553769
----	------------	---	----------------------------

98	Yên Bái	Thôn 2, Xã Hợp Minh, Tp. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	029.3710456 029.3710468
----	---------	--	----------------------------

99	Phú Thọ	Khu 12, Xã Kim Đức, Tp. Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	0210.3736386
----	---------	--	--------------

100	Hà Nam	Thôn Lão Cầu, Xã Tiên Tân, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam	0351.3595616 0351.3595618
-----	--------	--	------------------------------

101	Thái Bình	Thôn Gia Lễ, Xã Đông Mỹ, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	036.3568866 036.3568868
-----	-----------	--	----------------------------

102	Hung Yên	Khu công nghiệp Phố Nối, Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên	0321.3744206 0321.3744207
-----	----------	--	------------------------------

103	Nam Định	Lô 21, Đường N1, cụm Công nghiệp An Xá, Xã Mỹ Xá, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định	0350.3672317
-----	----------	---	--------------

104	Hải Phòng	Thôn 3, Xã Kiền Bái, Huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng	031.3645566 031.3645567
-----	-----------	---	----------------------------

105	Thái Nguyên	Xóm 3, Xã Lương Sơn, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	0280.3645657 0280.3645658
-----	-------------	--	------------------------------

106	Vĩnh Phúc	Thôn Hoàng Lộc, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3593234 0211.3593567
-----	-----------	--	------------------------------

107	Hà Giang	Thôn Tân An, Xã Hùng An, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang	0219.3892956 0219.3892957
-----	----------	---	------------------------------

108	Bắc Kạn	Tổ 5, Phường. Phùng Chí Kiên, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn	0281.3812556 0281.3812558
-----	---------	--	------------------------------

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012





Nội dung	Trang
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán.
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 41. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 3 tháng 12 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 3 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để các báo cáo tài chính riêng không có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính riêng có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3380
Ngày 3 tháng 12 năm 2012

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Nguyễn Cao Nguyên".

Nguyễn Cao Nguyên
Số chứng chỉ KTV: 1184/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2012 VNĐ	2011 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.687.785.701.677	3.250.279.967.093
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.322.761.267	126.343.395.167
111	Tiền		62.322.761.267	126.343.395.167
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.975.059.008	-
121	Đầu tư ngắn hạn		3.975.059.008	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.060.986.322.198	1.097.677.196.770
131	Phải thu khách hàng	4	851.514.345.464	735.136.576.406
132	Trả trước cho người bán	5	132.204.331.550	112.840.243.696
135	Các khoản phải thu khác	6	84.214.681.047	252.206.830.245
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.947.035.863)	(2.506.453.577)
140	Hàng tồn kho	7	1.346.471.979.331	1.765.275.223.172
141	Hàng tồn kho		1.348.257.580.603	1.765.275.223.172
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.785.601.272)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		214.029.579.873	260.984.151.984
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		24.941.573.704	25.348.615.065
152	Thuế GTGT được khấu trừ		181.182.026.226	191.717.067.998
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		836.185.561	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	7.069.794.382	43.918.468.921
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.618.397.191.638	2.686.882.002.143
220	Tài sản cố định		2.049.080.566.012	2.128.985.585.123
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.734.733.389.181	1.478.450.108.256
222	Nguyên giá		2.268.486.591.891	1.816.619.977.070
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(533.753.202.710)	(338.169.868.814)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	9(b)	78.249.367.215	-
225	Nguyên giá		84.032.961.457	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.783.594.242)	-
227	Tài sản cố định vô hình	9(c)	210.778.072.533	213.362.665.641
228	Nguyên giá		220.918.698.551	220.905.131.051
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.140.626.018)	(7.542.465.410)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(d)	25.319.737.083	437.172.811.226
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	505.732.331.634	504.605.390.954
251	Đầu tư vào công ty con		446.276.000.000	446.276.000.000
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	44.456.331.634
258	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(1.126.940.680)
260	Tài sản dài hạn khác		63.584.293.992	53.291.026.066
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	56.290.140.917	47.356.517.597
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	5.281.603.174	4.871.229.297
268	Tài sản dài hạn khác		2.012.549.901	1.063.279.172
270	TỔNG TÀI SẢN		5.306.182.893.315	5.937.161.969.236

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2012 VNĐ	2011 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.255.130.650.996	4.115.914.947.348
310	Nợ ngắn hạn		2.649.950.276.006	3.485.549.491.223
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	2.031.073.752.460	2.245.467.872.962
312	Phải trả người bán	14	470.105.482.411	1.124.806.259.547
313	Người mua trả tiền trước		9.153.814.784	39.043.692.919
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	71.348.792.426	16.758.743.314
315	Phải trả người lao động		20.893.335.354	19.490.662.024
316	Chi phí phải trả	16	23.697.643.116	29.106.140.385
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	18.452.204.256	2.929.661.962
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	5.225.251.199	7.946.458.110
330	Nợ dài hạn		605.180.374.990	630.365.456.125
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	601.196.647.490	629.061.213.625
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		3.983.727.500	1.304.242.500
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.051.052.242.319	1.821.247.021.888
410	Vốn chủ sở hữu		2.051.052.242.319	1.821.247.021.888
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19,20	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	20	(56.716.723.982)	(28.588.182.845)
416	Quỹ dự phòng tài chính	20	8.525.313.060	8.525.313.060
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20	2.148.326.909	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20	637.644.135.969	381.858.701.310
440	TỔNG NGUỒN VỐN		5.306.182.893.315	5.937.161.969.236

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 134.082 đô la Mỹ (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 13.337 đô la Mỹ).



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 3 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2012 VNĐ	2011 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	12.619.830.306.445	11.257.002.387.037
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(14.325.992.176)	(14.808.935.014)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	12.605.504.314.269	11.242.193.452.023
11	Giá vốn hàng bán	(11.375.653.501.501)	(10.336.014.938.167)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.229.850.812.768	906.178.513.856
21	Doanh thu hoạt động tài chính	113.585.114.098	274.270.850.819
22	Chi phí tài chính	(404.065.310.249)	(450.899.292.903)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>(335.861.045.260)</i>	<i>(282.057.005.265)</i>
24	Chi phí bán hàng	(337.646.105.793)	(273.241.648.901)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(218.616.359.161)	(158.043.749.817)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	383.108.151.663	298.264.673.054
31	Thu nhập khác	36.234.559.574	219.293.555.101
32	Chi phí khác	(30.083.781.517)	(187.412.642.636)
40	Thu nhập khác (số thuần)	6.150.778.057	31.880.912.465
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	389.258.929.720	330.145.585.519
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(27.562.434.241)	(17.946.100.611)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	410.373.877	2.240.695.095
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	362.106.869.356	314.440.180.003
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.700	3.184



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2012 VNĐ	2011 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	389.258.929.720	330.145.585.519
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	212.417.240.760	152.019.607.346
03	Các khoản dự phòng	5.099.242.878	340.135.671
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(4.232.103.846)	1.779.496.270
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(68.516.940.194)	(189.292.779.656)
06	Chi phí lãi vay	335.861.045.260	282.057.005.265
07	Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	42.857.574	(14.489.903.987)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	869.930.272.152	562.559.146.428
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	139.461.328.873	(18.572.145.478)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	417.017.642.569	(615.466.169.805)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(617.120.711.077)	505.785.008.867
12	Tăng các chi phí trả trước	(3.602.928.727)	(34.649.997.478)
13	Lãi vay đã trả	(341.746.932.318)	(274.755.496.246)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(21.453.868.690)	(10.188.701.745)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(9.336.896.699)	(4.551.499.841)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	433.147.906.083	110.160.144.702
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(57.038.858.220)	(823.899.538.759)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.248.224.565	191.389.756.749
27	Thu lãi tiền gửi	3.675.541.465	3.167.104.832
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(50.115.092.190)	(629.342.677.178)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Chi mua cổ phiếu quỹ	(28.128.541.137)	(28.016.088.845)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	6.583.550.959.039	5.971.137.263.295
34	Chi trả nợ gốc vay	(6.877.969.336.715)	(5.279.815.361.496)
35	Chi trả thuê tài chính	(26.350.002.329)	-
36	Chi trả cổ tức	(96.593.160.025)	(49.875.641.450)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(445.490.081.167)	613.430.171.504
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(62.457.267.274)	94.247.639.028
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	126.343.395.167	34.385.502.402
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	(1.563.366.626)	(2.289.746.263)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	62.322.761.267	126.343.395.167

Các giao dịch phi tiền tệ chủ yếu trong năm bao gồm nhận tài sản cố định thuê tài chính với giá trị là 84.032.961.457 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: không có).



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 03 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 41 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen - tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008 cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Công ty có 2.432 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 1.762 nhân viên).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đồng Việt Nam để hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

2.9 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

(b) Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

(c) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian Công ty được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên nhận đầu tư công bố chia cổ tức.

2.14 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.15 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.16 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo sự phê chuẩn của Đại hội đồng Cổ đông.

2.17 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

2.18 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ cũng được chú ý chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Tiền mặt	23.231.700.912	9.162.563.690
Tiền gửi ngân hàng	38.382.025.210	117.180.831.477
Tiền đang chuyển	709.035.145	-
	62.322.761.267	126.343.395.167
4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Bên thứ ba	561.878.374.848	439.415.357.110
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	289.635.970.616	295.721.219.296
	851.514.345.464	735.136.576.406
5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Bên thứ ba	42.020.148.804	22.657.016.696
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	90.184.182.746	90.183.227.000
	132.204.331.550	112.840.243.696

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Bên thứ ba	19.028.419.661	49.945.117.800
Bên liên quan (Thuyết minh 33 (b))	65.186.261.386	202.261.712.445
	84.214.681.047	252.206.830.245

Khoản phải thu với bên thứ ba bao gồm 13.279.135.464 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 26.558.270.928 đồng) phải thu từ việc thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

7. HÀNG TỒN KHO

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	340.678.259.856	328.583.285.799
Nguyên vật liệu	147.022.796.976	352.116.157.982
Công cụ, dụng cụ	128.830.080.317	90.498.457.943
Thành phẩm	654.483.300.362	875.480.750.474
Hàng hóa	77.243.143.092	118.596.570.974
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.785.601.272)	-
	1.346.471.979.331	1.765.275.223.172

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị là 1.070.169.056.955 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 1.363.091.358.973 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn	2.486.311.258	39.184.104.427
Tạm ứng cho nhân viên	4.583.483.124	4.542.839.658
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	191.524.836
	7.069.794.382	43.918.468.921

Thuyết Minh Báo cáo tài chính riêng

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	394.067.482.016	1.357.724.079.386	48.294.843.912	3.043.939.190	13.489.632.566	1.816.619.977.070
Mua trong năm	199.893.816	11.674.064.354	522.469.506	29.813.000	-	12.426.240.676
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	115.101.139.418	336.366.355.037	-	60.976.500	-	451.528.470.955
Thanh lý, nhượng bán	(1.226.500.000)	(10.338.042.378)	(147.807.001)	-	-	(11.712.349.379)
Giảm khác	(344.862.657)	(30.884.774)	-	-	-	(375.747.431)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	507.797.152.593	1.695.395.571.625	48.669.506.417	3.134.728.690	13.489.632.566	2.268.486.591.891
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	52.540.919.662	264.643.728.725	18.289.486.337	1.632.021.576	1.063.712.514	338.169.868.814
Khấu hao trong năm	29.490.312.756	166.327.650.938	5.853.117.581	473.895.418	1.890.509.217	204.035.485.910
Thanh lý, nhượng bán	(342.145.161)	(7.973.335.030)	(105.787.049)	-	-	(8.421.267.240)
Giảm khác	-	(30.884.774)	-	-	-	(30.884.774)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	81.689.087.257	422.967.159.859	24.036.816.869	2.105.916.994	2.954.221.731	533.753.202.710
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	341.526.562.354	1.093.080.350.661	30.005.357.575	1.411.917.614	12.425.920.052	1.478.450.108.256
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	426.108.065.336	1.272.428.411.766	24.632.689.548	1.028.811.696	10.535.410.835	1.734.733.389.181

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố định 732 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 6.315.233.156 đồng).
 Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.133.687.229.165 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 937.725.317.496 đồng).

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	-
Thuê tài chính trong năm	84.032.961.457
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	84.032.961.457
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	-
Khấu hao trong năm	5.783.594.242
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	5.783.594.242
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	-
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	78.249.367.215

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	219.514.657.317	1.390.473.734	220.905.131.051
Tăng trong năm	13.567.500	-	13.567.500
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	219.528.224.817	1.390.473.734	220.918.698.551
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	6.807.133.954	735.331.456	7.542.465.410
Khấu hao trong năm	2.367.994.751	230.165.857	2.598.160.608
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	9.175.128.705	965.497.313	10.140.626.018
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	212.707.523.363	655.142.278	213.362.665.641
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	210.353.096.112	424.976.421	210.778.072.533

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 134.832.214.689 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 150.236.457.785 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	437.172.811.226	540.353.255.533
Tăng	44.599.050.044	719.067.469.396
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.923.653.232)	(3.449.823.999)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(451.528.470.955)	(818.798.089.704)
Số dư cuối năm	25.319.737.083	437.172.811.226
Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:		
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	18.569.355.451	344.399.711.468
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	5.113.690.655	78.778.683.205

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 8.715.760.598 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: 7.300.447.031 đồng).

Thuyết Minh

Báo cáo tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30/9/2012 VND	30/9/2011 VND
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000225 và số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 29 tháng 6 năm 2011	100	280.000.000.000	280.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4904000228 và số 350078619 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu lần lượt cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và ngày 18 tháng 7 năm 2011.	100	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4603000325, 4604000224 và số 3700785528 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 29 tháng 6 năm 2011.	100	16.276.000.000	16.276.000.000
				446.276.000.000	446.276.000.000

Thuyết Minh Báo cáo tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009	45	44.456.331.634	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác					
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế.	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG				59.456.331.634	59.456.331.634
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				-	(1.126.940.680)
TỔNG CỘNG				59.456.331.634	58.329.390.954

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept đang chờ chuyển nhượng theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2011 ngày 16 tháng 06 năm 2011.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	47.356.517.597	28.561.120.370
Tăng trong năm	33.698.894.183	34.667.181.388
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang	4.923.653.232	3.449.823.999
Từ TSCĐ chuyển sang	-	93.360.012
Phân bổ trong năm	(29.688.924.095)	(18.428.901.167)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(143.091.058)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(842.975.947)
Số dư cuối năm	56.290.140.917	47.356.517.597

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, máy vi tính và công cụ dụng cụ.

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động góp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	4.871.229.297	2.630.534.202
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	410.373.877	2.240.695.095
Số dư cuối năm	5.281.603.174	4.871.229.297

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan tới các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các chi nhánh của Công ty, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước.

13. CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay ngắn hạn

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (*)	1.874.783.164.492	2.058.178.693.714
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh 13(b))	144.621.141.648	187.289.179.248
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 13(b))	11.669.446.320	-
	2.031.073.752.460	2.245.467.872.962

13. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**(b) Vay ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/9/2012 VND	30/9/2011 VND
01	USD	4,5% - 7%	397.349.294.200	162.816.804.000
02	VND	11% - 18,5%	66.800.000.000	416.200.000.000
03	USD	3,6% - 7,7%	132.506.031.645	39.224.142.000
04	VND	12,5% - 17,3%	10.007.000.000	21.960.000.000
05	USD	3% - 8%	256.450.792.619	268.532.580.897
06	VND	9% - 18,5%	184.210.428.571	170.041.793.679
07	USD	5,8% - 8%	115.637.056.000	150.378.120.000
08	VND	17,5% - 20,4%	-	42.600.000.000
09	USD	3,6% - 8,6%	99.490.344.783	117.411.357.826
10	VND	11,2% - 17,8%	28.390.000.000	48.000.000.000
11	USD	5%	39.573.200.000	5.961.492.000
12	USD	6% - 8%	13.954.760.000	92.788.745.832
13	USD	5,8% - 6,8%	-	22.741.543.436
14	USD	6,5% - 8,2%	-	35.536.177.397
15	VND	13,2% - 19,8%	-	35.100.000.000
16	USD	6% - 8,5%	28.364.976.082	-
17	VND	20%	-	44.000.000.000
18	USD	5,1% - 6,5%	57.818.528.000	98.364.141.906
19	USD	4,8% - 6,8%	231.332.534.540	-
20	VND	12,7% - 19%	-	85.400.000.000
21	USD	4% - 5,3%	183.498.218.052	129.789.639.741
22	VND	11,2% - 18,5%	29.400.000.000	71.332.155.000
			1.874.783.164.492	2.058.178.693.714

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

13. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn

		30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Vay ngân hàng	(*)	638.262.330.949	734.218.920.873
Nợ thuê tài chính	(**)	54.457.416.509	-
Nợ dài hạn khác	(***)	64.767.488.000	82.131.472.000
		757.487.235.458	816.350.392.873
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 13(a))		(144.621.141.648)	(187.289.179.248)
Trừ: Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 13(a))		(11.669.446.320)	-
		601.196.647.490	629.061.213.625

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
01	VND	25/09/2017	13% - 17,6%	155.288.986.000	188.753.256.000
02	VND	11/06/2016	13% - 18%	290.697.516.695	-
03	USD	15/09/2013	7,2% - 7,5%	1.564.516.048	3.098.985.696
04	VND	26/04/2015	14 - 17,9%	9.229.890.000	13.861.890.000
05	VND	24/10/2015	7,8% - 8,4%	35.500.000.000	49.720.000.000
06	USD	08/09/2018	1,70%	96.581.300.106	112.403.818.206
07	VND	17/07/2017	14 - 16,5%	49.400.122.100	-
08	VND	26/10/2016	15% - 18,5%	-	40.865.888.000
09	VND	29/03/2016	14,9% - 21%	-	297.075.482.971
10	VND	27/12/2012	23%	-	14.000.000.000
11	USD	02/05/2012	6,50%	-	14.439.600.000
				638.262.330.949	734.218.920.873

Tất cả các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản vay này.

13. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)**(b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

(**) Nợ thuê tài chính

	30/9/2012		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	18.834.143.228	7.164.696.908	11.669.446.320
Từ 1-5 năm	54.494.608.924	11.706.638.735	42.787.970.189
	73.328.752.152	18.871.335.643	54.457.416.509

Nợ thuê tài chính được đảm bảo bởi toàn bộ máy móc thiết bị thuê tài chính trình bày ở thuyết minh số 9(b).

(***) Nợ dài hạn khác bao gồm:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Nợ dài hạn của bên thứ ba (a)	58.267.488.000	77.131.472.000
Nợ dài hạn của bên liên quan (b)	6.500.000.000	5.000.000.000
	64.767.488.000	82.131.472.000

- (a) Khoản nợ 2.144.000 Euro tương đương 58.267.488.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 2.728.000 Euro tương đương 77.131.472.000 đồng) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 5 năm 2016.
- (b) Khoản nợ 6.500.000.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 5.000.000.000 đồng) với một công ty con, không có đảm bảo, không chịu lãi suất. Trong đó khoản 5.000.000.000 đồng có thời hạn hoàn trả là tháng 9 năm 2014 và khoản 1.500.000.000 đồng có thời hạn hoàn trả là tháng 11 năm 2014 (Thuyết minh 33(b)).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Bên thứ ba	457.703.656.349	1.082.513.405.792
Bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	12.401.826.062	42.292.853.755
	470.105.482.411	1.124.806.259.547

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	46.827.168.659	10.340.205.509
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.566.145.650	3.457.580.099
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	14.496.567.330	863.074.723
Thuế xuất nhập khẩu	76.358.503	-
Thuế khác	382.552.284	2.097.882.983
	71.348.792.426	16.758.743.314

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Điện	3.733.871.837	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.623.564.318	9.737.303.244
Chi phí vận chuyển	-	5.637.891.191
Phí kiểm toán	400.000.000	459.800.000
Lương tháng 13	9.881.678.000	3.472.230.000
Lãi vay	3.892.928.961	9.778.816.019
Chi phí phải trả khác	4.165.600.000	20.099.931
	23.697.643.116	29.106.140.385

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Cổ tức phải trả	2.213.857.525	1.249.599.550
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	915.190.369	886.734.400
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh 33(b))	-	109.723.758
Phải trả khác (*)	15.323.156.362	683.604.254
	18.452.204.256	2.929.661.962

(*) Khoản phải trả khác bao gồm số tiền truy thu và phạt thuế 11.039.479.294 đồng của một công ty con của Công ty đã giải thể như trình bày ở thuyết minh 27.

18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	7.946.458.110	1.728.997.376
Trích lập	6.406.734.996	10.768.960.575
Sử dụng lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(707.980.636)	-
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối	(4.055.557.395)	-
Sử dụng	(4.364.403.876)	(4.551.499.841)
Số dư cuối năm	5.225.251.199	7.946.458.110

19. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành như sau:

	30/9/2012 VNĐ		30/9/2011 VNĐ	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Cổ phiếu được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu quỹ	(3.859.212)	-	(2.020.012)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.931.578	-	98.770.778	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thuyết Minh Báo cáo tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

20. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	1.007.907.900.000	451.543.290.363	128.344.130.882	-	(572.094.000)	8.525.313.060	1.595.748.540.305
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	314.440.180.003	-	-	-	314.440.180.003
Chi trả cổ tức	-	-	(50.156.649.000)	-	-	-	(50.156.649.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	-	-	(10.768.960.575)	-	-	-	(10.768.960.575)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.016.088.845)	-	(28.016.088.845)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	1.007.907.900.000	451.543.290.363	381.858.701.310	-	(28.588.182.845)	8.525.313.060	1.821.247.021.888
Lợi nhuận trong năm	-	-	362.106.869.356	-	-	-	362.106.869.356
Chi trả cổ tức (*)	-	-	(97.557.418.000)	-	-	-	(97.557.418.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.128.541.137)	-	(28.128.541.137)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(6.406.734.996)	-	-	-	(6.406.734.996)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(6.412.839.096)	6.412.839.096	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(4.972.492.823)	-	-	(4.972.492.823)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2011	-	-	4.055.557.395	-	-	-	4.055.557.395
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	707.980.636	-	-	707.980.636
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	1.007.907.900.000	451.543.290.363	637.644.135.969	2.148.326.909	(56.716.723.982)	8.525.313.060	2.051.052.242.319

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2012 ngày 22 tháng 3 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 14/NQ/HĐQT/2012 ngày 26 tháng 3 năm 2012 và Nghị quyết số 30/NQ/HĐQT/2012 ngày 15 tháng 6 năm 2012 về việc chia cổ tức.

21. DOANH THU**(a) Doanh thu thuần**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Doanh thu		
Thành phẩm	9.579.445.220.466	7.563.102.259.779
Hàng hóa	3.040.385.085.979	3.693.900.127.258
	12.619.830.306.445	11.257.002.387.037
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(109.570.991)	(771.748.862)
Hàng bán bị trả lại	(13.825.512.110)	(13.707.656.265)
Giảm giá hàng bán	(390.909.075)	(329.529.887)
	(14.325.992.176)	(14.808.935.014)

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	3.675.541.465	3.167.104.832
Kết chuyển lãi từ việc giải thể Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	-	40.112.291.627
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	52.213.284.884	153.458.750.365
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	11.487.184.884	29.807.279.768
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.485.791.618	2.946.706.691
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.723.311.247	44.778.717.536
	113.585.114.098	274.270.850.819

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thành phẩm	8.586.088.509.737	6.872.768.008.994
Hàng hóa	2.789.564.991.764	3.463.246.929.173
	11.375.653.501.501	10.336.014.938.167

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Chi phí lãi vay	335.861.045.260	282.057.005.265
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.126.940.680)	573.940.680
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	69.331.205.669	168.241.262.503
Lỗ từ việc giải thể Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	-	27.084.455
	404.065.310.249	450.899.292.903

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	78.144.103.712	62.874.827.126
Chi phí khấu hao	17.794.064.368	18.138.581.723
Chi phí vật liệu bao bì	1.907.889.808	2.224.576.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.023.749.707	181.916.330.204
Chi phí khác	6.776.298.198	8.087.332.973
	337.646.105.793	273.241.648.901

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	103.044.831.180	72.514.684.163
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.616.984.264	4.427.382.792
Chi phí khấu hao	15.936.719.550	14.687.033.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.028.620.941	56.221.558.509
Chi phí khác	21.989.203.226	10.193.091.258
	218.616.359.161	158.043.749.817

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Bán phế liệu	6.802.832.226	13.515.173.426
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.248.224.565	191.389.756.749
Thu nhập khác	26.183.502.783	14.388.624.926
	36.234.559.574	219.293.555.101

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	3.291.082.139	176.899.852.762
Khác (*)	26.792.699.378	10.512.789.874
	30.083.781.517	187.412.642.636

- (*) Bao gồm khoản tiền truy thu và phạt thuế 11.039.479.294 đồng của Công ty TNHH Tôn Hoa Sen Phú Mỹ - một công ty con của Công ty trước đây. Vì công ty này đã giải thể theo Quyết định số 244/QĐ/HĐQT/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010 nên Công ty có trách nhiệm thanh toán khoản này.

28. THUẾ

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận tính thuế và ở mức 25%. Từ năm 2014, thuế suất là 25%. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

28. THUẾ (tiếp theo)

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 15% được thể hiện như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	389.258.929.720	330.145.585.519
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	58.388.839.458	49.521.837.828
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(13.755.469.574)	(35.741.850.123)
Chi phí không được khấu trừ	15.362.727.895	11.461.659.678
Ảnh hưởng của việc giảm thuế	(27.562.434.241)	(11.305.556.591)
Ảnh hưởng do thuế suất tăng	(5.281.603.174)	(4.871.229.296)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	-	515.437.500
Dự phòng thiếu của năm trước	-	6.125.106.520
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	27.152.060.364	15.705.405.516
Trong đó:		
Thuế TNDN hiện hành	(27.562.434.241)	(17.946.100.611)
Thuế TNDN hoãn lại	410.373.877	2.240.695.095

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

29. CỔ TỨC

Cổ tức được chia bằng tiền mặt với tỷ lệ bằng 10% mệnh giá cổ phiếu (mỗi cổ phiếu nhận được 1.000 đồng).

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	362.106.869.356	314.440.180.003
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	97.872.861	98.770.778
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	3.700	3.184

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	7.090.668.169.410	7.286.232.682.525
Chi phí nhân công	244.555.613.141	179.395.026.619
Chi phí khấu hao và phân bổ	201.868.400.350	142.477.716.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	587.851.209.315	413.740.194.206
Các chi phí khác	135.825.870.224	76.200.576.894
	8.260.769.262.440	8.098.046.196.740

32. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro biến động lãi suất), rủi ro nợ phải thu và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện, đo lường rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

Bộ phận Tài chính của Công ty đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

(a) Rủi ro thị trường**(i) Rủi ro tỷ giá**

Việc kinh doanh của Công ty có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá VND/USD và VND/EUR vì Công ty có các giao dịch mua nguyên vật liệu (thép cuộn cán nóng, kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm) và các khoản nợ bằng USD và EUR. Công ty giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá bằng việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

32. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá được trình bày như sau:

	30/9/2012		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	2.792.663.980	6.021.880	2.798.685.860
Phải thu thương mại	201.145.081.799	-	201.145.081.799
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	32.684.495.210	-	32.684.495.210
	236.622.240.989	6.021.880	236.628.262.869
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(1.654.121.552.075)	(58.267.488.000)	(1.712.389.040.075)
Phải trả thương mại	(335.345.977.364)	-	(335.345.977.364)
Người mua trả tiền trước	(2.605.798.786)	-	(2.605.798.786)
	(1.992.073.328.225)	(58.267.488.000)	(2.050.340.816.225)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(1.755.451.087.236)	(58.261.466.120)	(1.813.712.553.356)

	30/9/2011		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	275.189.185	6.201.902	281.391.087
Phải thu thương mại	127.760.566.730	-	127.760.566.730
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	47.077.345.333	-	47.077.345.333
	175.113.101.248	6.201.902	175.119.303.150
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(1.253.487.148.937)	(77.131.472.000)	(1.330.618.620.937)
Phải trả thương mại	(720.719.342.678)	-	(720.719.342.678)
Phải trả khác	(18.151.632.809)	-	(18.151.632.809)
	(1.992.358.124.424)	(77.131.472.000)	(2.069.489.596.424)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(1.817.245.023.176)	(77.125.270.098)	(1.894.370.293.274)

Mức độ rủi ro tỷ giá này thể hiện tổng giá trị thuần của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc USD và EUR. Khi tỷ giá VND/USD và/hoặc VND/EUR biến động, giá trị kỳ vọng của khoản này và lợi nhuận của Công ty sẽ thay đổi.

32. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(i) Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu tỷ giá VND/USD tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (16.216.106.162)/16.216.080.495 đồng (năm 2011: (16.773.549.559)/16.809.261.117 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu tỷ giá VND/EUR tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (539.374.651)/539.374.650 đồng năm 2011: (714.064.780)/714.064.780 đồng).

(ii) Rủi ro về giá

Công ty không phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại sẵn sàng để bán bởi vì Công ty không có các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết.

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Công ty có thể chịu rủi ro biến động lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Công ty đã và đang thực hiện định mức tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý để giảm thiểu nhu cầu vay ngắn hạn cũng như cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để đạt được chi phí lãi vay hợp lý. Công ty có các khoản vay lãi suất biến thiên chủ yếu là bằng đồng VND và USD.

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (13.026.542.571)/13.071.853.378 đồng (Năm 2011: (13.629.118.632)/13.629.118.632 đồng).

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng USD tăng/giảm 0,5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (7.003.069.527)/7.014.799.916 đồng (Năm 2011: (5.860.383.965)/5.860.383.965 đồng).

(b) Rủi ro nợ phải thu

Công ty giảm thiểu rủi ro nợ phải thu thông qua các chính sách sau:

- Xây dựng định mức dư nợ và số ngày nợ tối đa cho từng khách hàng cụ thể cùng với việc lập báo cáo chi tiết theo dõi quá trình thanh toán hàng ngày để xem xét đánh giá lại định mức cũng như phân loại nợ và đơn đốc thu hồi nợ;
- Tính lãi vay trên công nợ và giao định mức tỷ lệ dư nợ bình quân hàng tháng cho các bộ phận kinh doanh và các chi nhánh phân phối-bán lẻ;
- Không bán chịu cho khách hàng mới hay khách hàng có nợ quá hạn trên 90 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Nhờ các cơ quan chức năng giải quyết khi cần thiết.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

32. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro nợ phải thu (tiếp theo)

Các khoản nợ phải thu bao gồm như sau:

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Số tiền các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá là 781.577.125.040 đồng (2011: 885.936.578.211 đồng).

(ii) Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản phải thu.

Chi tiết tuổi nợ các khoản phải thu:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Quá hạn 1 đến 30 ngày	59.324.022.167	57.322.201.090
Quá hạn 31 đến 60 ngày	16.915.170.002	23.232.551.468
Quá hạn trên 60 ngày	77.912.709.302	20.852.075.882
	154.151.901.471	101.406.828.440

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng được xác định là có giảm giá và sự tăng giảm dự phòng giảm giá liên quan như sau:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Tổng các khoản phải thu	851.514.345.464	735.136.576.406
Trừ: Dự phòng giảm giá	(6.947.035.863)	(2.506.453.577)
	844.567.309.601	732.630.122.829
Số đầu năm	2.506.453.577	1.064.804.194
Lập dự phòng giảm giá	4.440.582.286	1.441.649.383
Số cuối năm	6.947.035.863	2.506.453.577

32. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có quỹ dự trữ tiền mặt để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

30/9/2012				
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012				
Phải trả thương mại	470.105.482.411	-	-	470.105.482.411
Vay ngắn hạn	1.874.783.164.492	-	-	1.874.783.164.492
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	156.290.587.968	601.196.070.400	577.090	757.487.235.458
	2.501.179.234.871	601.196.070.400	577.090	3.102.375.882.361

30/9/2011				
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011				
Phải trả thương mại	1.124.806.259.547	-	-	1.124.806.259.547
Vay ngắn hạn	2.058.178.693.714	-	-	2.058.178.693.714
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	187.289.179.248	622.927.960.836	6.133.252.789	816.350.392.873
	3.370.274.132.509	622.927.960.836	6.133.252.789	3.999.335.346.134

(d) Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng ngắn hạn, ký quỹ ngắn hạn, và các khoản phải trả người bán và phải trả khác ngắn hạn và các khoản vay là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

(i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	2.123.440.304.032	2.611.741.700.120
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	1.073.740.050.090	999.100.998.186
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2.940.296.181	2.563.105.478
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	-	43.209.452

(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	2.280.366.978.072	2.837.619.414.872
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	757.690.547.533	872.234.049.897
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	10.298.596.751	15.847.220.659

(iii) Bán tài sản cố định

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	129.354.538.219

(iv) Mua tài sản cố định

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	2.452.754.895
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	233.794.473	297.832.847

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

(v) Các giao dịch khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán khác	127.831.144	99.913.643
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Trả lại hàng bán	897.455.836	1.733.640.900
Bán khác	6.313.662.432	6.276.298.544
Trả lại hàng mua	4.010.927.659	13.337.154.162
Tiền vay nhận được	55.190.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen		
Tiền vay nhận được	1.500.000.000	5.000.000.000

(vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	1.072.200.000	954.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	6.358.681.967	4.293.126.682

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	-	8.800.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	289.635.970.616	286.921.219.296
	289.635.970.616	295.721.219.296
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 5)		
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc) - Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	955.746	-
	90.184.182.746	90.183.227.000
Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)		
<i>Phải thu lợi nhuận được chia từ các công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	52.213.284.884	153.458.750.365
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	11.487.184.884	29.807.279.768
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật tải và Cơ khí Hoa Sen	1.485.791.618	2.946.706.691
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	16.048.975.621
	65.186.261.386	202.261.712.445
Vay dài hạn (Thuyết minh 13(b))		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	6.500.000.000	5.000.000.000

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)**

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Phải trả người bán (Thuyết minh 14)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	10.655.332.192	39.785.925.034
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	1.746.493.870	2.506.928.721
	12.401.826.062	42.292.853.755
Phải trả khác (Thuyết minh 17)		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	109.723.758

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh tôn, thép và vật liệu xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Dưới 1 năm	18.846.143.567	18.064.277.823
Từ 1 đến 5 năm	50.657.547.840	53.726.255.649
Trên 5 năm	148.336.057.822	152.128.654.822
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	217.839.749.229	223.919.188.294

Thuyết minh Báo Cáo Tài chính riêng

Mẫu số B 09 - DN

36. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	186.444.843.145	28.575.744.556

Báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 3 tháng 12 năm 2012.



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012





Nội dung	Trang
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 - DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 - DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 - DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 - DN/HN)	9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 38. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 18 tháng 12 năm 2012



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 18 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



Quách Thành Châu
Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV
Phó Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3386

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Nguyễn Cao Nguyên".

Nguyễn Cao Nguyên
Số chứng chỉ KTV: 1184/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 9	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.606.071.890.530	3.070.651.036.971
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	67.431.992.847	128.408.998.636
111	Tiền		67.431.992.847	128.408.998.636
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.975.059.008	-
121	Đầu tư ngắn hạn		3.975.059.008	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		757.901.543.650	632.788.578.046
131	Phải thu khách hàng		607.105.628.000	464.096.658.842
132	Trả trước cho người bán	4	137.402.828.308	119.593.897.331
135	Các khoản phải thu khác	5	21.707.204.091	52.961.014.461
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.314.116.749)	(3.862.992.588)
140	Hàng tồn kho	6	1.539.822.107.871	2.015.660.254.333
141	Hàng tồn kho		1.541.607.709.143	2.015.660.254.333
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.785.601.272)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		236.941.187.154	293.793.205.956
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		37.748.239.662	34.577.517.459
152	Thuế GTGT được khấu trừ		190.977.572.774	213.700.550.637
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	856.983.479	8.374.590
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	7.358.391.239	45.506.763.270
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		2.716.867.560.343	2.845.099.689.574
220	Tài sản cố định		2.585.419.833.744	2.720.787.750.583
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	2.199.542.140.363	1.961.530.503.848
222	Nguyên giá		3.002.603.873.975	2.511.865.176.918
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(803.061.733.612)	(550.334.673.070)
224	Tài sản thuê tài chính	9(b)	119.589.366.865	44.582.403.790
225	Nguyên giá		133.541.500.504	49.508.539.047
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.952.133.639)	(4.926.135.257)
227	Tài sản cố định vô hình	9(c)	240.284.444.612	243.757.899.911
228	Nguyên giá		255.669.692.921	255.572.485.421
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.385.248.309)	(11.814.585.510)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(d)	26.003.881.904	470.916.943.034
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	59.456.331.634	58.329.390.954
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	44.456.331.634
258	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	(1.126.940.680)
260	Tài sản dài hạn khác		71.991.394.965	65.982.548.037
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	61.094.031.932	55.981.627.029
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12	7.539.813.132	7.615.641.836
268	Tài sản dài hạn khác		3.357.549.901	2.385.279.172
270	TỔNG TÀI SẢN		5.322.939.450.873	5.915.750.726.545

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2012 VNĐ	2011 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.304.412.330.536	4.133.025.325.171
310	Nợ ngắn hạn		2.693.075.577.757	3.486.299.271.149
311	Vay và nợ ngắn hạn	13(a)	2.039.925.750.068	2.254.114.037.158
312	Phải trả người bán		484.411.293.421	1.098.014.470.240
313	Người mua trả tiền trước		10.597.895.943	44.418.201.611
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	84.651.397.571	20.104.318.464
315	Phải trả người lao động		24.185.784.602	22.094.211.560
316	Chi phí phải trả	15	26.740.904.843	31.567.537.547
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	17.337.300.110	8.040.036.459
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	5.225.251.199	7.946.458.110
330	Nợ dài hạn		611.336.752.779	646.726.054.022
334	Vay và nợ dài hạn	13(b)	606.309.432.779	644.525.996.522
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		5.027.320.000	2.200.057.500
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.018.527.120.337	1.782.725.401.374
410	Vốn chủ sở hữu		2.018.527.120.337	1.782.725.401.374
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	19	(56.716.723.982)	(28.588.182.845)
416	Quỹ dự phòng tài chính	19	8.525.313.060	8.525.313.060
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.148.326.909	-
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	605.119.013.987	343.337.080.796
440	TỔNG NGUỒN VỐN		5.322.939.450.873	5.915.750.726.545

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ 137.559 đô la Mỹ (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 16.550 đô la Mỹ).



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2012 VNĐ	2011 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	10.110.988.306.667	8.179.487.707.829
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(23.032.075.122)	(13.501.096.775)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	10.087.956.231.545	8.165.986.611.054
11	Giá vốn hàng bán	(8.682.822.005.970)	(7.110.055.086.800)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.405.134.225.575	1.055.931.524.254
21	Doanh thu hoạt động tài chính	48.591.843.754	48.951.041.047
22	Chi phí tài chính	(409.241.900.486)	(457.975.718.659)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>(340.390.787.401)</i>	<i>(288.078.153.510)</i>
24	Chi phí bán hàng	(386.396.571.842)	(308.909.934.516)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(261.226.742.015)	(189.005.431.707)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	396.860.854.986	148.991.480.419
31	Thu nhập khác	31.785.941.720	88.059.566.021
32	Chi phí khác	(17.090.439.659)	(68.575.247.510)
40	Thu nhập khác (số thuần)	14.695.502.061	19.484.318.511
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	411.556.357.047	168.475.798.930
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(43.377.160.455)	(11.195.790.606)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(75.828.704)	2.888.366.577
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	368.103.367.888	160.168.374.901
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.761	1.622



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2012 VNĐ	2011 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	411.556.357.047	168.475.798.930
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	273.954.782.521	208.003.503.569
03	Các khoản dự phòng	5.109.784.753	1.500.052.536
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(4.119.532.487)	2.215.074.573
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(3.402.049.696)	(3.664.797.659)
06	Chi phí lãi vay	340.390.787.401	288.078.153.510
07	Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	(395.174.775)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.023.490.129.539	664.212.610.684
09	Tăng các khoản phải thu	(74.065.954.408)	(103.477.956.957)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	474.052.545.190	(568.627.969.724)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	(583.675.444.144)	585.354.085.832
12	Tăng các chi phí trả trước	(3.359.473.874)	(37.754.505.715)
13	Lãi vay đã trả	(346.276.674.459)	(280.776.644.491)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(28.530.747.597)	(4.883.181.198)
16	Chi khác cho hoạt động kinh doanh	(9.336.896.699)	(4.551.499.841)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	452.297.483.548	249.494.938.590
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(63.186.091.525)	(841.373.598.312)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.248.224.565	62.548.208.722
27	Thu lãi tiền gửi	3.862.359.199	3.664.797.659
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(56.075.507.761)	(775.160.591.931)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Chi mua cổ phiếu quỹ	(28.128.541.137)	(28.016.088.845)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	6.526.860.959.039	5.971.137.263.295
34	Chi trả nợ gốc vay	(6.822.779.336.715)	(5.279.815.361.496)
35	Tiền trả nợ thuê tài chính	(34.996.166.525)	(7.063.426.703)
36	Chi trả cổ tức	(96.593.160.025)	(50.029.215.450)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(455.636.245.363)	606.213.170.801
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(59.414.269.576)	80.547.517.460
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	128.408.998.636	50.162.949.043
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	(1.562.736.213)	(2.301.467.867)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	67.431.992.847	128.408.998.636

Các giao dịch phi tiền tệ chủ yếu trong năm bao gồm nhận tài sản cố định thuê tài chính với giá trị là 84.032.961.457 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: không có).



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 38 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008 cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Công ty có những công ty con sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	
			30/9/2012	30/9/2011
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị Xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp	100	100

Các công ty con đều được thành lập ở Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Tập đoàn có 2.949 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 2.960 nhân viên).

2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

2.3 Hợp nhất

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Liên doanh và công ty liên kết

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.3 Hợp nhất (tiếp theo)

Liên doanh và công ty liên kết (tiếp theo)

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giá thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đồng Việt Nam để hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.10 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian Công ty được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.11 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.12 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.14 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm những chi phí phát sinh liên quan đến nhiều năm nhưng không thỏa mãn điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Những chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian hữu dụng ước tính.

2.15 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

2.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên nhận đầu tư công bố chia cổ tức.

2.16 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.17 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

2.18 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

2.19 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả Tập đoàn mẹ, Tập đoàn con và Tập đoàn liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Tập đoàn liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ cũng được chú ý chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

2.20 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.21 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Tập đoàn. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Tiền mặt	23.431.416.059	9.386.304.571
Tiền gửi ngân hàng	43.100.528.271	118.988.694.065
Tiền đang chuyển	900.048.517	34.000.000
	67.431.992.847	128.408.998.636

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Bên thứ ba	47.219.601.308	29.410.670.331
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	90.183.227.000	90.183.227.000
	137.402.828.308	119.593.897.331

5. PHẢI THU KHÁC

Khoản phải thu khác bao gồm 13.279.135.464 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 26.558.270.928 đồng) phải thu từ việc thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	340.678.259.856	328.588.358.524
Nguyên vật liệu	190.622.980.418	424.301.598.775
Công cụ, dụng cụ	221.482.551.071	181.491.551.424
Chi phí SXKD dở dang	56.468.240	10.095.839
Thành phẩm tồn kho	710.083.474.030	960.731.017.901
Hàng hóa	78.683.975.528	120.537.631.870
	1.541.607.709.143	2.015.660.254.333
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.785.601.272)	-
	1.539.822.107.871	2.015.660.254.333

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.070.169.056.955 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 1.363.091.358.973 đồng).

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	20.797.918	-
Thuế và các khoản khác phải thu khác từ Nhà nước	836.185.561	8.374.590
	856.983.479	8.374.590

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn	2.486.311.258	39.207.131.927
Tạm ứng cho nhân viên	4.872.079.981	6.108.106.507
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	191.524.836
	7.358.391.239	45.506.763.270

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 - DN/HN

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	522.025.864.226	1.896.490.962.654	73.532.128.739	4.499.486.205	15.316.735.094	2.511.865.176.918
Mua trong năm	222.151.816	13.262.891.086	522.469.506	131.534.636	94.114.400	14.233.161.444
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	133.933.268.943	354.850.885.036	-	60.976.500	-	488.845.130.479
Thanh lý, nhượng bán	(1.226.500.000)	(10.338.042.378)	(147.807.001)	-	-	(11.712.349.379)
Giảm khác	1.204.116.427	(3.125.083.945)	(20.425.716)	859.887.486	454.260.261	(627.245.487)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	656.158.901.412	2.251.141.612.453	73.886.365.528	5.551.884.827	15.865.109.755	3.002.603.873.975
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	78.944.514.934	440.676.020.718	26.374.915.893	2.621.948.351	1.717.273.174	550.334.673.070
Khấu hao trong năm	35.627.915.126	214.366.534.387	8.478.549.269	644.799.557	2.240.323.001	261.358.121.340
Thanh lý, nhượng bán	(342.145.161)	(7.973.335.030)	(105.787.049)	-	-	(8.421.267.240)
Tặng/(giảm) khác	(182.203.238)	(271.621.232)	47.105.333	327.084.692	(130.159.113)	(209.793.558)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	114.048.081.661	646.797.598.843	34.794.783.446	3.593.832.600	3.827.437.062	803.061.733.612
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	443.081.349.292	1.455.814.941.936	47.157.212.846	1.877.537.854	13.599.461.920	1.961.530.503.848
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	542.110.819.751	1.604.344.013.610	39.091.582.082	1.958.052.227	12.037.672.693	2.199.542.140.363

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 49.172.810.851 đồng đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 6.617.650.581 đồng) nhưng vẫn còn đang được sử dụng. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 1.137.287.394.652 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 937.725.317.496 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	49.508.539.047
Tăng trong năm	84.032.961.457
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	133.541.500.504
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	4.926.135.257
Tăng trong năm	9.025.998.382
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	13.952.133.639
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	44.582.403.790
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	119.589.366.865

(c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	253.748.657.317	1.823.828.104	255.572.485.421
Tăng trong năm	13.567.500	83.640.000	97.207.500
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	253.762.224.817	1.907.468.104	255.669.692.921
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	10.860.957.974	953.627.536	11.814.585.510
Tăng trong năm	3.268.889.483	301.773.316	3.570.662.799
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	14.129.847.457	1.255.400.852	15.385.248.309
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2011	242.887.699.343	870.200.568	243.757.899.911
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	239.632.377.360	652.067.252	240.284.444.612

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 164.111.293.657 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 150.236.457.785 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	470.916.943.034	600.863.044.677
Tăng	48.855.722.581	726.383.063.929
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.923.653.232)	(4.138.662.022)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(488.845.130.479)	(852.139.924.642)
Thanh lý	-	(50.578.908)
Số dư cuối năm	26.003.881.904	470.916.943.034
Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:		
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	18.569.355.451	344.399.711.468
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	5.113.690.655	78.778.683.205

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 8.715.760.598 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: 7.300.447.031 đồng).

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền	
				30.9.2012 VNĐ	30.9.2011 VNĐ
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009	45	44.456.331.634	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác					
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3	15.000.000.000	15.000.000.000
				59.456.331.634	59.456.331.634
				-	(1.126.940.680)
				59.456.331.634	58.329.390.954

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	55.981.627.029	34.231.203.940
Tăng trong năm	37.971.342.489	40.881.582.593
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.923.653.232	4.138.662.022
Chuyển từ TSCĐ	-	93.360.012
Phân bổ trong năm	(37.782.590.818)	(22.377.114.533)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(143.091.058)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(842.975.947)
Số dư cuối năm	61.094.031.932	55.981.627.029

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm, sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí thuê hoạt động trả trước.

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	7.615.641.836	4.727.275.259
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(75.828.704)	2.888.366.577
Số dư cuối năm	7.539.813.132	7.615.641.836

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ doanh thu bán hàng nội bộ với các chi nhánh của Công ty, lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước.

13. CÁC KHOẢN VAY**(a) Vay ngắn hạn**

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (*)	1.874.783.164.492	2.058.178.693.714
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh 13(b))	144.621.141.648	187.289.179.248
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 13(b))	20.521.443.928	8.646.164.196
	2.039.925.750.068	2.254.114.037.158

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
01	USD	4,5% - 7%	397.349.294.200	162.816.804.000
02	VND	11% - 18,5%	66.800.000.000	416.200.000.000
03	USD	3,6% - 7,7%	132.506.031.645	39.224.142.000
04	VND	12,5% - 17,3%	10.007.000.000	21.960.000.000
05	USD	3% - 8%	256.450.792.619	268.532.580.897
06	VND	9% - 18,5%	184.210.428.571	170.041.793.679
07	USD	5,8% - 8%	115.637.056.000	150.378.120.000
08	VND	17,5% - 20,4%	-	42.600.000.000
09	USD	3,6% - 8,6%	99.490.344.783	117.411.357.826
10	VND	11,2% - 17,8%	28.390.000.000	48.000.000.000
11	USD	5%	39.573.200.000	5.961.492.000
12	USD	6% - 8%	13.954.760.000	92.788.745.832
13	USD	5,8% - 6,8%	-	22.741.543.436
14	USD	6,5% - 8,2%	-	35.536.177.397
15	VND	13,2% - 19,8%	-	35.100.000.000
16	USD	6% - 8,5%	28.364.976.082	-
17	VND	20%	-	44.000.000.000
18	USD	5,1% - 6,5%	57.818.528.000	98.364.141.906
19	USD	4,8% - 6,8%	231.332.534.540	-
20	VND	12,7% - 19%	-	85.400.000.000
21	USD	4% - 5,3%	183.498.218.052	129.789.639.741
22	VND	11,2% - 18,5%	29.400.000.000	71.332.155.000
			1.874.783.164.492	2.058.178.693.714

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Tập đoàn.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

13. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Vay và nợ dài hạn

		30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Vay ngân hàng	(*)	638.262.330.949	734.218.920.873
Nợ thuê tài chính	(**)	74.922.199.406	29.110.947.093
Nợ dài hạn khác	(***)	58.267.488.000	77.131.472.000
		771.452.018.355	840.461.339.966
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 13(a))		(144.621.141.648)	(187.289.179.248)
Trừ: Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh 13(a))		(20.521.443.928)	(8.646.164.196)
		606.309.432.779	644.525.996.522

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
01	VND	25/09/2017	13% - 17,6%	155.288.986.000	188.753.256.000
02	VND	11/06/2016	13% - 18%	290.697.516.695	-
03	USD	15/09/2013	7,2% - 7,5%	1.564.516.048	3.098.985.696
04	VND	26/04/2015	14 - 17,9%	9.229.890.000	13.861.890.000
05	VND	24/10/2015	7,8% - 8,4%	35.500.000.000	49.720.000.000
06	USD	08/09/2018	1,7%	96.581.300.106	112.403.818.206
07	VND	17/07/2017	14 - 16,5%	49.400.122.100	-
08	VND	26/10/2016	15% - 18,5%	-	40.865.888.000
09	VND	29/03/2016	14,9% - 21%	-	297.075.482.971
10	VND	27/12/2012	23%	-	14.000.000.000
11	USD	02/05/2012	6,5%	-	14.439.600.000
				638.262.330.949	734.218.920.873

Tất cả các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản vay này.

13. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(c) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

(**) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

Các khoản nợ thuê tài chính

30/9/2012			
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	30.258.852.744	9.737.408.816	20.521.443.928
Từ 1-5 năm	67.908.490.149	13.507.734.671	54.400.755.478
	98.167.342.893	23.245.143.487	74.922.199.406

30/9/2011			
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	12.912.102.101	4.265.937.905	8.646.164.196
Từ 1-5 năm	25.157.688.888	4.692.905.991	20.464.782.897
	38.069.790.989	8.958.843.896	29.110.947.093

Tất cả các khoản nợ trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản nợ này.

(***) Nợ dài hạn khác là Khoản nợ 2.144.000 Euro tương đương 58.267.488.000 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2011: 2.728.000 Euro tương đương 77.131.472.000 đồng) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 5 năm 2016.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	46.827.168.659	10.340.205.509
Thuế giá trị gia tăng	17.603.888.915	2.804.260.421
Thuế xuất nhập khẩu	76.358.503	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.678.975.563	4.811.764.787
Thuế khác	465.005.931	2.148.087.747
	84.651.397.571	20.104.318.464

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Điện	3.855.747.726	235.804.437
Xây dựng cơ bản dở dang	1.623.564.318	9.737.303.244
Chi phí vận chuyển	1.981.006.445	7.285.891.191
Phí kiểm toán	785.454.544	919.599.998
Lương tháng 13	10.262.949.429	3.472.230.000
Lãi vay	3.892.928.961	9.778.816.019
Chi phí phải trả khác	4.339.253.420	137.892.658
	26.740.904.843	31.567.537.547

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Cổ tức phải trả	2.494.771.525	1.397.909.550
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	949.195.838	918.853.052
Phải trả khác (*)	13.893.332.747	5.723.273.857
	17.337.300.110	8.040.036.459

17. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Số dư đầu năm	7.946.458.110	1.728.997.376
Trích lập	6.406.734.996	10.768.960.575
Sử dụng	(4.364.403.876)	(4.551.499.841)
Hoàn nhập vào lợi nhuận chưa phân phối	(4.055.557.395)	-
Giảm khác	(707.980.636)	-
Số dư cuối năm	5.225.251.199	7.946.458.110

18. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

	30/9/2012		30/9/2011	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Cổ phiếu được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu quỹ	(3.859.212)	-	(2.020.012)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	96.931.578	-	98.770.778	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 - DN/HN

19. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ khác của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	1.007.907.900.000	451.543.290.363	-	244.094.315.470	(572.094.000)	8.525.313.060	1.711.498.724.893
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	160.168.374.901	-	-	160.168.374.901
Chi trả cổ tức	-	-	-	(50.156.649.000)	-	-	(50.156.649.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.016.088.845)	-	(28.016.088.845)
Trích lập quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi	-	-	-	(10.768.960.575)	-	-	(10.768.960.575)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	1.007.907.900.000	451.543.290.363	-	343.337.080.796	(28.588.182.845)	8.525.313.060	1.782.725.401.374
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	368.103.367.888	-	-	368.103.367.888
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2011	-	-	-	4.055.557.395	-	-	4.055.557.395
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(97.557.418.000)	-	-	(97.557.418.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.128.541.137)	-	(28.128.541.137)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.412.839.096	(6.412.839.096)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(6.406.734.996)	-	-	(6.406.734.996)
Chuyển từ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	707.980.636	-	-	-	707.980.636
Sử dụng quỹ khác	-	-	(4.972.492.823)	-	-	-	(4.972.492.823)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	1.007.907.900.000	451.543.290.363	2.148.326.909	605.119.013.987	(56.716.723.982)	8.525.313.060	2.018.527.120.337

(*) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ/HĐCĐ/HSG/2012 ngày 22 tháng 3 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị ra Nghị quyết số 14/NQ/HĐQT/2012 ngày 26 tháng 3 năm 2012 và Nghị quyết số 30/NQ/HĐQT/2012 ngày 15 tháng 6 năm 2012 về việc chia cổ tức.

20. DOANH THU**(a) Doanh thu thuần**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Doanh thu		
Bán thành phẩm	9.246.014.302.100	7.036.652.233.437
Bán hàng hóa	859.638.108.267	1.142.374.278.626
Cung cấp dịch vụ	5.335.896.300	461.195.766
	10.110.988.306.667	8.179.487.707.829
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(109.570.991)	(771.748.862)
Hàng bán bị trả lại	(22.531.595.056)	(12.399.818.026)
Giảm giá hàng bán	(390.909.075)	(329.529.887)
	(23.032.075.122)	(13.501.096.775)
	10.087.956.231.545	8.165.986.611.054

(b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	3.862.359.199	3.664.797.659
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.729.484.555	45.286.243.388
	48.591.843.754	48.951.041.047

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thành phẩm	7,891,069,900,293	6.134.894.497.014
Hàng hóa	787.245.656.610	974.686.899.800
Dịch vụ	2.720.847.795	473.689.986
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.785.601.272	-
	8.682.822.005.970	7.110.055.086.800

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Lãi vay	340.390.787.401	288.078.153.510
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	69.978.053.765	169.323.624.469
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.126.940.680)	573.940.680
	409.241.900.486	457.975.718.659

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Chi phí nhân viên	96.577.676.057	74.294.554.728
Chi phí khấu hao	18.760.384.721	19.076.605.544
Chi phí vật liệu bao bì	1.907.889.808	2.224.576.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.883.446.862	200.283.807.110
Chi phí khác	19.267.174.394	13.030.390.259
	386.396.571.842	308.909.934.516

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	122.823.603.993	85.402.603.087
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.632.842.779	6.897.187.132
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.634.879.798	15.456.525.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.909.659.257	58.734.562.479
Chi phí khác	37.225.756.188	22.514.553.818
	261.226.742.015	189.005.431.707

25. THU NHẬP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Bán phế liệu	6.803.832.226	13.889.373.722
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.248.224.565	62.548.208.722
Thu nhập khác	21.733.884.929	11.621.983.577
	31.785.941.720	88.059.566.021

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	3.291.082.139	62.153.033.947
Chi phí khác (*)	13.799.357.520	6.422.213.563
	17.090.439.659	68.575.247.510

- (*) Bao gồm khoản tiền truy thu và phạt thuế 11.039.479.294 đồng của Công ty TNHH Tôn Hoa Sen Phú Mỹ - một công ty con của Công ty trước đây. Vì công ty này đã giải thể theo Quyết định số 244/QĐ/HĐQT/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010 nên Công ty có trách nhiệm thanh toán khoản này.

27. THUẾ**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận tính thuế và ở mức 25%. Từ năm 2014, thuế suất là 25%. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận tính thuế (2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

27. THUẾ (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận tính thuế đầu tiên (2007) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước bằng 25% lợi nhuận tính thuế.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo các mức thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	411,556,357,047	168.475.798.930
Thuế tính theo các mức thuế suất của Tập đoàn	69.433.661.677	32.817.263.416
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	17.560.066.771	11.733.495.715
Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn	241.898.021	222.349.899
Thu nhập không chịu thuế	(13.755.469.574)	(7.834.555.531)
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(4.379.706.492)	-
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(29.408.100.515)	(16.706.325.506)
Dự phòng thiếu của năm trước	8.556.039.864	7.174.128.628
Giảm thuế suất	(4.795.400.593)	(5.282.277.768)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	-	515.437.500
Thuế TNDN được hoàn (*)	-	(14.332.092.324)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	43.452.989.159	8.307.424.029

- (*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn thể hiện khoản tiền Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen nhận lại trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 theo kết luận thanh tra thuế của Tổng Cục thuế. Trước đó, khoản tiền này đã được công ty này tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 và nộp cho Nhà nước theo yêu cầu của Cục thuế sở tại. Việc hoàn lại thuế này là do sự khác biệt trong cách diễn giải quy định về thuế liên quan đến việc ưu đãi thuế của công ty này giữa Cục thuế sở tại và Tổng Cục thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập tính thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

28. CỔ TỨC

Cổ tức được chia bằng tiền mặt với tỷ lệ bằng 10% mệnh giá cổ phiếu (mỗi cổ phiếu nhận được 1.000 đồng).

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	368.103.367.888	160.168.374.901
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	97.872.861	98.770.778
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	3.761	1.622

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	10.177.050.899.778	11.051.234.931.496
Chi phí nhân công và nhân viên	310.562.325.023	211.527.664.606
Chi phí khấu hao và phân bổ	260.224.527.337	194.945.656.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	644.786.710.718	456.919.316.405
Các chi phí khác	185.034.803.092	107.380.837.177
	11.577.659.265.948	12.022.008.406.014

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các yếu tố rủi ro tài chính

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn có thể chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro biến động lãi suất), rủi ro nợ phải thu và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện, đo lường rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro.

Bộ phận Tài chính của Tập đoàn đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro thị trường

(l) Rủi ro tỷ giá

Việc kinh doanh của Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá VND/USD và VND/EUR vì Tập đoàn có các giao dịch mua nguyên vật liệu (thép cuộn cán nóng, kẽm thỏi, hợp kim nhôm kẽm) và các khoản nợ bằng USD và EUR. Tập đoàn giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá bằng việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, tạo doanh thu bằng USD để bù đắp nhu cầu USD cho hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu. Ngoài ra, Tập đoàn thường xuyên căn cứ vào tình hình thị trường để dự đoán biến động tỷ giá nhằm có những chính sách phù hợp để giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tỷ giá được trình bày như sau:

	30/9/2012		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	2.865.102.635	6.021.880	2.871.124.515
Phải thu thương mại	201.145.081.799	-	201.145.081.799
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	37.532.010.178	39.699.997	37.571.710.175
	241.542.194.612	45.721.877	241.587.916.489
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(1.654.121.552.075)	(58.267.488.000)	(1.712.389.040.075)
Phải trả thương mại	(335.204.971.804)	-	(335.204.971.804)
Phải trả khác	(2.054.807.729)	-	(2.054.807.729)
	(1.991.381.331.608)	(58.267.488.000)	(2.049.648.819.608)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(1.749.839.136.996)	(58.221.766.123)	(1.808.060.903.119)

	30/9/2011		
	Số dư bằng USD Tương đương VNĐ	Số dư bằng EUR Tương đương VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản tài chính			
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	334.891.361	6.201.902	341.093.263
Phải thu thương mại	127.760.566.730	-	127.760.566.730
Ứng trước cho người bán và ký quỹ	48.685.493.899	1.596.180.660	50.281.674.559
	176.780.951.990	1.602.382.562	178.383.334.552
Nợ tài chính			
Các khoản vay	(1.253.487.148.937)	(77.131.472.000)	(1.330.618.620.937)
Phải trả thương mại	(720.824.344.088)	-	(720.824.344.088)
Phải trả khác	(18.151.632.809)	-	(18.151.632.809)
	(1.992.463.125.834)	(77.131.472.000)	(2.069.594.597.834)
Mức độ rủi ro tỷ giá	(1.815.682.173.844)	(75.529.089.438)	(1.891.211.263.282)

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)****(i) Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)**

Mức độ rủi ro tỷ giá này thể hiện tổng giá trị thuần của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc USD và EUR. Khi tỷ giá VND/USD và/hoặc VND/EUR biến động, giá trị kỳ vọng của khoản này và lợi nhuận của Tập đoàn sẽ thay đổi.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu tỷ giá VND/USD tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (16.164.238.728)/16.164.265.894 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: (16.759.170.150)/16.794.867.690 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu tỷ giá VND/EUR tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (539.008.041)/539.008.041 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: (699.284.963)/699.284.963 đồng).

(ii) Rủi ro về giá

Tập đoàn không phải chịu rủi ro giá chứng khoán vốn phát sinh từ các khoản đầu tư được phân loại sẵn sàng để bán bởi vì Tập đoàn không có các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết.

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Tập đoàn có thể chịu rủi ro biến động lãi suất đối với các khoản vay của Tập đoàn. Tập đoàn đã và đang thực hiện định mức tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý để giảm thiểu nhu cầu vay ngắn hạn cũng như cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để đạt được chi phí lãi vay hợp lý. Tập đoàn có các khoản vay lãi suất biến thiên chủ yếu là bằng đồng VND và USD.

(iii) Rủi ro biến động lãi suất

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng VND tăng/giảm 1% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (13.264.531.271)/13.309.842.079 đồng (Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: (13.967.627.970)/ 13.967.627.970 đồng).

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, nếu lãi suất đối với các khoản vay bằng USD tăng/giảm 0,5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn trong năm sẽ (giảm)/tăng một khoản là (7.003.069.527)/7.014.799.916 đồng (Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: (5.860.383.965)/5.860.383.965 đồng).

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro nợ phải thu

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro nợ phải thu thông qua các chính sách sau:

- Xây dựng định mức dư nợ và số ngày nợ tối đa cho từng khách hàng cụ thể cùng với việc lập báo cáo chi tiết theo dõi quá trình thanh toán hàng ngày để xem xét đánh giá lại định mức cũng như phân loại nợ và đôn đốc thu hồi nợ;
- Tính lãi vay trên công nợ và giao định mức tỷ lệ dư nợ bình quân hàng tháng cho các bộ phận kinh doanh và các chi nhánh phân phối-bán lẻ;
- Không bán chịu cho khách hàng mới hay khách hàng có nợ quá hạn trên 90 ngày, trừ các trường hợp đặc biệt do Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.
- Nhờ các cơ quan chức năng giải quyết khi cần thiết.

Các khoản nợ phải thu bao gồm như sau:

(i) Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu là từ các Tập đoàn có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Số tiền các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác của Tập đoàn không quá hạn cũng không bị giảm giá là 410.116.200.783 đồng (Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011: 341.220.827.915 đồng).

(ii) Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá

Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá ngoại trừ các khoản phải thu.

Chi tiết tuổi nợ các khoản phải thu:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Quá hạn 1 đến 30 ngày	67.502.933.962	58.019.004.033
Quá hạn 31 đến 60 ngày	17.656.803.188	27.810.788.040
Quá hạn trên 60 ngày	80.994.592.700	26.756.921.845
	166.154.329.850	112.586.713.918

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(c) Rủi ro nợ phải thu (tiếp theo)***(ii) Các tài sản tài chính quá hạn và/hoặc giảm giá (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng được xác định là có giảm giá và sự tăng giảm dự phòng giảm giá liên quan như sau:

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Tổng các khoản phải thu	607.105.628.000	464.096.658.842
Trừ: Dự phòng giảm giá	(8.314.116.749)	(3.862.992.588)
	<u>598.791.511.251</u>	<u>460.233.666.254</u>
Số đầu năm	3.862.992.588	2.073.644.326
Lập dự phòng giảm giá	4.451.124.161	1.789.348.262
Số cuối năm	<u>8.314.116.749</u>	<u>3.862.992.588</u>

Thuyết Minh

Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo Tập đoàn luôn có quỹ dự trữ tiền mặt để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	30/9/2012			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012				
Phải trả thương mại	484.411.293.421	-	-	484.411.293.421
Vay ngắn hạn	1.874.783.164.492	-	-	1.874.783.164.492
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	165.142.585.576	606.308.855.689	577.090	771.452.018.355
	2.524.337.043.489	606.308.855.689	577.090	3.130.646.476.268

	30/9/2011			
	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011				
Phải trả thương mại	1.098.014.470.240	-	-	1.098.014.470.240
Vay ngắn hạn	2.058.178.693.714	-	-	2.058.178.693.714
Phải trả các khoản vay, nợ dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	195.935.343.444	638.392.743.733	6.133.252.789	840.461.339.966
	3.352.128.507.398	638.392.743.733	6.133.252.789	3.996.654.503.920

31. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng ngắn hạn, ký quỹ ngắn hạn, và các khoản phải trả người bán và phải trả khác ngắn hạn và các khoản vay là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	1.072.200.000	954.000.000
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	6.358.681.967	4.293.126.682

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 4)		
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc)		
Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh vật liệu tôn, thép và vật liệu xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính Hợp Nhất

Mẫu số B 09 – DN/HN

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Dưới 1 năm	21.998.113.123	21.194.152.720
Từ 1 đến 5 năm	66.417.395.619	69.375.630.134
Trên 5 năm	246.047.114.053	251.241.359.892
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	334.462.622.795	341.811.142.746

35. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2012 VNĐ	30/9/2011 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	186.444.843.145	28.575.744.556

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 18 tháng 12 năm 2012.



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

HOA SEN GROUP

Số 9 Đại lộ Thống Nhất,
Khu công nghiệp Sóng Thần 2,
Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Bình Dương
Website: www.hoasengroup.vn
ĐT: (0650) 3790 955
Fax: (0650) 3790 888